

Night Elie Wiesel
Giải Nobel Hòa Bình 1986

Đêm

Bản dịch:

Hải Phong



NIGHT (LA NUIT)
Elie Wiesel
Giải Nobel Hòa Bình 1986

ĐÊM

Hải Phong dịch

*Nguyên bản LA NUIT do
Nhà Xuất bản
Les Éditions de Minuit (Paris) phát hành năm 1958
©1958-2007 by Les Éditions de Minuit
7, rue Bernard-Palissy
75006 Paris, France*

*Bản dịch Anh ngữ NIGHT do Marion Wiesel dịch
Nhà Xuất bản Hill and Wang, chi nhánh của
Farrar, Strauss and Giroux (New York, USA)
phát hành lần đầu tiên năm 2006*

*Bản dịch Việt ngữ ĐÊM do Hải Phong dịch
Chú bút Đỗ Quân hiệu đính
Nhà Xuất bản Tự Lực (Hoa Kỳ) xuất bản và
phát hành lần đầu tiên năm 2010
Nhà Xuất bản Les Éditions de Minuit (Paris)
giữ bản quyền*

Lời nói đầu của Elie Wiesel cho bản dịch mới

Nếu suốt trong cả cuộc đời, tôi chỉ được viết có một quyển sách, thì phải là quyển sách này. Cũng như dĩ vãng vương vẩn trong hiện tại, tất cả những gì tôi viết sau *Đêm*, kể cả những bài viết về chủ đề Thánh kinh, Talmud^{1[1]} hoặc Hasid^{2[2]}, đều mang dấu ấn sâu đậm của *Đêm*, và người đọc sẽ không thể hiểu được nếu chưa từng đọc qua tác phẩm đầu tay này của tôi.

Tại sao tôi lại viết quyển sách này?

Có phải rằng tôi đã viết để mà khỏi phát điên, hay ngược lại, để hoá điên để mà hiểu được bản chất của sự điên rồ, của cơn điên bao la, khủng khiếp đã bùng nổ trong lịch sử và trong lương tâm của con người?

Phải chăng tôi viết để lưu lại một di sản bằng chữ, bằng các hồi ức, để giúp ngăn ngừa lịch sử khỏi tái diễn?

Hay phải chăng chỉ là để bảo tồn một hồ sơ về khổ hình mà tôi đã phải chịu hồi niên thiếu, ở cái tuổi mà kiến thức của người ta lúc đó về sự chết và cái xấu chỉ nên được giới hạn trong mức độ những gì người ta khám phá qua văn chương.

Có những người đã bảo tôi rằng tôi sống sót là để viết những hàng chữ này. Tôi không tin như thế. Tôi không biết tôi đã sống sót bằng *cách nào*, hồi đó tôi yếu đuối, khá nhút nhát; tôi đã chẳng làm gì để tự cứu mình. Một phép lạ? Chắc chắn là không rồi. Nếu trời có thể và muốn làm một phép lạ cho tôi, tại sao trời lại không làm cho những người khác xứng đáng hơn tôi? Chẳng qua chỉ là cơ may. Tuy nhiên, đã sống sót, tôi cần phải cho sự sống sót của tôi một ý nghĩa. Phải chăng để bảo vệ ý nghĩa đó mà tôi đã đặt lên giấy một trải nghiệm trong đó chẳng có gì có ý nghĩa cả?

Nhìn lại, tôi phải tự thú rằng tôi không biết, hay không còn biết, tôi đã muốn đạt được những gì qua những dòng chữ của mình. Tôi chỉ biết rằng nêu không có lời khai chứng này, cuộc đời viết văn của tôi – hay giản dị là cuộc đời của tôi – đã không thể trở thành cuộc đời mà tôi đang có: cuộc đời của một nhân chứng đã tin rằng anh ta có nghĩa vụ đạo đức để cố gắng ngăn cản không cho kẻ thù hưởng được một chiến thắng cuối cùng bằng cách để cho các tội ác của nó được xóa khỏi ký ức của nhân loại.

Ngày nay, nhờ vào những văn kiện mới được phát giác, các chứng cứ cho thấy rằng trong những ngày đầu vừa tiếp cận quyền lực, bọn Đức Quốc xã đã bắt đầu xây dựng một xã hội trong đó đơn giản là không có chỗ cho người Do Thái, về cuối triều đại của chúng, mục tiêu của chúng đã thay đổi, chúng quyết định để lại một thế giới điêu tàn, nơi đó có vẻ như là những người Do Thái chưa hề hiện hữu. Đó là lý do tại sao ở mọi nơi tại Nga, tại Ukraine và tại Lithuania, bọn Einsatzgruppen^{3[3]} đã thi hành lệnh Giải pháp Cuối cùng bằng cách xoay nòng súng liên thanh vào hơn một triệu người Do Thái, đàn ông, đàn bà và trẻ con, rồi ném xác họ vào những nắm mô tập thể khổng lồ được chính các nạn nhân đào ra ngay trước đó. Các đơn vị đặc biệt sau đó sẽ đào các xác chết này lên để thiêu. Như thế, lần đầu tiên trong lịch sử, người Do Thái không những chỉ bị giết hai lần và còn không được phép chôn trong một nghĩa địa.

Hiển nhiên là cuộc chiến tranh mà Hitler và các đồng lõa của ông ta đã tiến hành là một chiến tranh không chỉ nhằm vào người Do Thái, đàn ông, đàn bà và trẻ con, mà còn nhằm vào Do Thái giáo, văn hoá Do Thái, truyền thống Do Thái, nghĩa là ký ức Do Thái.

Tin rằng giai đoạn này của lịch sử một ngày nào đó sẽ được phán xét, tôi biết rằng tôi phải làm chứng. Tôi cũng biết rằng trong khi tôi có nhiều điều để nói, tôi đã không đủ chữ để nói lên những điều đó. Đau khổ nhận thức được mặt hạn chế của mình, tôi bất lực trở mắt nhìn khi ngôn ngữ trở thành một chướng ngại. Thật là rõ ràng là cần phải sáng chế ra một ngôn ngữ mới. Nhưng làm thế nào để người ta cải tạo và chuyển hóa những con chữ đã bị kẻ thù phản bội và tha hóa? Đói khát – sợ – dòi chuyễn – tuyền chọn – lừa – hỏa lò: những chữ này đều có một ý nghĩa nội tại, nhưng ở trong những thời điểm đó, chúng mang những ý nghĩa khác. Viết bằng tiếng mẹ đẻ của tôi – thứ tiếng lúc đó đang ở bên bờ tuyệt chủng – tôi sẽ dừng lại ở mỗi câu để bắt đầu lại, bắt đầu lại lần nữa. Tôi sẽ đổi các động từ khác, các hình ảnh khác, các tiếng khóc âm thầm khác. Thế mà vẫn nó chưa chính xác. Nhưng “nó” thực tế là cái gì? Nó là một cái gì trốn tránh, được che phủ vì sợ sẽ bị cướp mất, bị làm cho ô uế mất. Tất cả những gì mà tự điển gợi ra đều có vẻ ồm ồm, xanh xao, vô hồn. Có cách nào để miêu tả cuộc hành trình cuối cùng trong toa xe chở súc vật bị đóng kín, cuộc hành trình cuối cùng đến nơi không hay biết? Hay sự khám phá một vũ trụ điên loạn và giá băng, nơi trở nên tàn bạo là con người, nơi những kẻ có kỷ luật, có giáo dục mặc đồng phục đến để giết chóc, và những đứa trẻ thơ vô tội, những người già mệt mỏi đến để chết? Hay là vô vàn những cuộc phân rẽ chỉ trong một đêm sôi bỏng, sự xé nát trọn những gia đình, trọn những cộng đồng? Hoặc, thật khó tin, sự biến mất của một bé gái Do Thái tóc vàng, xinh xắn, ngoan

ngoãn có nụ cười buồn, đã bị sát hại cùng với mẹ em ngay trong cái đêm họ mới đến? Làm cách nào để người ta có thể nói về họ mà suốt đời không run lên, không tan nát trong tim?

Trong thâm tâm, nhân chứng lúc đó đã biết rõ, như bây giờ anh biết, rằng lời chứng của anh sẽ không được nhận. Vì rằng lời chứng đó là về một sự kiện nảy sinh từ lãnh vực xấu xa nhất của con người. Chỉ có những ai đã từng trải nghiệm Auschwitz mới biết nó là gì. Những người khác sẽ không bao giờ biết.

Nhưng ít ra, họ sẽ có hiểu được không?

Có thể nào những người coi việc giúp đỡ người yếu đuối, chữa trị người ốm, bảo vệ trẻ con và tôn trọng sự khôn ngoan của người già là bình thường, sẽ hiểu được những gì xảy ra ở đó hay không? Liệu bây giờ họ có thể hiểu được bằng cách nào trong cái vũ trụ bị nguyên rủa đó những kẻ thống trị tra tấn các người yếu đuối và tàn sát trẻ con, người bệnh và người già?

Thế nhưng, đã sống qua trải nghiệm này người ta không thể giữ im lặng, bất kể khó khăn đến mức nào, nếu còn có thể, để nói lên.

Và như thế tôi đã kiên trì. Và đã tin vào cái im lặng đã bao trùm và chuyển hóa những con chữ. Luôn biết rằng bất cứ một cánh đồng tro nào ở Birknenau cũng có giá trị hơn tất cả những lời cung chứng về Birknenau. Vì rằng, bất kể tất cả mọi nỗ lực của tôi để thốt lên được cái không nói được, “nó” vẫn chưa được đúng.

Phải chăng đó là lý do tại sao bản thảo của tôi – viết bằng tiếng Yiddish với tựa đề “Và Thế Giới Vẫn Giữ Im Lặng” và được dịch đầu tiên sang tiếng Pháp, rồi tiếng Anh – đã bị tất cả các nhà xuất bản lớn, Pháp và Mỹ, từ chối, cho dù François Mauriac, nhà văn vĩ đại người Thiên chúa giáo của Pháp, cũng là người đoạt giải Nobel, đã cố gắng không ngừng. Phải sau hàng tháng trời đích thân đến tận nơi, viết thư, gọi điện thoại, cuối cùng ông mới thành công trong việc làm cho nó được nhận in.

Mặc dù tôi đã cắt rất nhiều, nguyên bản tiếng Yiddish vẫn còn quá dài. Jérôme Lindon, người lãnh đạo huyền thoại của nhà xuất bản Les Editions de Minuit, đã hiệu đính và cắt thêm ở bản tiếng Pháp. Tôi chấp nhận quyết định của ông vì tôi lo rằng một vài điều tôi viết có thể đã quá dài dòng. Chỉ có bản thể là quan trọng. Tôi sợ rằng mình đã nói quá nhiều hơn là sợ mình đã nói chưa đủ.

Khởi đầu là lòng tin – một điều trẻ con; cây trồng – một điều vô ích; và ảo tưởng – một điều nguy hiểm.

Chúng ta tin vào Thượng đế, cây trồng vào con người, và sống với ảo tưởng mà mỗi người trong chúng ta đã dâng phó với sự bùng lên từ tia lửa của Shekhinah⁴[4], rằng mỗi người trong chúng ta mang trong mắt và trong hồn một hình ảnh phản chiếu của Thượng đế.

Nếu không phải là nguyên nhân thì *điều đó* chính là nguồn cội của tất cả mọi khổ hình của chúng ta.

Những đoạn khác trong nguyên bản tiếng Yiddish nói nhiều về cái chết của cha tôi và về cuộc Giải phóng. Tại sao không thêm những đoạn này vào bản dịch mới? Có lẽ là vì quá riêng tư, quá cá nhân, những đoạn này cần được ngấm hiều. Và vẫn còn...

Tôi nhớ đêm đó, cái đêm khủng khiếp nhất trong đời tôi:

“... Eliezer, con trai, lại đây con ... Cha muốn nói với con vài điều... Chỉ với con ... Đến đây con, đừng bỏ cha một mình ... Eliezer”

Tôi nghe tiếng ông, hiểu được ý nghĩa những lời của ông và tầm vóc thâm trầm của khoảnh khắc đó, thế nhưng tôi vẫn không nhúc nhích.

Điều mong muốn cuối cùng của ông là được có tôi bên cạnh trong giờ lâm tử, khoảnh khắc khi linh hồn ông đang bứt ra khỏi thể xác của ông – thế nhưng tôi đã không cho ông có được điều ông ước muốn.

Tôi sợ.

Tôi sợ những cú đánh.

Đó là lý do tôi bung tai trước những lời kêu van của ông.

Thay vì hy sinh mạng sống khôn khổ của tôi và ào đến bên ông, cầm lấy tay ông, trấn an ông, cho ông thấy rằng ông không bị bỏ rơi, rằng tôi ở bên ông, rằng tôi cảm thông nỗi sầu đau của ông, thay vì làm tất cả những điều đó, tôi vẫn nằm ngửa, cầu xin Thượng đế làm cho cha tôi ngừng gọi tên tôi, làm cho ông ngừng kêu la. Tôi sợ sẽ làm cho bọn SS nổi cơn thịnh nộ.

Thực ra, cha tôi đã không còn tỉnh nữa.

Nhưng cái giọng náo nê, sâu khô của ông tiếp tục xé nát sự im lặng và kêu gọi tôi, chỉ gọi một mình tôi.

“Này?” Tên lính SS đã nổi nóng và đang đánh lên đầu cha tôi: “Im, thằng già, im đi!”

Cha tôi không còn cảm nhận được những cú gậy đập nữa. Nhưng tôi vẫn không phản ứng. Tôi để cho tên SS đánh cha tôi. Tôi bỏ mặc ông một mình trong móng vuốt của thần chết. Tệ hại hơn nữa: tôi đã giận ông vì ông làm ồn, vì ông đã la lên, vì ông đã khơi cho tên SS nổi giận.

“Eliezer, Eliezer, lại đây con, đừng bỏ cha một mình...”

Tiếng gọi của ông từ thật xa, từ thật gần đã đến với tôi. Mà tôi vẫn không nhúc nhích.

Tôi sẽ chẳng bao giờ tha thứ cho mình.

Tôi cũng sẽ chẳng tha thứ cho thế giới vì đã đẩy tôi vào chân tường, vì đã biến tôi thành kẻ xa lạ, vì đã làm thức dậy trong tôi những bản năng thấp hèn, nguyên sơ nhất.

Lời cuối của ông là tên tôi. Một lời gọi. Và tôi đã không đáp lại.

Trong bản tiếng Yiddish, lời trần thuật kẻ đã không chấm dứt với hình ảnh ở trong gương, nhưng với một suy nghiệm đen tối về hiện tại:

Giờ đây, vừa chỉ mười năm sau Buchenwald, tôi nhận thức được rằng thế giới quên nhanh quá. Ngày nay, Đức quốc đã là một nhà nước có chủ quyền. Quân đội Đức đã được phục sinh. Ilse Koch, con quỷ bạo dâm khét tiếng của Buchewald, đã được để cho sinh con đẻ cái và sống hạnh phúc mãi mãi về sau... Các tay tội nhân chiến tranh dạo trên các đường phố của Hamburg và Munich. Quá khứ dường như đã bị xóa sạch, bị đẩy vào lãng quên.

Ngày nay, có những kẻ bài Do Thái ở Đức, Pháp và Hoa kỳ bảo với thế giới rằng “truyện” sáu triệu người Do Thái bị thảm sát chỉ là một chuyện bịa, và không hôm nay thì ngày mai hay ngày mốt, nhiều người, vì chẳng biết gì hơn, có thể tin chắc vào lời chúng...

Tôi không quá ngây thơ để dám tin rằng quyền sách mỏng này sẽ đổi chiều của lịch sử hay lay động lương tri của thế giới.

Sách vở ngày nay đã mất đi quyền lực mà chúng đã có một thời.

Những người ngày hôm nay đang im lặng sẽ vẫn im lặng ngày mai.

Độc giả sẽ có quyền hỏi: Tại sao lại có bản dịch mới này, trong khi bản cũ đã có mặt từ 45 năm nay?

Nếu vì bản dịch cũ không đủ trung thực và không đủ hay, tại sao tôi lại phải đợi lâu như thế để thay thế bằng một bản hay hơn và gần với nguyên bản hơn?

Để trả lời, tôi xin nói chỉ vì rằng hồi đó tôi là một nhà văn vô danh mới bắt đầu cầm bút. Tiếng Anh của tôi hồi đó rất tồi. Khi nhà xuất bản ở Anh quốc của tôi cho biết họ đã tìm được một dịch giả, tôi đã mừng. Sau đó, tôi đã đọc bản dịch và thấy có vẻ được. Tôi chẳng bao giờ đọc lại. Từ ngày đó đến nay, nhiều tác phẩm khác của tôi đã được dịch bởi Marion, nhà tôi, người hiểu được ý tôi và biết chuyển đạt lời tôi hay hơn bất kỳ người nào khác. Tôi rất may mắn: khi Farrar, Strauss và Giroux nhờ nhà tôi chuẩn bị bản dịch mới, nàng đã nhận lời. Tôi tin tưởng rằng độc giả sẽ thích bản dịch của nhà tôi. Nói cho đúng, nhờ việc biên tập kỹ càng của nhà tôi, tôi đã có thể sửa chữa và hiệu chỉnh một số chi tiết quan trọng.

Và như thế, khi đọc lại những dòng chữ đã được viết từ rất lâu này, tôi thấy mừng vì mình đã không lần lữa. Vậy nhưng tôi vẫn tự hỏi: Tôi đã dùng đúng chữ chưa? Tôi nói về cái đêm đầu tiên của tôi ở *nơi đó*. Sự khám phá thực tại ở bên trong hàng rào dây thép gai. Những lời cảnh cáo của một tù nhân “lão làng”, dạy cha tôi và tôi khai dối tuổi thật; cha tôi phải khai bớt tuổi đi và tôi khai tăng lên. Cuộc tuyển chọn. Cuộc diễu hành đi về phía những ống khói xa xa bên dưới bầu trời lạnh lùng. Những trẻ sơ sinh bị ném vào những hào lửa... tôi đã không nói rằng lúc đó chúng nó *còn sống*, nhưng đó là điều mà tôi đã nghĩ. Nhưng lúc đó tôi đã tự thuyết phục mình: không, chúng nó đã chết rồi, nếu không thì tôi đã phát điên mất. Nhưng cũng có những bạn tù đã nhìn thấy chúng, chúng nó *còn sống* khi bị ném vào lửa. Các sử gia, trong đó có cả Telford Taylor, đã xác nhận điều này. Thế nhưng một cách nào đó tôi đã không mất trí.

Trước khi kết thúc phần giới thiệu này, tôi tin rằng cần thiết phải nhấn mạnh về việc tôi nghĩ rất chắc chắn rằng sách vở, như con người, có một số phận. Một số sẽ gặp sự buồn thảm, số khác niềm vui, một số khác cả hai.

Trước đây, tôi đã trình bày những khó khăn mà *Đêm* đã gặp phải trước khi được xuất bản bằng tiếng Pháp, cách đây bốn mươi bảy năm. Mặc dù đã được rất nhiều bài điểm sách khen ngợi, số bán của quyển sách rất thấp. Đề tài này được coi là bệnh hoạn và không hấp dẫn được một ai. Nếu một giáo sĩ mà nhắc đến quyển sách trong bài giảng của ông, luôn luôn sẽ có người

phản nản ngay rằng “treo vào cổ con cái chúng ta những thảm kịch của dĩ vãng Do Thái” là chuyện vô lý.

Kể từ ngày đó đến nay đã có nhiều đổi thay. *Đêm* đã được đón nhận một cách tôi không hề mong đợi. Ngày nay, học sinh trung học và đại học ở Hoa kỳ và những nơi khác đã đọc quyển sách này trong chương trình học.

Phải giải thích hiện tượng này như thế nào đây? Trước hết đã có một sự thay đổi quan trọng trong thái độ của công chúng. Trong thập niên 1950 và 1960, những người thành niên ra đời trước hay trong Thế chiến II thường bày tỏ sự lơ là và thái độ lạnh nhạt kể cả về cái được gọi một cách không chính xác là Holocaust. Điều này nay không như thế nữa.

Hồi đó, ít có nhà xuất bản nào có can đảm phát hành những quyển sách về đề tài đó.

Ngày nay, những tác phẩm như thế nằm trong hầu hết các danh mục sách. Điều này cũng đúng với giới học thuật. Ngày đó, ít trường có lớp về đề tài này. Ngày nay, nhiều trường có. Và lạ lùng thay, các khóa học đó lại đặc biệt được ưa chuộng. Đề tài về Auschwitz đã trở thành một phần của văn hóa dòng chính. Có những cuốn phim, vở kịch, tiểu thuyết, hội nghị quốc tế, triển lãm, lễ tưởng niệm hàng năm với sự tham dự của những giới chức cấp quốc gia. Thí dụ nổi bật nhất là trường hợp của Viện Bảo tàng Tưởng niệm Holocaust Hoa kỳ ở Washington D.C.; từ ngày mở cửa năm 1993 đến nay đã tiếp hơn 20 triệu người đến viếng.

Có lẽ điều này là vì công chúng biết rằng số người sống sót ngày càng giảm dần, và bị mê hoặc bởi ý nghĩ rằng những kỷ niệm vĩ vụn đó sẽ nhanh chóng biến mất. Bởi vì chung cục, tất cả chỉ là về kỷ niệm, nguồn gốc của nó, tầm óc của nó và, dĩ nhiên, hậu quả của nó.

Với những người sống sót đã chọn cách làm chứng, điều rõ ràng là: bổn phận của họ là phải làm chứng cho những người chết và người sống. Họ không có quyền tước đoạt của các thế hệ tương lai một quá khứ đã thuộc về ký ức tập thể của chúng ta. Quên không những là nguy hiểm mà còn là xúc phạm, quên những kẻ đã chết thì giống như giết họ lần thứ hai.

Thỉnh thoảng tôi được hỏi rằng tôi có biết “sự đáp ứng cho Auschwitz” hay không; tôi đã trả lời rằng chẳng những tôi không biết mà thậm chí tôi còn không biết rằng một thảm kịch lớn lao như thế này có được một sự đáp ứng hay không. Điều mà tôi biết là có một “sự đáp ứng về trách nhiệm”. Khi chúng ta nói về thời đại của cái ác và bóng tối, rất gần mà rất xa này, “trách nhiệm” là then chốt.

Người làm chứng đã buộc mình phải làm chứng. Cho những người trẻ hôm nay, cho những trẻ em sẽ ra đời ngày mai. Nhân chứng không muốn quá khứ của mình sẽ trở thành tương lai của giới trẻ.

Lời tựa của François Mauriac

Các nhà báo ngoại quốc thường đến gặp tôi. Tôi rất thận trọng với họ và luôn bị giằng co giữa ước vọng được nói hết với họ nhưng lại e rằng sẽ giao vũ khí vào tay những người phỏng vấn mà mình không hiểu thái độ của họ đối với nước Pháp như thế nào. Trong những lần gặp gỡ đó, tôi thường có khuynh hướng thủ thế.

Buổi sáng đặc biệt đó, người thanh niên Do Thái đến phỏng vấn tôi cho một nhật báo ở Tel Aviv đã giành được thiện cảm của tôi ngay trong khoảnh khắc đầu tiên. Cuộc trò chuyện của chúng tôi đã nhanh chóng chuyển thành tâm sự. Chẳng mấy chốc tôi đã chia sẻ với anh ta những hồi ức từ thời kỳ Chiếm đóng^{5[5]}. Không phải lúc nào những biến cố đã tác động đến cá nhân chúng ta cũng là những biến cố ảnh hưởng đến chúng ta nhất. Tôi thối lộ với người khách trẻ tuổi của mình rằng chẳng có điều gì mà tôi đã chứng kiến trong gian đoạn đen tối ấy đã ghi dấu ấn sâu đậm lên tôi bằng hình ảnh của các toa xe chở súc vật đầy những trẻ em Do Thái tại nhà ga Austerlitz... Thực ra thì không phải chính mắt tôi đã mục kích những toa xe đó. Vợ tôi đã kể cho tôi, và lúc kể bà vẫn còn bị chấn động về sự ghê rợn mà bà đã cảm thấy. Vào lúc đó chúng tôi vẫn chưa biết chút gì về các phương cách tiêu diệt của Đức Quốc xã. Và ai mà lại có thể tưởng tượng nổi những phương cách như thế! Nhưng những con cừu non này bị giết ra khỏi các bà mẹ đã là điều tệ hại hơn tất cả những gì chúng ta nghĩ là có thể xảy ra được. Từ ngày đó tôi tin là như thế. Tôi tin rằng ngày đó là ngày lần đầu tiên tôi biết đến sự bí hiểm của điều tội lỗi mà khi lộ ra ánh sáng nó đánh dấu sự cáo chung của một thời đại và sự khởi đầu của một thời đại khác. Giấc mơ, thai nghén bởi người Tây phương trong thế kỷ 18, mà buổi bình minh của giấc mơ đó họ tưởng là đã thoáng thấy vào năm 1789^{6[6]}, và rồi đến ngày 2 tháng Tám năm 1914^{7[7]}, đã lớn mạnh hơn với sự lộ dạng của Thời đại Ánh sáng và những phát minh khoa học – giấc mơ đó cuối cùng đối với tôi đã tan biến trước những toa xe lửa nhồi nhét đầy trẻ nhỏ. Mà lúc đó tôi vẫn còn xa cách hàng ngàn dặm với việc hình dung ra được rằng những đứa trẻ này đã được quyết định đưa vào những phòng hơi ngạt và những lò thiêu.

Điều này, hôm ấy, là những gì có thể tôi đã nói với nhà báo này. Và khi tôi nói, với một tiếng thở dài, “Tôi đã nghĩ đến những đứa bé này rất nhiều lần!” thì anh đã nói với tôi, “Tôi là một trong những đứa trẻ đó.” Anh là một trong những đứa trẻ đó! Anh đã trông thấy mẹ anh, thấy đứa em gái nhỏ thân yêu, và hầu như cả gia đình anh, trừ người cha và hai chị lớn, biến

vào một lò lửa mà nhiên liệu là những sinh vật sống, về phía người cha, cậu bé này đã ngày này qua ngày khác chứng kiến sự đọa đày của ông và cuối cùng, chứng kiến cơn hấp hối và cái chết của ông. Một cái chết! Những chi tiết của cái chết đó được kể trong quyển sách này, và tôi sẽ để cho độc giả – sẽ đồng bằng số người đọc của quyển Nhật ký của Anne Frank – tự khám phá các chi tiết này cũng như cái phép lạ đã giúp cho cậu bé thoát được.

Như thế tôi khẳng định rằng bản hồi ký cá nhân này, ra đời sau quá nhiều những hồi ký khác và mô tả nhưng việc ghê tởm như những việc mà chúng ta đã coi là không còn là bí mật gì đối với chúng ta nữa, thì vẫn khác lạ, riêng biệt và độc đáo. Số phận của những người Do Thái ở một thị trấn nhỏ tên là Sighet ở Transylvania; sự mù loà của họ khi đối diện với một định mệnh mà họ vẫn còn cơ hội để thoát thân; sự thụ động không thể hiểu được khiến họ đầu hàng định mệnh, điếc đặc với những lời cảnh báo và van nài của một nhân chứng là người đã thoát được cuộc tàn sát, kể lại cho họ những gì ông ta đã tận mắt nhìn thấy, nhưng họ từ chối không tin ông ta và gọi ông ta là người điên – tập hợp này của những tình huống chắc chắn sẽ đầy đủ để viết nên một quyển sách mà tôi cho rằng không một quyển sách nào có thể so sánh được.

Tuy nhiên một khía cạnh khác của quyển sách khác thường này đã là điều tôi chú ý đến. Đứa trẻ kể lại cho chúng ta câu chuyện của nó là một đứa bé được Thượng đế chọn lựa. Từ lúc nó bắt đầu biết suy nghĩ, nó đã chỉ sống cho Thượng đế, nghiên cứu Talmud^{8[8]}, nôn nóng được khai tâm vào Kabbalah^{9[9]}, tận hiến cho Đấng Toàn năng. Hãy nghĩ xem hậu quả của một sự kính sợ kém rõ ràng hơn, ít lộ liễu hơn, nhưng là sự kính sợ tột hại nhất, cho những người có lòng tin trong chúng ta: cái chết của Thượng đế trong tâm hồn của một đứa trẻ đột nhiên phải đối diện với cái xấu tuyệt đối.

Xin hãy cùng tưởng tượng đến những gì diễn ra trong đầu óc đứa bé khi mắt nó trông thấy khói đen tỏa lên trời, luồng khói phát xuất từ các lò mà đứa em gái nhỏ của nó cùng với mẹ nó đã bị ném vào sau hàng ngàn nạn nhân khác.

“Không bao giờ tôi có thể quên được đêm ấy, cái đêm đầu tiên của đời tôi trong trại tập trung, cái đêm đã biến cuộc đời tôi thành một đêm dài tăm tối mịt mù.

Không bao giờ tôi quên được làn khói ngùn ngụt ấy.

Không bao giờ tôi quên được những khuôn mặt ngây thơ, những thân xác bé nhỏ đang biến dần thành cuộn khói ngùn ngụt bay vào

không trung yên tĩnh.

Không bao giờ tôi quên được ngọn lửa ấy đã thiêu cháy vĩnh viễn lòng tin của tôi.

Không bao giờ tôi quên được cái im lặng của màn đêm ấy đã vĩnh viễn tước đi lòng khao khát sinh tồn của tôi.

Không bao giờ tôi quên được những giây phút đã giết đi Thượng đế trong tôi, đã mang đi linh hồn tôi, và biến những giấc mơ của tôi thành tro bụi...

Không bao giờ, không bao giờ tôi quên được những thứ ấy, cho dù tôi có phải sống lâu như Thượng đế, tôi cũng không bao giờ...

Không bao giờ. ”

Đến lúc đó tôi hiểu ra điều gì đã thu hút tôi về chàng thanh niên Do Thái này: cái nhìn của một Lazarus trỗi dậy từ cái chết mà vẫn bị giam giữ ở những vùng tăm tối nơi anh đã lạc vào, vướng chân vào những dây ma đã bị xúc phạm. Với anh, tiếng hét của Nietzsche gọi lên gần như một thực tế bằng xương bằng thịt: Thượng đế đã chết, Thượng đế của tình yêu, của sự dịu dàng và an ủi, Thượng đế của Abraham, Issac và Jacob, dưới con mắt chăm chú của cậu bé này, đã tan biến vĩnh viễn vào ngọn khói bốc lên từ cuộc tàn sát Holocaust¹⁰^[10] mà Chủng tộc, thứ phạm ăn nhất trong tất cả các thần tượng, đã đòi hỏi.

Và đã có bao nhiêu người Do Thái thuần kiên đã phải chịu đựng một cái chết như thế? Trong cái ngày kinh tởm nhất đó, kinh tởm hơn tất cả các ngày tệ hại khác, khi đứa trẻ đó chứng kiến việc treo cổ – vâng!, một đứa bé khác, đứa bé mà nó bảo với chúng ta là có gương mặt thiên thần, nó nghe có ai đó ở đằng sau rên rỉ:

“Lạy Thượng đế, Thượng đế ở đâu rồi? Và từ trong tôi, tôi nghe một tiếng trả lời: Ngài ở đâu? Ngài ở ngay đây – đang bị treo ở trên giáo đài này. ”

Vào ngày cuối năm của Do Thái, đứa trẻ đó được đem ra trình diện tại buổi lễ Rosh Hashanah trang nghiêm. Nó nghe thấy hàng ngàn nô lệ đồng thanh la lên, “Phúc thay cho Đấng Toàn năng!” Trước đó chẳng bao lâu, chắc hẳn nó cũng sẽ quỳ xuống, cũng với lòng phụng thờ, với lòng hãi sợ, với tình yêu như thế! Nhưng hôm nay, nó không quỳ, nó đứng. Cái tạo vật người đó, đã bị làm nhục và làm tổn thương ở mức cả tim lẫn óc đều không thể tưởng tượng ra được, đã chống lại vị thần linh mù và điếc.

“Nhưng bây giờ, tôi không còn van xin gì nữa cả. Tôi không còn khả năng đề than vãn. Trái lại, tôi thấy tôi thật mạnh mẽ. Chính tôi mới là nguyên cáo, và bị cáo là Thượng đế! Đôi mắt tôi đã mở to, và tôi thật lẻ loi, cố đơn kinh khủng trong một thế giới không có Thượng đế, không có cả người. Không có tình yêu hay lòng thương hại. Tôi không là gì cả, chỉ là tro bụi, nhưng tôi lại cảm thấy tôi mạnh hơn cả Đấng Toàn năng đã gắn bó với đời tôi từ bấy lâu nay. Giữa đám đông những người tụ tập để cầu nguyện, tôi thấy tôi như là một quan sát viên thật xa lạ. ”

Và tôi, người tin rằng Thượng đế là tình yêu, tôi có câu trả lời nào cho người thanh niên trẻ đang truyện trò với tôi, người mà trong đôi mắt sâu đen vẫn còn lưu giữ phản ánh của nỗi buồn thiên thần ngày đó hiện trên mặt của một đứa bé bị treo cổ? Tôi đã có nói với anh về người Do Thái kia, người anh em bị đóng đinh, người có lẽ trông giống anh, người mà thập giá của mình đã chinh phục thế giới không? Tôi đã có giải thích với anh rằng cái đã là khối chướng ngại anh vấp phải về đức tin của anh đã trở thành một nền móng cho đức tin của tôi không? Và rằng sự liên hệ giữa thập giá và sự thống khổ của con người vẫn còn là, theo tôi, chìa khoá dẫn đến sự huyền bí sâu thẳm trong đó đức tin của thời niên thiếu của anh đã biến mất vào đó. Và Zion¹¹^[11] đã lại vươn lên một lần nữa từ những lò thiêu, những lò sát sinh. Quốc gia Do Thái đã được làm sống dậy từ giữa hàng ngàn cái chết của người Do Thái. Chính những kẻ chết đã đem lại cho Do Thái cuộc đời mới. Chúng ta không biết trị giá của chỉ một giọt máu, chỉ một giọt nước mắt. Tất cả là ân sủng. Nếu Đấng Toàn năng là Đấng Toàn năng, lời cuối của mỗi chúng ta thuộc về Ngài. Đó là những gì đáng lẽ tôi đã phải nói với đứa bé Do Thái. Nhưng tất cả những gì tôi đã có thể làm lúc đó chỉ là ôm lấy anh và khóc.

Chương I

NGƯỜI TA GỌI ÔNG LÀ “ông Thầy Linh Tinh”, cứ như là trong đời ông ta chưa bao giờ có tên có tuổi vậy; là bởi vì ông là người làm đủ mọi thứ chuyện linh tinh lang tang trong một nhà nguyện Do Thái ở Sighet, một làng nhỏ ở Transylvania, nơi tôi đã sống suốt thời thơ ấu. Người dân ở Sighet rất mến ông ta. Ông thật là nghèo và sống chật vật lắm. Cũng lạ! Thông thường, trong làng này, khi dân làng phải giúp đỡ người nghèo, họ giúp nhưng họ không ưa. Thế nhưng, ông Thầy Linh Tinh thì khác. Cách thức sống của ông khác hẳn mọi người, nên sự hiện diện của ông chẳng làm phiền ai bao giờ cả. Ông có cái tài tự làm cho người ta không để ý đến ông, cứ như một người vô hình vậy.

Trông bề ngoài, ông ta có vẻ lúng túng, vụng về như một anh hề. Cái lối nhút nhát, bẽn lẽn của ông làm người ta tức cười. Còn tôi ư? Tôi thích đôi mắt to mơ mộng của ông, lúc nào cũng nhìn xa thăm thẳm. Ông ít nói, hay hát, nói cho đúng hơn là hay lắm nhảm hát một mình, những đoạn mà tôi nghe loáng thoáng đó đây mỗi chỗ một ít, nói về sự khổ sở chịu đựng của Thiên chúa, về sự lưu đày của Thượng đế, để chuộc tội lỗi cho loài người, theo truyền thuyết trong Thánh kinh Do Thái.

Tôi gặp ông Thầy Linh Tinh vào khoảng cuối năm 1941, lúc ấy tôi gần mười ba tuổi và rất sùng đạo. Ban ngày tôi học kinh Talmud, là Thánh kinh của người Do Thái chúng tôi. Đêm đến, tôi thường chạy ra nhà thờ, cứ nghĩ đến ngôi thánh đường Jerusalem bị hủy diệt là tôi lại khóc.

Một hôm, tôi hỏi cha tôi xem cha có tìm được người nào dạy tôi Thần học hay không? Cha trả lời:

- Con còn bé quá để biết các chuyện ấy. Maimonides đã dạy chúng ta rằng phải từ ba mươi tuổi trở đi mới có thể mạo hiểm vào thế giới thần bí đầy dẫy những nguy hiểm. Trước tiên, con hãy lo học những điều căn bản mà con có thể tự hiểu được.

Cha tôi là một người nhiều kiến thức, ít tình cảm. Cha không bao giờ biểu lộ cảm xúc, ngay cả trong gia đình. Nhưng ông lại thích lo cho người khác hơn là lo cho chính bản thân ông. Dân Do Thái ở Sighet kính trọng ông lắm, thường đến hỏi han nhờ Cha cố vấn những chuyện cộng đồng, ngay cả những khi có chuyện cá nhân.

Chúng tôi có 4 chị em: chị Hilda lớn nhất, đến chị Bea, tôi đứng hàng thứ ba và là con trai duy nhất, rồi tới em gái út Tzipora.

Cha Mẹ tôi có một cửa tiệm. Hai chị lớn phải ra đó giúp Cha Mẹ. Còn tôi? Chỗ của tôi là trong phòng học, Cha Mẹ nói thế. Cha tôi thường nhắc nhở:

- Ở Sighet, không có nhà truyền đạo Do Thái.

Ông muốn gạt bỏ hẳn cái ý định học giáo lý và thần học ra khỏi đầu tôi. Nhưng vô ích! Tôi đã tự tìm cho tôi được một người thầy dạy: đó là ông Thầy Linh Tinh. Vào một buổi hoàng hôn, ông quan sát trong khi tôi cầu nguyện:

- Tại sao con khóc trong khi cầu nguyện? - Ông hỏi, làm như đã quen tôi lâu lắm rồi.

- Con không biết, - Tôi trả lời, ngập ngừng.

Tôi chưa bao giờ tự hỏi tôi câu hỏi đó. Tôi khóc bởi vì.... bởi vì có một cái gì đó trong tôi khiến tôi thấy cần phải khóc. Thế thôi.

Một lúc sau ông lại hỏi:

- Thế tại sao con cầu nguyện?

Tại sao tôi cầu nguyện? Câu hỏi lạ lùng quá? Tại sao tôi sống? Tại sao tôi thở?

- Con không biết. - Tôi trả lời ông, càng lúng túng hơn và không thoải mái: con không biết gì cả.

Từ hôm ấy, tôi gặp ông thường xuyên hơn. Ông giải thích và nhấn mạnh rằng câu hỏi nào cũng có một ý nghĩa cả, nhưng câu trả lời thì không...

Ông nói:

- Con người tới gần Thượng đế qua những câu hỏi. Đó thật sự là một cuộc đối thoại. Con người hỏi, và Thượng đế trả lời. Nhưng câu trả lời của Ngài, chúng ta không hiểu gì cả. Chúng ta không thể nào hiểu. Bởi vì nó sẽ nằm sâu trong tâm hồn chúng ta và ở đó mãi cho đến ngày chết. Câu trả lời thật, Eliezer, con sẽ chỉ tìm thấy trong chính con.

- Thế còn ông? Tại sao ông cầu nguyện? Tôi hỏi.

- Ta cầu nguyện Thượng đế cho ta sức mạnh để có thể hỏi Ngài những câu hỏi thật.

Gần như tới nào chúng tôi cũng nói chuyện với nhau như thế. Chúng tôi ở lại trong giáo đường sau khi những tín đồ khác về hết rồi, ngồi trong bóng mờ mờ tối, lung linh ánh sáng của vài ngọn nến đang cháy dở dang.

Một buổi tối, tôi than với ông là tôi rất buồn không tìm được một thầy dạy giáo lý, dạy đọc Thánh kinh và dạy Thần học của người Do Thái. Ông

cười thật bao dung, sau một hồi lặng thinh, ông nói:

- Có một ngàn lẻ một cánh cửa để bước vào khu vườn chân lý thần bí. Mỗi người có một cánh cửa riêng, không thể lầm lẫn đi vào khu vườn bằng cánh cửa của người khác. Điều đó rất nguy hiểm không những cho người vừa bước vào, mà còn nguy hiểm cho cả cái người đã vào trong đó rồi.

Và cái ông Thầy Linh Tinh nghèo rách mồng tơi ấy đã nói suốt bao nhiêu tiếng đồng hồ với tôi về những khái huyền và những điều bí ẩn trong kinh Thánh. Thê là tôi bắt đầu thế giới tôn giáo. Chúng tôi đã đọc chung nhau hằng bao nhiêu lần, chỉ một trang sách kinh, không phải chỉ học thuộc lòng mà còn tìm hiểu ý nghĩa sâu xa tiềm ẩn trong đó.

Suốt trong những buổi học về đêm như thế, tôi tin chắc rằng ông Thầy Linh Tinh sẽ là người hướng dẫn tôi mãi mãi cho đến khi mà Câu hỏi và câu Trả lời hòa nhập lại làm Một.

CHO ĐẾN MỘT NGÀY, tất cả những người Do Thái đến từ nước ngoài định cư tại Sighet đều bị trục xuất về nước, trong đó có ông Thầy Linh Tinh, vì ông cũng là người đến từ nước ngoài.

Lính Hungary lừa họ chen chúc vào những toa xe chở thú vật, họ tấm tức khóc thầm. Đứng trên thềm sân ga, chúng tôi cũng khóc. Con tàu biến dần ở cuối chân trời, để lại làn khói dày đặc, đen bản. Đằng sau tôi, có tiếng thở dài thườn thượt:

- Làm sao được? Chiến tranh mà !

Người ta quên ngay những người vừa bị trục xuất. Chỉ vài hôm sau khi họ đi khỏi, có tin rằng họ được gửi đi làm việc ở Galicia. Họ vui vẻ và còn hài lòng nữa là đằng khác.

Ngày tháng cứ trôi qua. Cuộc sống đã trở lại bình thường. Một làn gió nhẹ thổi vào mọi nhà làm mọi người yên lòng. Cửa hàng lại tiếp tục mở cửa. Học sinh lại vui đùa vào sách vở và trẻ con lại chơi đầy đường.

MỘT HÔM, khi vừa bước vào giáo đường, tôi nhìn thấy ông Thầy Linh Tinh, ngồi trên một băng ghế gần cửa ra vào. Ông ngậm ngùi kể lại chuyến đi của ông và đồng bạn trên chuyến xe lửa vượt qua biên giới Hungary, vào địa phận Ba Lan, và được trao cho lính Đức Gestapo, là tên một đạo quân sát thủ có kỹ thuật giết người tàn bạo và chớp nhoáng. Tại đó,

xe lửa ngừng lại, và tất cả người Do Thái được lệnh xuống tàu để chuyển sang những xe cam nhông đang đợi sẵn, rồi hướng về phía rừng. Mọi người được ra lệnh xuống xe và vào rừng đào những hố thật to trong đó. Khi họ đào xong, lính Gestapo bắt đầu làm phận sự của họ. Không cảm xúc, cũng không hấp tấp, họ thông thả hạ từng tù nhân. Mỗi người phải đi ra miệng hố và đưa cô ra. Trẻ con bị ném tung lên không trung làm đích cho loạt súng tiểu liên. Chuyện xảy ra tại rừng Galician, gần Kolomay.

Tại sao ông Thầy Linh Tinh lại sống sót và thoát về? Do một phép lạ, ông bị thương ở chân và họ tưởng ông chết rồi...

Ngày này sang ngày nọ, ông đi hết nhà Do Thái nọ sang nhà kia, kể lại chuyện đã nhìn thấy cô gái trẻ quần quai đau đớn suốt ba ngày trước khi chết; chuyện ông thợ may đã cầu khẩn được chết trước khi nhìn thấy các con trai ông bị giết...

Ông Thầy Linh Tinh đã thay đổi. Ánh mắt không còn vui tươi, ông cũng không hát nghêu ngao, không nói đến Thượng đế hay Thánh kinh nữa; mà chỉ nói đến những gì ông đã nhìn thấy. Nhưng có ai tin ông đâu, không những thế, họ lại còn không thèm nghe ông nói nữa kìa.

- Ông muốn người ta thương hại hoàn cảnh của ông thôi. Tưởng tượng!
Hoặc là:

- Tội nghiệp, ông điên rồi!

Ông nghe thế thì khóc và nài xin:

- Các bạn Do Thái. Tất cả những gì tôi xin các người, không phải là tiền, không phải lòng thương hại; mà chỉ xin các bạn nghe tôi, - ông ta la lớn trong giáo đường, giữa buổi cầu nguyện buổi chiều và buổi tối.

Riêng tôi, tôi không tin ông lắm. Tôi thường ngồi lại với ông vào buổi tối, sau giờ nguyện để nghe ông kể chuyện, và cố gắng thấu hiểu nỗi buồn của ông.

Tôi chỉ thấy thương hại ông.

- Họ nghĩ tôi điên, - ông thì thầm, và nước mắt chảy ra như những giọt sấp.
Có lần tôi bảo ông:

- Tại sao ông muốn người ta tin ông làm gì? Ở địa vị ông, tôi chẳng cần biết thiên hạ tin tôi hay không...

Ông nhắm mắt, như muốn trốn chạy thời gian. Ông nói trong tuyệt vọng:

- Con không hiểu đâu, con không thể nào hiểu được. Ta thoát được nhờ phép lạ. Và ta đã về được đến đây. Cái gì đã cho ta sức mạnh đó? Vì ta muốn trở về Sighet kể lại cho dân làng nghe về cái chết của ta, để các người chuẩn bị khi còn kịp. Cuộc sống ư? Ta đã không màng đến nó, ta một thân một mình. Nhưng ta chỉ muốn về để báo cho các bạn biết. Và kết quả là không một ai nghe ta...

Đó là vào khoảng cuối năm 1942.

Cuộc sống trở lại bình thường. Đài phát thanh Luân Đôn, mà chúng tôi nghe mỗi tối, tiếp tục loan báo những tin khích lệ: hàng ngày, bom vẫn dội xuống Đức và Stalingrad, sửa soạn cho mặt trận thứ nhì. Chúng tôi, dân Do Thái ở Sighet, chờ đợi những ngày tươi sáng hơn chắc chắn sẽ rất gần.

Tôi vẫn tiếp tục chuyên tâm học giáo lý ban ngày và thần học vào buổi tối. Cha tôi vẫn vừa lo cửa tiệm vừa lo việc cộng đồng. Vào dịp tết, ông nội tôi ghé thăm gia đình tôi và ở lại ăn tết. Mẹ thì bắt đầu nghĩ đến việc tìm một người xứng đáng cho chị cả Hilda.

Cứ thế, năm 1943 trôi qua.

MÙA XUÂN NĂM 1944. Tin tức xán lạn từ chiến trường Nga cho biết không còn nghi ngờ gì nữa: quân Đức sẽ bị đánh bại. Chỉ còn là vấn đề thời gian, tháng nào hay tuần nào mà thôi.

Cây cối lại bắt đầu đơm bông. Một năm như mọi năm, với mùa Xuân, với đám hỏi, đám cưới và sinh con đẻ cái.

Dân chúng xì xào:

- Hồng quân Liên xô đang tràn vào ô ạt, dù Hitler có muốn, ông ta cũng chẳng làm gì chúng ta được nữa.

Đúng thế, chúng tôi cũng nghi ngờ ngay cả cái quyết tâm tiêu diệt người Do Thái của Hitler. Chẳng lẽ ông tiêu diệt cả một dân tộc sống rải rác khắp nơi trên thế giới? Hàng bao nhiêu triệu người? Ngay giữa thế kỷ thứ hai mươi này?

Cứ thế, người ta quan tâm đến mọi chuyện: nào là chiến lược, ngoại giao, chính trị, ngay cả phục quốc, nhưng lại không lý đến định mệnh của chính mình.

Ngay cả cái ông Thầy Linh Tinh cũng trở nên yếu xìu, không nói mạnh bạo như trước nữa. Ông ta đi lang thang trong nhà nguyện hay trên đường

phố, lưng còng xuống, cúi mặt tránh không nhìn thiên hạ.

Vào lúc đó, người ta hãy còn có thể mua thẻ di dân sang Palestine. Tôi khuyên Cha tôi bán hết mọi thứ, đổi hết thành tiền, và rời khỏi đây.

- Cha già rồi, con trai! - ông trả lời: quá già để làm lại cuộc đời, phải, quá già để làm lại từ con số không, ở một nơi xa lạ.

Đài phát thanh từ thủ đô Budapest của Hungary loan tin phần tử Phát xít đã nắm chính quyền. Miklos Horthy buộc lòng phải đòi phần tử thiên Đức Quốc xã lập chính phủ mới.

Thế cũng chưa đủ cho chúng tôi thắc mắc. Dĩ nhiên chúng tôi cũng đã từng nghe nói về bọn Phát xít, nhưng cho tới nay vẫn còn trừu tượng lắm. Đối với chúng tôi, đó chẳng qua cũng chỉ là sự thay đổi chính quyền thôi.

Ngày hôm sau thì một tin khác đáng lo ngại hơn: quân đội Đức đã xâm nhập lãnh thổ Hungary với sự phê chuẩn của chính quyền.

Cuối cùng, sự lo lắng đã bắt đầu lan tràn đây đó. Một người bạn của chúng tôi về từ thủ đô, kể rằng:

- Người Do Thái ở thủ đô Budapest sống trong một không khí đầy lo sợ và khủng hoảng.

Những chiến dịch bài trừ Do Thái xảy ra hàng ngày, trên phố, trên tàu hỏa. Bọn Phát xít tấn công các cửa tiệm, giáo đường Do Thái. Tình trạng đã trở nên rất nghiêm trọng.

Tin tức lan tràn khắp Sighet rất nhanh. Chẳng bao lâu, người ta bàn tán khắp nơi, nhưng không kéo dài lâu. Người ta bắt đầu lạc quan trở lại:

- Quân đội Đức không đi tới tận đây! Họ sẽ dừng lại ở Budapest, vì lý do chính trị, vì lý do chiến lược...

Nhưng không đầy ba ngày sau, quân Đức đã xuất hiện tràn ngập trên đường phố của chúng tôi.

QUÂN ĐỘI ĐỨC, với mũ sắt và cái huy hiệu mang hình sọ người chết, tiến vào Sighet. Tuy nhiên, cảm giác ban đầu của chúng tôi tương đối yên tâm. Các sĩ quan Đức được sắp xếp trú ngụ trong nhà dân, kể cả nhà Do Thái. Thái độ của họ đối với chủ nhà tuy xa cách nhưng rất lễ độ. Họ không bao giờ đòi hỏi điều gì quá đáng, không phê bình gì làm mất lòng, chưa kể, thỉnh thoảng lại cười vui vẻ với bà chủ nhà. Nhà ông Kahn ở bên kia đường cũng có một sĩ quan Đức trú ngụ. Chúng tôi nói với nhau rằng viên sĩ quan

này thật là dễ mến: trầm tĩnh, thiện cảm và lễ độ. Ba ngày sau khi dọn vào, ông ta mua biếu bà Kahn hộp kẹo sô cô la. Những kẻ lạc quan vui mừng hơn hở:

- Đó, thấy chưa? Chúng tôi đã nói mà, các người không tin. Bây giờ, lính Đức đây, các người nghĩ sao? Họ tàn bạo, đã man ở chỗ nào chứ?

Lính Đức đã tràn vào thành phố, Phát xít đã nắm chính quyền, bản án đã được công bố, thế mà người Do Thái ở Sighet vẫn còn cười được!

TÁM NGÀY LỄ QUÁ HẢI của người Do Thái.

Thời tiết thật là tuyệt vời. Mẹ tôi bận nấu nướng trong bếp. Giáo đường không còn mở cửa nữa. Mọi người tụ tập trong nhà, không nên khiêu khích lính Đức.

Gần như mỗi gia đình tín đồ Do Thái đều trở thành một nhà nguyện. Chúng tôi ăn uống và ca hát. Kinh Thánh truyền cho chúng tôi phải vui chơi sung sướng trong tám ngày lễ kỷ niệm này. Nhưng tâm tư chúng tôi thì ở đâu đâu ấy. Từ vài ngày nay, dường như tim mọi người đập mạnh hơn. Chúng tôi mong ngày lễ qua mau để không phải giả vờ vui vẻ nữa.

Đến ngày thứ bảy thì bức màn được kéo lên: lính Đức bắt giữ người lãnh đạo cộng đồng Do Thái. Kể từ giây phút ấy, mọi việc chuyển biến một cách nhanh chóng. Cuộc đua đến Cối Chết bắt đầu.

Biện pháp đầu tiên: tất cả mọi người Do Thái không được rời nhà trong vòng ba ngày, nếu không sẽ bị xử chết.

Ông Thầy Linh tinh hồi hả chạy đến nói với Cha tôi:

- Tôi đã báo trước cho các người rồi.

Và không chờ Cha tôi trả lời, ông vội vã chuồn mất.

Cùng ngày hôm ấy, cảnh sát Hungary xông vào nhà Do Thái trong phố ra lệnh từ rày về sau không được giữ vàng bạc, nữ trang hay các vật quý giá. Tất cả phải nộp cho nhà cầm quyền, nếu không sẽ bị xử chết. Cha tôi xuông hầm và chôn hết tiền bạc tiết kiệm.

Mẹ tôi vẫn tiếp tục chăm lo việc nhà. Thỉnh thoảng, Mẹ ngừng tay, yên lặng nhìn chúng tôi.

Ba ngày sau, lại có lệnh mới: tất cả mọi người Do Thái phải đeo một ngôi sao vàng.

Vài thân hào nhân sỹ trong cộng đồng đến hỏi ý Cha tôi, vì Cha có nhiều liên hệ với các cấp trên của cảnh sát Hungary, để hỏi xem Cha nghĩ thế nào về tình hình hiện nay? Cha tôi không thấy gì là đen tối lắm, hoặc giả Cha không muốn người khác nản lòng, nên ông đã rắc muối lên vết thương:

- Sao vàng? Thì sao? Có chết gì đâu...

(Tội nghiệp cho Cha, thế thì Cha đã chết vì cái gì vậy?).

Nhưng ngay sau đó, lệnh khác lại ban hành: chúng tôi không được phép đi ăn uống nhà hàng, quán cà phê, di chuyển bằng xe hỏa, đi lễ nhà thờ, hay đi ngoài đường sau sáu giờ chiều.

TIẾP ĐÓ LÀ LẬP KHU biệt cư Do Thái.

Hai khu biệt cư được thành lập tại Sighet cho người Do Thái. Khu lớn ở ngay giữa thành phố, chiếm ngự bốn con đường. Khu nhỏ hơn kéo dài qua nhiều ngõ hẻm ngoại ô. Con đường của chúng tôi, đường Serpent, nằm trong biệt khu thứ nhất. Do đó, chúng tôi được ở lại trong nhà. Căn nhà của chúng tôi ở ngay góc đường, cho nên những cánh cửa sổ trông ra mặt đường đều bị niêm phong lại. Chúng tôi phải nhường lại vài phòng cho mấy người bà con bị đuổi ra khỏi nhà của họ.

Từ từ từng chút một, cuộc sống trở lại mức độ bình thường. Những vòng giây thép gai bao quanh chúng tôi như một bức tường không đến nỗi làm chúng tôi sợ cho lắm. Trên thực tế, đó cũng không hẳn là điều xấu: chúng tôi hoàn toàn ở quây quần bên nhau, một cộng đồng Do Thái. Chúng tôi bầu ra một Hội đồng Do Thái, một sở cảnh sát Do Thái, một cơ quan xã hội, vệ sinh, lao động, v.v... y như một cơ quan chính phủ.

Mọi người đều thấy đó là điều tốt. Chúng tôi không còn phải đối diện với kẻ thù, chịu đựng những tia nhìn hằn học. Không còn sợ hãi nữa. Không còn khổ sở nữa. Chúng tôi sống chung với những người Do Thái, những người anh em...

Dĩ nhiên là vẫn còn đôi ba lúc khó chịu. Chẳng hạn như mỗi ngày, lính Đức đến tìm người để chất than vào xe hỏa. Ít người tình nguyện làm công việc này lắm. Ngoài ra, thì không khí tương đối dễ chịu và yên tâm.

Đa số chúng tôi tin rằng chúng tôi sẽ sống như thế trong khu biệt cư cho đến ngày thể chiến chấm dứt, đến ngày Hồng quân tràn vào. Sau đó, thì cuộc sống trở lại như xưa. Không có người Đức hay người Do Thái điều hành khu biệt cư nữa.

Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng mà thôi.

Vài tuần lễ trước ngày Lễ Tạ, dưới ánh nắng mùa xuân, thiên hạ nhớn nhợ dạo trên đường phố đông đúc, chúc nhau rộn ràng. Trẻ con chơi trên hè phố, ném những quả phỉ trên vỉa hè. Tôi cùng vài người bạn ra công viên nghiền ngẫm một chương kinh Thánh.

Màn đêm buông xuống. Vài chục người quây quần trong sân nhà chúng tôi, nghe Cha tôi kể chuyện và nói cảm nghĩ về tình hình hiện nay. Cha là một người kể chuyện rất giỏi.

Bất thình lình, cánh cổng mở tung và ông Stem, trước kia là chủ tiệm, bây giờ đang làm cảnh sát, bước vào và gọi Cha ra, thì thầm. Dù trong bóng đêm, tôi cũng nhận ra Cha tôi tái mặt đi.

- Chuyện gì vậy? Chúng tôi hỏi.
- Cha không biết. Họ gọi Cha đến dự một buổi họp đặc biệt của Hội đồng. Chắc có chuyện gì xảy ra.

Câu chuyện Cha đang kể dở dang bị ngưng và không có hồi kết. Cha nói:

- Tôi đi đây, và sẽ về ngay khi xong. Tôi sẽ thuật hết mọi chuyện. Chờ tôi về.

Chúng tôi đợi dài cổ ra. Sân nhà trở thành giống như là hành lang đợi trước cửa phòng giải phẫu vậy. Mọi người cứ ngong ngóng chờ cánh cửa mở ra. Hàng xóm nghe tin cũng chạy sang. Chúng tôi cứ nhìn đồng hồ. Thời gian đi qua chậm chạp. Chẳng hiểu họp hành gì mà lâu vậy?

- Tôi có linh cảm không tốt, - Mẹ tôi nói vậy: chiều nay, tôi nhìn thấy vài người lạ mặt trong khu biệt cư: hai người sĩ quan Đức, tôi nghĩ rằng họ là lính sát thủ Gestapo. Từ hồi dọn vào đây, chúng ta có thấy bóng dáng sĩ quan Đức nào đâu?

Gần nửa đêm, chẳng có ai buồn ngủ cả. Vài người tạt về nhà trông chừng cửa nẻo. Vài người khác bỏ về nhưng dặn chúng tôi gọi họ khi Cha tôi về tới.

Cuối cùng, cửa ngõ mở ra, Cha tôi xuất hiện, khuôn mặt nhợt nhạt. Mọi người quây quần chung quanh ông.

- Ông kể cho chúng tôi nghe đi. Chuyện gì xảy ra. Nói đi...

Lúc ấy, chúng tôi bồn chồn muốn nghe một tin khích lệ, chẳng hạn như là vài câu nói rằng không có gì đáng lo cả, chỉ là buổi họp thông thường để xét lại vấn đề sức khỏe, an sinh, v.v... Thế nhưng, chỉ cần nhìn khuôn mặt của Cha tôi thì đủ rõ. Cuối cùng Cha nói:

- Một tin khủng khiếp! và tiếp theo ngắn gọn: “trục xuất”.

Khu biệt cư sẽ được giải tán toàn bộ. Ngay từ ngày mai, từng con đường phố sẽ khởi hành.

Chúng tôi muốn biết mọi chuyện, mọi chi tiết, nhưng chúng tôi thấu hiểu ngay cái bản tin ác nghiệt ấy.

- Họ đưa chúng ta đi đâu?

Đó là một sự bí mật. Một bí mật cho tất cả mọi người, trừ một người: chủ tịch của Hội đồng Do Thái. Nhưng ông ta không nói hay không thể nói ra, nếu ông không muốn bị lính Gestapo bắn chết.

Cha tôi nói tiếp, giọng đứt quãng:

- Có tin đồn rằng... chúng ta sẽ được đưa sang Hungary... để làm việc trong lò gạch. Lý do dường như tại vì nơi đây gần chiến tuyến quá...

Ngừng lại giây lát, Cha lại nói:

- Mỗi người chúng ta chỉ được mang theo vật dụng cá nhân. Một túi đeo sau lưng, thức ăn và vài bộ quần áo. Không có gì khác.

Một sự im lặng nặng nề lại bao trùm. Cha ra lệnh:

- Đi báo cho hàng xóm láng giềng đi. Bảo họ phải sẵn sàng...

Những chiếc bóng chung quanh tôi chợt bừng tỉnh như sau một giấc ngủ dài và biến đi khắp hướng.

Trong một khoảnh khắc, chỉ còn lại gia đình chúng tôi. Bất chợt, Batia, người bà con ở chung nhà với chúng tôi chạy vào báo:

- Có người đang gõ cái cửa sổ bíт kín, cái cửa nhìn ra phía ngoài mặt đường.

Mãi sau này, khi hết chiến tranh rồi, tôi mới biết ai là người đã gõ cửa đêm ấy. Đó là ông trưởng khu cảnh sát Hungary, cũng là bạn của Cha tôi. Chính ông ta là người đã dẫn dò Cha trước khi chúng tôi vào khu biệt cư:

- Hãy yên tâm. Có gì nguy hiểm thì tôi báo tin ngay cho các người.

Nếu như đêm ấy mà ông ta có thể báo tin cho chúng tôi, thì có lẽ chúng tôi còn thoát được kịp thời. Nhưng, tiếc thay, khi chúng tôi cạy được cái cửa

sổ bịt kín ấy, thì đã muộn rồi. Bên ngoài không còn ai cả.

CẢ KHU BIỆT CƯ BỊ ĐÁNH THỨC DẬY. Cứ hết nhà nọ đến nhà kia, đèn được bật sáng lên đằng sau khung cửa sổ.

Tôi vào nhà một người bạn của Cha, đánh thức chủ nhà, một ông già với hàm râu màu xám, mắt còn ngái ngủ. Lung ông ta còng xuống, kết quả của những đêm dài ngồi học.

- Ông ơi! Thức dậy, thức dậy đi. Sửa soạn lên đường. Ngày mai chúng ta sẽ bị trục xuất khỏi đây: ông, và gia đình ông. Ông, và tất cả những người Do Thái. Đi đâu? Xin đừng hỏi tôi. Xin đừng hỏi gì cả. Chỉ có ông Trời mới biết thôi. Vì tình yêu của thượng đế, hãy thức dậy đi thôi, sửa soạn hành trình...

Ông ta ngơ ngác, chẳng hiểu tôi nói gì cả. Chắc chắn rằng ông ta nghĩ tôi điên rồi:

- Cậu nhỏ, cậu nói cái gì? sửa soạn hành trình? Hành trình gì? Chuyện gì xảy ra? Cậu có điên không?

Hãy còn ngái ngủ, ông ta nhìn chòng chọc vào mặt tôi, đôi mắt sợ hãi như chỉ mong cho tôi cười phá lên và bảo ông:

- Tôi đùa thôi, ông vào ngủ tiếp đi. Nằm mơ tiếp đi. Không có gì xảy ra cả. Chỉ là chuyện đùa.

Cổ họng tôi nghẹn lại, làm đôi môi tê cứng. Tôi không nói thêm gì được nữa.

Cuối cùng ông ta hiểu chuyện, nhảy ra khỏi giường và tự động mặc quần áo. Rồi ông ta quay vào giường, âu yếm đặt tay lên trán bà vợ đang say ngủ. Bà ta mở mắt và tôi thấy dường như bà ta mỉm cười. Rồi cả hai đi đánh thức hai người con, kéo chúng ra khỏi giấc mơ. Tôi lên chuồn mất.

Thời gian trôi qua thật mau. Mới đó đã 4 giờ sáng. Cha tôi chạy đôn chạy đáo, sang trái rồi lại sang phải, mệt lử, an ủi bạn bè, chạy lên hỏi hội đồng Do Thái xem lệnh trục xuất có được thu hồi không? Đến phút cuối mọi người vẫn còn bám víu vào hy vọng.

Các bà mẹ lụi hụi lo luộc trứng, nướng thịt, làm bánh và may túi, may bị. Con nít thì cứ thơ thẩn khắp nhà, đầu cúi xuống, không biết làm gì, không biết trốn vào đâu để không làm phiền người lớn.

Vườn sau nhà tôi trông như cái chợ. Những vật giá trị, những chiếc thảm quý, những chiếc chân nến bằng bạc, kính Thánh và những sách vở quý, ném bừa bãi trên mặt đất bụi bặm, dưới nền trời xanh tuyệt đẹp. Những món đồ tội nghiệp làm như chưa hề có chủ!

Đến 8 giờ sáng thì sự mệt mỏi đã thấm vào cơ thể, vào mạch máu, vào óc chúng tôi giống như là chì đang chảy ra vậy. Lúc tôi đang cầu nguyện thì nghe có tiếng la hét bên ngoài. Tôi vội vã tháo tấm bùa chữ ra và chạy đến bên cửa sổ. Lính Hungary đã tiến vào khu biệt cư và gào thét ở đường bên kia:

- Tất cả mọi người Do Thái ra ngoài hết. Mau lên. Không được chậm trễ.
Theo sau là lính Do Thái, với giọng dứt quãng, bảo chúng tôi:

- Thời điểm đã tới rồi... Các người phải bỏ hết mọi thứ...

Lính Hungary dùng súng, dùi cui nện vô tội vạ, bên trái, bên phải, người già, đàn bà, trẻ con, người tàn tật.

Từng nhà, từng nhà một trở nên trống rỗng, và đường phố tràn ngập những người và ba lô, bao bị. Lúc 10 giờ sáng thì mọi người phải ra ngoài hết. Lính Đức cứ gọi điểm danh một lần, hai lần, rồi đến hai chục lần. Trời nóng kinh khủng. Mồ hôi nhễ nhại trên mặt, trên thân thể mọi người.

Con nít khóc vang đòi nước.

Nước! Có ngay trong nhà, trong sân chứ, khổ nỗi, không ai được quyền bỏ hàng ngũ.

- Mẹ, nước, nước, cho con uống nước.

Vài người lính Do Thái len lén tiếp tế vài bình nước cho dân chúng. Tôi và các chị của tôi, còn được phép đi qua đi lại, vì chúng tôi được xếp đi chuyên cuối cùng, đã cố giúp mọi người trong khả năng của chúng tôi.

Cuối cùng vào lúc 1 giờ trưa thì họ ra lệnh lên đường. Mọi người thật vui. Vâng, thật vui. Chắc hẳn họ nghĩ rằng không thể có cái địa ngục trần gian nào đáng sợ hơn là cứ ngồi đây, trên vỉa hè, giữa đông bao, đông bị này, giữa đường giữa xá dưới trời nắng chang chang thế này. Chuyện gì đi nữa thì cũng còn hơn là cứ ngồi đây phơi nắng!

Mọi người bắt đầu bước, không ai dám ngoảnh mặt nhìn lại những con đường bị bỏ rơi, những căn nhà trống vắng, những mảnh vườn hoang, những hàng bia mộ...

Trên lưng mỗi người, một cái túi xách. Trên mắt mỗi người, một ngân lê, một nỗi đớn đau. Chậm rãi, nặng nề, đoàn người tiến dần ra cổng khu biệt cư, nơi đó, tôi đứng trên vỉa hè chết lặng, không nhúc nhích, nhìn họ bước qua. Kia là ông giáo sỹ Do Thái, lưng còng xuống, râu ria cạo nhẵn nhụi, chiếc ba lô trên lưng. Sự hiện diện của ông trong đám người bị trục xuất đủ làm cho cảnh tượng trở nên hư ảo. Nó như là một trang giấy rách trong cuốn truyện cổ tích, hay trong cuốn truyện lịch sử nói về trại tù ở Babylone hay nói về tòa án dị giáo ở Tây ban nha.

Họ đi qua mặt tôi, hết người nọ đến người kia, thầy giáo của tôi, bạn bè của tôi, những người khác nữa, những người tôi đã có lần sợ hãi, những người tôi đã có lần cười nhạo chế diễu, tất cả những người đó, tôi đã từng sống với họ qua bao năm tháng. Bây giờ họ đang đi như những kẻ bại trận, kéo lê cái bọc, kéo theo cuộc đời, bỏ lại sau lưng mái ấm, bỏ lại những tháng năm niên thiếu.

Họ đi qua mặt tôi, oằn người xuống như những con chó bị roi vọt, không nhìn về phía tôi. Chắc hẳn họ đang đổ kỵ với tôi.

Đoàn người khuất hẳn ở góc đường. Bước vài bước nữa và họ đã vượt qua bức tường của khu biệt cư.

Con đường trông như cái chợ bị bỏ phế vội vàng. Đây đó, mỗi thứ một ít. Nào là va li, cạc táp, túi sách, dao, đĩa, giấy bạc, những bức hình chân dung ngà vàng. Đó là những thứ họ tưởng sẽ mang theo nhưng cuối cùng phải bỏ lại. Không còn giá trị gì nữa.

Những căn phòng mở tung. Cửa cái, cửa sổ mở toang, trống rỗng. Mọi thứ bây giờ thuộc về mọi người bởi vì không còn thuộc về riêng ai nữa cả. Ai muốn lấy gì thì lấy. Một nắm mồ mở ngo.

Một tia nắng mùa hè.

CẢ NGÀY HÔM ẤY CHÚNG TÔI không ăn gì cả, nhưng cũng không thấy đói, chỉ mệt thôi. Cha mẹ tôi theo chân những người bị đày ra đến tận cổng khu biệt cư. Trước tiên, họ bị dồn vào nhà thờ chính, để khám xét lục lợi kỹ lưỡng, xem có mang theo vàng bạc hay vật quý giá gì không? Ai ai cũng căng thẳng, thỉnh thoảng lại có người bị đánh đập.

- Chừng nào tới phiên chúng ta? Tôi hỏi Cha.

- Ngày mốt. Trừ khi... trừ khi mọi chuyện được sắp xếp. Một kỳ tích, may ra...

Họ chở dân chúng đi đâu? Có ai biết không? Không, tất cả vẫn trong vòng bí mật.

Màn đêm buông xuống. Tối hôm ấy, chúng tôi đi ngủ sớm. Cha tôi dặn:

- Ngủ yên đi, các con. Không có việc gì xảy ra trước ngày mốt, ngày thứ ba. Ngày thứ hai êm đềm trôi qua, như một áng mây mùa hạ, như một giấc mơ trong buổi sớm bình minh.

Chúng tôi lo sửa soạn ba lô, nướng bánh mì và bánh ngọt, không còn nghĩ đến chuyện gì khác cả. Lệnh đã ban hành rồi.

Đêm ấy, Mẹ tôi bảo chúng tôi lên giường sớm. Để giữ sức, Mẹ nói thế.

Đó là đêm cuối cùng trong căn nhà của chúng tôi.

Sáng sớm, tôi choàng dậy. Tôi muốn có thì giờ cầu nguyện trước khi họ trục xuất chúng tôi ra khỏi nhà.

Cha tôi đã dậy sớm hơn tất cả chúng tôi để xuống phố hỏi tin tức. Khoảng 8 giờ sáng, Cha trở về. Tin vui: chúng tôi chưa phải lên đường hôm nay, chỉ phải dời sang khu biệt cư nhỏ bên kia để chờ chuyển đi cuối cùng. Chúng tôi sẽ là những người cuối cùng phải ra đi.

Vào 9 giờ sáng, thì cái khung cảnh của ngày chủ nhật vừa qua lại tái diễn. Cảnh sát cầm dùi cui, gào thét:

- Tất cả người Do Thái ra ngoài!

Chúng tôi sẵn sàng. Tôi chạy ra trước tiên. Tôi không muốn nhìn khuôn mặt của Cha Mẹ. Tôi không muốn nhỏ lệ trong lúc này.

Chúng tôi ngồi giữa đường, giống như những người khác cách đây hai hôm. Nắng cũng vẫn chói chang. Mọi người cũng khát nước. Nhưng không còn ai ở lại để tiếp tế nước uống cho chúng tôi nữa.

Tôi lặng ngắm ngôi nhà thân yêu mà tôi đã trải qua bao nhiêu năm tháng tìm kiếm Thượng đế của tôi; đã tuyệt thực để trông đợi Chúa Cứu thế; đã tưởng tượng ra cuộc đời tôi mai này. Tôi chợt cảm thấy buồn buồn. Đầu óc tôi trống rỗng.

- Đứng dậy! Điềm danh.

Chúng tôi đứng lên. Đếm. Ngồi xuống. Rồi lại đứng lên. Cứ thế không ngừng. Chúng tôi sốt ruột chờ họ ra lệnh cho đi. Chẳng hiểu họ chờ cái gì? Cuối cùng, họ ra lệnh:

- Đứng trước! Tiến!

Cha tôi bật khóc. Lần đầu tiên tôi thấy Cha khóc. Thật không thể tưởng tượng được. Mẹ tôi thì cứ bước, mặt buồn rười rượi, không nói tiếng nào, trầm ngâm. Tôi nhìn sang em gái tôi, Tzipora, mái tóc vàng chải gọn gàng, chiếc áo choàng đỏ khoác trên tay: cô bé gái bảy tuổi. Trên lưng, cái bọc quần áo quá nặng đối với em. Em nghiêng rằng chịu đựng, thừa biết có kêu ca cũng vô ích. Đây đó, cảnh sát cứ cầm dùi cui hồi thúc:

- Nhanh, nhanh lên!

Tôi không còn sức nữa. Cuộc hành trình mới bắt đầu mà tôi đã cảm thấy yếu ớt lắm rồi.

- Mau lên! Mau lên! Cái bọn lười biếng không nên thân này. Lính Hungary không ngừng la hét.

Kể từ giây phút đó tôi bắt đầu thấy ghét họ cho đến ngày nay. Họ là những kẻ thù đầu tiên áp bức chúng tôi. Họ là những khuôn mặt đầu tiên của Địa Ngục và Tử thần.

Họ ra lệnh cho chúng tôi chạy. Chúng tôi bắt đầu chạy. Ai nghĩ rằng chúng tôi có thể mạnh đến thế? Từ sau những cánh cửa, từ sau những khung cửa sổ, những đồng bào thân thương của chúng tôi dõi mắt nhìn theo khi chúng tôi đi ngang qua.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đến nơi. Ném ba lô, bao bị xuống đất, chúng tôi nằm lăn kên ra:

- Trời ạ! Ngài là chủ của cả vũ trụ này. Hãy khoan dung mà thương hại cho chúng con!

TRONG KHU BIỆT CƯ NHỎ.

Chỉ cách đây có ba ngày thôi, mọi người còn sống ở đây. Họ còn dùng những thứ mà chúng tôi đang dùng bây giờ. Thế mà giờ này họ đã bị đuổi đi hết rồi, và chúng tôi cũng đã mau chóng quên hẳn họ.

Ở đây còn bừa bãi hơn cả ở bên khu biệt cư lớn. Dân chúng có lẽ được lệnh lên đường quá bất ngờ. Tôi đi thăm thú, quan sát phòng ốc của gia đình người cậu của tôi. Trên bàn, hãy còn chén cháo đang ăn nửa chừng. Đĩa bột đang nằm chỏng chơ ra đó, chờ được bỏ vào lò. Trên sàn thì ngôn ngang sách vở. Có lẽ cậu tôi định mang theo.

Chúng tôi an vị (thật là mỉa mai!). Tôi chạy đi kiếm củi. Em gái tôi nhóm lửa, và Mẹ tôi lo sửa soạn bữa ăn mặc dù Mẹ rất mệt.

- Chúng ta phải giữ vững tinh thần, phải giữ vững tinh thần. Mẹ không ngừng nhắc nhở.

Tinh thần mọi người không đến nỗi tệ. Chúng tôi đã bắt đầu làm quen với hoàn cảnh. Ngoài đường phố, còn nghe những lời đồn đãi lạc quan: Lính Đức không còn thì giờ để trục xuất chúng tôi. Than ôi! Những người bị đày đi trại tập trung thì cũng đã lên đường rồi, chẳng còn gì để nói cả. Còn chúng tôi? May ra họ sẽ để chúng tôi sống cuộc sống bé nhỏ, đầy dọ ở đây cho đến ngày hết chiến tranh.

Khu biệt cư này chẳng có ai canh giữ cả. Ra vào tự nhiên. Cô người làm công cũ của gia đình chúng tôi hay tin, đã chạy tới gặp chúng tôi. Cô ta nức nở khóc và tha thiết đề nghị chúng tôi theo cô về làng, cô đã thu xếp cho chúng tôi một chỗ ẩn nấp kín đáo và an toàn.

Nhưng Cha tôi không nghe theo. Cha bảo tôi và hai chị:

- Nếu các con muốn thì cứ đi. Cha mẹ ở lại đây với con bé Út.
Dĩ nhiên là chúng tôi từ chối phân ly như vậy.

ĐÊM.

Không ai mong cho đêm qua nhanh cả. Ánh sao trời chỉ như là ánh lửa nhỏ nhoi trong đám cháy làm chúng tôi mòn mỏi. Ngày nào đó đám cháy bị dập tắt, không còn gì trên bầu trời nữa ngoài những ánh sao đã tắt, những đôi mắt đã lòa.

Chẳng còn gì để làm ngoài việc lên giường ngủ, trên chiếc giường xa lạ của người nào đó vừa bỏ lại. Chúng tôi cần nghỉ, để giữ sức.

Bừng sáng, thì không còn cái ưu tư đó nữa. Chúng tôi nghĩ là đang nghỉ hè. Tâm trạng mọi người có vẻ tin tưởng hơn:

- Biết đâu họ trục xuất chúng ta là điều tốt. Chiến trường càng ngày càng tiến đến gần, chẳng bao lâu chúng ta sẽ nghe tiếng súng. Đến lúc đó, dân chúng cũng phải tản cư thôi...
- Họ e rằng chúng ta sẽ lập bè lập phái...
- Theo tôi thì tất cả cái trò đày chúng ta đi chỉ là một trò hề thôi. Khoan, đừng cười vội. Họ chỉ muốn tước hết nữ trang, và của cải quý giá của chúng ta mà thôi. Hoặc là họ biết chắc chắn chúng ta sẽ chôn dấu đâu đó. Họ cần phải đào xới lên để tìm. Cách dễ nhất là khi chủ nhà đi nghỉ hè.

Đi nghỉ hè !

Cái lời nói chuyện chẳng ai tin được nhưng lại giết thì giờ. Vài ngày ngắn ngủi ở đây tương đối thoải mái và yên tĩnh. Mọi người thân thiện với nhau. Hết phân biệt giàu nghèo, địa vị; mà chỉ còn là một đám tội nhân sẽ cùng một số phận, chưa biết về đâu?

THỨ BẢY.

Thứ bảy, là ngày nghỉ, lại là ngày được chọn để trục xuất chúng tôi.

Đêm hôm trước, chúng tôi ngồi quây quần bên bữa ăn truyền thống của đêm thứ sáu. Chúng tôi đọc lời tạ ơn khi cắt bánh mì và rót rượu, rồi mọi người nuốt thức ăn không nói một lời. Chúng tôi có linh cảm rằng đây là lần cuối cả gia đình được ngồi quây quần với nhau chung quanh bàn ăn. Tôi trần trọc cả đêm, ngồn ngồn với những ý nghĩ và kỷ niệm, không tài nào ngủ được.

Hừng sáng hôm sau, chúng tôi đã ra đường, sẵn sàng để khởi hành. Lần này thì không có cảnh sát Hungary nữa. Họ đã thỏa thuận để cho Hội đồng Do Thái lo xếp đặt mọi thứ.

Đoàn xe của chúng tôi tiến về nhà nguyện chính. Thành phố trở nên hoang vắng lạ thường. Nhưng chắc chắn là đằng sau khung cửa, những người hôm qua còn là bạn bè của chúng tôi đang rình rập, chờ chúng tôi đi khỏi để vào nhà cướp hết đồ đạc bỏ lại.

Ngôi giáo đường trông như một nhà ga xe lửa: với hành lý và nước mắt. Bàn thờ bị phá vỡ, thảm bị rách nát, tường thì loang lổ. Đồng người đến nỗi không thở được. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ ở đó thật là khủng khiếp. Đàn ông ở tầng dưới, đàn bà lên tầng trên. Đó là ngày nghỉ thứ bảy, ai không biết còn tưởng chúng tôi tới đó chờ buổi lễ. Không ai được phép ra ngoài, mọi người tiêu tiện ngay tại góc tường.

Sáng sớm hôm sau, chúng tôi đi bộ ra nhà ga, nơi đó, một đoàn xe hỏa dùng để chở gia súc đang chờ. Lính Hungary cho chúng tôi leo lên xe, cứ mỗi toa xe tám mươi người. Họ cho chúng tôi ít bánh mì và vài xô nước. Họ kiểm soát các chân song cửa sổ để chắc chắn không bị lỏng lẻo. Rồi các toa xe được bít kín lại. Mỗi toa xe có một người chịu trách nhiệm canh chừng, kiểm soát, nếu để ai thoát thân, thì người trách nhiệm sẽ bị bắn bỏ. Trên bến, hai sĩ quan Gestapo thông thả tản bộ, cười tươi tắn; mọi thứ đều chu đáo, trôi chảy hết.

Một hồi còi xé nát không trung. Xe bắt đầu lăn bánh. Chúng tôi đã lên đường.

Chương II

TRONG TOA XE CHẶT CHẼI, không thể tất cả đều nằm hay đều ngồi. Chúng tôi quyết định thay phiên nhau ngồi. Không khí thật tù túng. Những người may mắn được ngồi cạnh cửa sổ, nhìn hoa đồng cỏ nội bên ngoài.

Sau hai ngày di chuyển thì chúng tôi khát nước và nóng nực không thể nào chịu nổi.

Không còn bị ai kiểm duyệt, dám trể lợi dụng bóng tối tự nhiên âu yếm nhau, không cần biết đến những người bên cạnh, coi như thế giới chỉ có mình họ. Người chung quanh cố tình làm ngơ như không nhìn thấy.

Hãy còn ít thức ăn trong xe, nhưng chúng tôi không bao giờ ăn đến no. Nguyên tắc là phải tiết kiệm, phải dành dụm cho ngày mai. Biết đâu ngày mai lại còn tệ hơn.

Xe lửa dừng lại ở Kaschau, một thị trấn nhỏ ở biên giới Tiệp Khắc. Chúng tôi hiểu rằng mình sẽ không còn ở trong nội địa Hungary nữa. Khi mở mắt ra thì đã muộn rồi!

Cửa toa chọt mở. Một sỹ quan Đức bước lên toa, bên cạnh là viên trung úy Hungary đi theo thông dịch:

- Kể từ giờ phút này, quý vị dưới thẩm quyền của quân đội Đức. Ai còn giữ vàng bạc, đồng hồ tay, hãy nộp ngay tại đây. Sau này, chúng tôi tìm thấy ai còn giữ những thứ đó sẽ bị bắn ngay tại chỗ. Thứ nhì: ai bệnh thì có thể khai bệnh ở bên toa y tế. Hết.

Viên trung úy Hungary cầm cái rô đi thu nhặt những vật sở hữu cuối cùng của những người không muốn ném vị đắng cay sợ hãi.

Viên sỹ quan Đức nói thêm:

- Có tám mươi người trong toa. Nếu thiếu người nào, tất cả đều bị bắn bỏ, như một lũ chó...

Rồi họ biến đi, đóng sập cửa toa lại. Thế là chúng tôi mắc vào bẫy, đến tận cổ. Cánh cửa đã niêm lại, đường về không lối thoát. Thế giới chỉ còn lại toa xe khóa kín bung.

TRONG ĐÁM CHÚNG TÔI TRÊN XE, có một bà tên Schachter, trạc cỡ năm mươi, đi cùng với đứa con trai lên mười tuổi, ngồi khép nép trong góc toa. Vì sự lầm lẫn, chồng bà và hai con trai lớn đã bị tải đi trong chuyến đầu tiên. Sự chia ly này đã làm đảo lộn tinh thần bà ta.

Tôi biết bà ta rõ lắm, một người đàn bà ít nói, đôi mắt sắc sảo và lúc nào cũng căng thẳng. Bà là một khách hàng thường đến tiệm chúng tôi. Chồng bà là một người sùng đạo, ngày đêm lo học hành, nên chính bà phải lo sinh kế cho cả gia đình.

Mất đi chồng con, bà Schachter như người điên dại. Ngay ngày đầu tiên trên xe, bà đã bắt đầu rên rỉ, không ngừng hỏi tại sao bà lại bị chia cách với gia đình? Sau đó thì tiếng kêu rên của bà ta trở nên cuồng loạn hơn.

Đến đêm thứ ba, trong khi chúng tôi đang ngủ, có vài người phải ngủ ngồi, người nọ dựa vào người kia, vài người phải đứng; thì một tiếng kêu thất thanh phá vỡ sự yên tĩnh trong toa tàu:

- Lửa! Tôi nhìn thấy lửa! Tôi nhìn thấy lửa!

Chúng tôi náo loạn cả lên. Ai là hét thế? Thì ra là bà Schachter đang đứng giữa toa, trong ánh sáng mờ mờ từ những khung cửa sổ, trông bà ta như một cái cây khô sừng sững giữa cánh đồng lúa. Bà chỉ tay ra ngoài cửa sổ, hét:

- Nhìn! Nhìn lửa kia. Thật là khủng khiếp, tha cho tôi, tha cho tôi...

Vài người nắm chặt thành cửa nhìn ra. Nhưng có gì đâu, chỉ là bóng đêm đen thui.

Mãi một hồi lâu sau chúng tôi mới hoàn hồn, mọi người vẫn còn run rẩy. Cứ mỗi tiếng bánh sắt rít trên đường rầy lại như là vực sâu mở ra dưới chân chúng tôi. Không tài nào dịu được nỗi đau đớn tinh thần, chúng tôi bảo nhau:

- Bà ta bị điên rồi, tội nghiệp...

Có người lấy tấm giẻ ướt đặt lên trán để làm bà Schachter dịu lại, nhưng bà ta cứ tiếp tục la hét không ngừng:

- Lửa! Tôi nhìn thấy lửa!

Đứa con trai nhỏ của bà ta khóc lóc, nín áo, tìm bàn tay bà:

- Không có gì đâu, Mẹ! Ngoài kia không có gì cả... Mẹ ngồi xuống đi...

Cậu bé làm tôi đau lòng hơn cả tiếng kêu la của bà mẹ. Vài người đàn bà cố làm dịu bà Schachter:

- Rồi bà coi, chỉ vài hôm nữa thôi, bà sẽ gặp lại chồng con...

Bà ta vẫn tiếp tục la hét, thỏn thức từng chập.

- Các bạn Do Thái, nghe tôi đây. Tôi thấy lửa! Một ngọn lửa khổng lồ!

Dường như có ai nhập hồn vào bà để nói lên những tiếng nói kinh hoàng đó.

Chúng tôi cố gắng giải thích cho bà ta, thực ra là để tự trấn an chính mình nhiều hơn là để an ủi bà:

- Bà ta chắc chắn là khát nước quá! Chắc vì thế mà bà luôn nói đến lửa đã thiêu đốt bà ta...

Nhưng cũng vô hiệu thôi. Sự lo sợ lan tràn khắp toa xe. Giây thần kinh của chúng tôi như căng ra. Da thịt đau đớn vô ngần. Làm như là cái điên dại của bà Schachter đã lan sang tất cả chúng tôi. Không chịu được nữa, vài người đàn ông trẻ đứng lên, lôi bà ta ngồi xuống, trói bà lại và nhét giẻ vào miệng.

Toa xe yên lặng trở lại. Đứa con trai nhỏ ngồi cạnh bà Schachter, khóc.

Tôi có thể hít thở bình thường trở lại, lắng nghe tiếng bánh xe hỏa nghiêng nhịp nhàng đều đặn giữa màn đêm. Mọi người lại buồn ngủ, lại nghỉ ngơi, lại nằm mơ...

Khoảng một hay hai tiếng đồng hồ sau, một tiếng hét lại dựng chúng tôi dậy. Bà Schachter đã tháo được giẻ trong miệng, lại gào thét còn lớn hơn ban nãy:

- Nhìn kia, nhìn ngọn lửa kia! Lửa cháy khắp nơi...

Một lần nữa, mấy người đàn ông trẻ lại đè bà ta xuống, trói lại, còn đập cho vài cú nữa. Những người khác tán đồng:

- Giữ bà yên đi. Làm cho bà câm miệng lại đi. Ở đây đâu phải chỉ có mình bà...

Bà Schachter nhận thêm mấy cú trời giáng vào đầu. Đứa con nhỏ bám chặt lấy bà ta, không nói tiếng nào, không khóc nữa.

Đêm dài như bất tận. Hừng sáng hôm sau thì bà Schachter bình tĩnh trở lại. Ngồi thu mình trong một góc, ngây dại thần thờ nhìn vào khoảng không, bà ta không nhìn thấy chúng tôi nữa.

Bà cứ như thế suốt ngày, câm nín, tách rời hẳn đám chúng tôi. Đêm đến, bà ta lại hét lên:

- Lửa! Đàng kia kia!

Tay bà ta chỉ ra xa, lúc nào cũng hướng đó. Chẳng ai buồn đánh bà ta nữa. Cái nóng nực, cái khát, cái mùi hôi thối nồng nặc trong xe đã làm chúng tôi muốn chết ngạt. Thế nhưng tất cả những thứ đó cũng không thấm thía gì với tiếng la hét xé tai của bà ta. Chỉ vài hôm sau, chúng tôi cũng bắt đầu la hét như thế.

Xe lửa đến một sân ga. Những người ngồi gần cửa sổ đọc tên nhà ga:

- Auschwitz.

Chẳng ai nghe cái tên này bao giờ cả.

XE LỬA NGỪNG Ở ĐÓ KHÔNG CHẠY TIẾP NỮA. Buổi chiều qua thật chậm. Rồi cánh cửa toa xe mở sang một bên. Họ cho phép hai người được xuống xe lấy nước.

Khi trở lại, hai người này cho biết họ đã đổi chiếc đồng hồ vàng để lấy được tin tức rằng đây là trạm chót. Chúng tôi sẽ phải xuống xe tại đây, có một khu lao động ở vùng này, với điều kiện tốt. Gia đình không phải phân tán. Chỉ những người trẻ mới được làm trong các hãng xưởng. Người già, người bệnh thì phải làm công việc đồng áng.

Mọi người lên tinh thần. Bao nhiêu nỗi lo sợ trong những đêm vừa qua như tiêu tan hết. Cảm ơn Trời!

Bà Schachter vẫn ngồi thu mình trong góc, im lặng, không biểu lộ cảm xúc gì với những chuyện lạc quan chung quanh. Cậu con trai vẫn nắm chặt tay bà.

Bóng tối đã tràn vào toa tàu. Chúng tôi ăn những thức ăn còn lại. Khoảng 10 giờ đêm, lúc chúng tôi đang loay hoay tìm giấc ngủ ngắn thì lại bị đánh thức dậy thành linh:

- Nhìn lửa kia! Nhìn lửa kia. Phía kia!

Giật nảy mình, chúng tôi đổ xô ra phía cửa sổ. Lần này, chúng tôi tin bà ta, dù chỉ là một giây phút. Nhưng vẫn không thấy gì, ngoài bóng đêm. xấu hổ, chúng tôi trở về chỗ ngồi, với nỗi sợ hãi đang gặm nhấm. Phải khó khăn lắm chúng tôi mới làm cho bà ta im miệng.

Người chịu trách nhiệm toa xe chúng tôi gọi một người sỹ quan Đức đang đi qua đi lại trên bến tàu, để xin ông ta chuyển người đàn bà bệnh hoạn ấy sang toa y tế.

- Kiên nhẫn chút, - ông ta nói, bà ta sẽ được chở đi sớm.

Khoảng 11 giờ đêm, tàu hỏa lại chuyển bánh. Chúng tôi tựa vào thành cửa sổ. Đoàn xe cứ chạy một cách chậm chạp và 15 phút sau thì lại còn chậm hơn nữa. Nhìn qua song cửa, chúng tôi thấy những hàng rào dây kẽm gai. Chắc chắn đây phải là trại tập trung rồi.

Vừa lúc chúng tôi quên hẳn sự hiện hữu của bà Schachter, thì tiếng hét kinh hoàng lại thỉnh thoảng lại xé lên:

- Các bạn Do Thái! Nhìn, nhìn lửa kia, nhìn ngọn lửa!

Khi xe lửa ngừng hẳn lại, lần này, chúng tôi nhìn thấy ngọn lửa khổng lồ bốc lên từ một ông khói, tỏa khắp bầu trời tối đen như mực.

Bà Schachter tự im miệng lại, như bà câm, lãnh đạm, lơ đãng trở vào ngồi trong góc.

Chúng tôi nhìn ngọn lửa trong đêm. Một mùi hôi thối nồng nặc tỏa lên không trung. Bất chợt, cửa xe mở ra. Một lô người trông thật lạ, mặc áo khoác sọc, quần đen, nhảy lên toa. Cái đèn pin và cây gậy trên tay, họ quất lia lịa bên phải bên trái, hét:

- Mọi người ra khỏi đây! Để hết mọi thứ lại. Mau.

Chúng tôi nhảy ra khỏi toa. Tôi liếc nhìn bà Schachter. Đứa con trai nhỏ vẫn nắm chặt tay bà.

Trước mặt chúng tôi, là ngọn lửa hùng hục. Mùi da thịt khét lẹt tỏa trên không gian. Lúc đó, chắc vào khoảng 12 giờ đêm. Chúng tôi đã đến Birkenau.

Chương III

NHỮNG VẬT DỤNG QUÍ GIÁ MÀ CHÚNG TÔI mang được đến đây bây giờ bị bỏ lại hết trong toa xe lửa. Cuối cùng, đối với chúng tôi, những vật đó chỉ còn là ảo tưởng mà thôi.

Cứ cách vài thước, thì lại có một người vệ binh cầm súng tiểu liên chĩa vào chúng tôi. Tay trong tay, chúng tôi tiến theo đoàn người.

Một người hạ sỹ tiến về phía chúng tôi với chiếc dùi cui, ra lệnh:

- Đàn ông bên trái, đàn bà bên phải!

Chỉ tám chữ ngắn gọn, lạnh lùng, không một cảm xúc. Đó là giây phút mà tôi phải rời Mẹ. Tôi không kịp có thì giờ để suy nghĩ, thì đã cảm thấy được bàn tay của Cha đang nắm chặt tay tôi: chúng ta ở lại một mình! Trong một tích tắc, tôi nhìn thấy Mẹ, hai chị và em gái tôi đứng qua bên phải. Em út tôi nắm tay Mẹ; tất cả đi xa dần, xa dần. Mẹ xoa mái tóc vàng óng của em như là để che chở cho em. Còn tôi, tôi tiếp tục đi với Cha, với những người đàn ông. Tôi không thể ngờ rằng ở nơi này, ở phút này, tôi đã vĩnh viễn lìa xa Mẹ và em gái út. Tôi tiếp tục đi, Cha tôi nắm tay tôi.

Đằng sau tôi, một ông già ngã lăn xuống đất. Gần đấy, người vệ binh tra khẩu súng lục vào bao.

Tay tôi bầu chặt lấy cánh tay Cha. Một ý tưởng duy nhất: làm sao không mất Cha, không phải ở lại một mình.

Những người vệ binh ra lệnh:

- Đi hàng năm.

Mọi người bối rối, náo động. Nhất định phải ở cạnh nhau.

- Thằng bé kia, mấy tuổi?

Người hỏi tôi là một người cai tù. Tôi không thấy được mặt ông ta, nhưng giọng nói mệt mỏi và âm áp. Tôi đáp:

- Tôi chưa được mười lăm tuổi.

- Không! Mày mười tám.

- Không phải, - tôi lập lại: tôi mười lăm.

- Cái thằng ngu xuẩn này! Nghe theo những gì ta nói nghe chưa? Ta nói mười tám là mười tám!

Quay sang Cha tôi, ông ta hỏi:

- Còn ông?
- Tôi năm mươi.
- Không. Người đàn ông càng giận điên lên: không phải năm mươi. Ông bốn mươi! Nghe rõ chưa? Mười tám và bốn mươi. Rõ chưa.
Ông ta biến mất trong bóng tối.

Một người khác chạy tới, buông một tràng rửa xả:

- Thằng chó kia, tại sao mày tới đây? Nói! Tại sao?
Có người dám trả lời lại:
- Ông nghĩ tại sao? Chúng tôi muốn tới đây à? Là chúng tôi bị bắt tới đây.
Tên kia như sẵn sàng giết ông ta:
- Câm ngay! Thằng ngu như heo, nếu không tao xé mày thành từng mảnh.
Đáng lẽ chúng bay phải tự thắt cổ hơn là tới đây. Chắc chúng bay không biết chuyện gì sẽ xảy ra tại đây, Auschwitz? Không biết phải không? Vào năm 1944?
- Đúng. Chúng tôi không biết. Chẳng ai cho chúng tôi biết cả.
Hắn không tin ở đôi tai của hắn. Giọng nói của hắn càng trở nên tàn bạo:
- Đằng kia. Chúng bay thấy cái ống khói đằng kia chứ? Có thấy không? Và ngọn lửa kia, chúng bay thấy chứ? (Vâng, ngọn lửa, chúng tôi thấy). Nơi đó là nơi chúng bay sẽ được dẫn tới. Nơi đó là mồ chôn chúng bay. Vẫn chưa hiểu à? Đồ chó! Chúng bay có hiểu chút gì không? Chúng bay sẽ bị thiêu sạch, bị đốt thành tro, bị tan thành khói!
Sự giận dữ của ông ta trở nên cuồng bạo. Chúng tôi đứng bất động, sững sờ. Đây có phải là cơn ác mộng không? Một cơn ác mộng không thể tưởng tượng được?

Tôi nghe tiếng thì thầm chung quanh:

- Chúng ta phải làm một cái gì. Không thể để họ giết chúng ta như thế, như những con vật bị ném vào lò sát sinh. Phải nổi dậy.
Trong bọn chúng tôi có vài thanh niên lực lưỡng, có dao găm trong người; họ thúc giục chúng tôi tấn công tên vệ binh có vũ khí ấy. Một người trẻ thì thầm:
- Hãy để thế giới biết đến sự hiện hữu của Auschwitz. Báo động cho mọi người biết, nếu như hãy còn cơ hội đào thoát.
Nhưng một người khác già hơn đã khuyên can con trai ông đừng có hành động ngu xuẩn:

- Chúng ta không được mất niềm tin, cho dù bây giờ guom có kẻ cổ. Hãy khôn ngoan hơn...

Ngọn gió nổi loạn xẹp lại. Chúng tôi tiếp tục đi bộ đến ngã tư. Ngay đó, là ông bác sỹ nổi danh trong lịch sử, Dr. Mengele, người được mệnh danh là ông Thần Chết trong cuộc thảm sát Holocaust. Ông ta đúng là một sỹ quan Đức quốc xã điển hình: mặt mũi dữ tợn, mặc dù trông không tối da chút nào, đeo kính che một bên mắt; cái cây gậy đánh nhịp cầm trong tay, đứng giữa một đám sỹ quan khác. Chiếc gậy cứ cử động liên hồi, lúc bên trái, lúc bên phải. Chẳng bao lâu đã đến phiên tôi đứng trước mặt ông.

- Mày mấy tuổi? Ông ta hỏi với giọng kẻ cả, trích thượng.

- Tôi mười tám. Tôi run rẩy trả lời.

- Sức khỏe tốt chứ?

- Vâng.

- Mày làm nghề gì?

Tôi có nên nói tôi là học sinh không?

- Nông dân, tôi vọt miệng nói ra.

Cuộc đối thoại kéo dài không quá vài giây đồng hồ mà tôi thấy như dài cả kiếp.

Chiếc gậy chỉ qua phía bên trái. Tôi tiến lên nửa bước thôi, tôi muốn xem Cha tôi sẽ được sang bên nào. Nếu Cha bị sang phía bên phải, tôi sẽ chạy theo ngay.

Chiếc gậy, một lần nữa lại chỉ sang bên trái. Gánh nặng trong tim tôi được trút bỏ. Cho đến lúc đó, chúng tôi cũng không biết phía bên nào là phía tốt, phải hay trái? Bên nào vào nhà tù và bên nào vào lò hỏa thiêu. Tuy nhiên, tôi chỉ thấy sung sướng, tôi được ở gần Cha! Đoàn người lại chậm rãi tiến về phía trước.

Một người khác tiến đến gần chúng tôi:

- Hải lòng chứ?

- Vâng. Vài người trong chúng tôi trả lời.

- Tội nghiệp các người bất hạnh, các người đang đi về phía hỏa lò.

Dường như ông ta nói thật. Không xa chỗ chúng tôi, ngọn lửa bốc lên từ một cái hố, ngọn lửa khổng lồ. Người ta đang đốt cái gì trong đó. Một chiếc xe cam nhông tiến lại gần cái hố và đổ hết những gì trong xe vào hố: những đứa trẻ con. Những đứa bé sơ sinh! Phải, tôi đã nhìn thấy, bằng chính đôi mắt của tôi, trẻ con bị ném vào hỏa lò (không biết có ai ngạc nhiên rằng kể từ giây phút ấy, giấc ngủ đã lánh xa tôi?)

Và đó là nơi chúng tôi đang đi tới. Xa hơn một chút, là một cái hồ to hơn, cho người lớn.

Tôi cầu vào mặt tôi để xem tôi có còn sống hay không? Tôi có tỉnh hay không? Tôi không thể tin được chuyện đàn ông, đàn bà, trẻ con đang bị đốt trong hỏa lò, mà thế giới vẫn im lặng? Không! Những chuyện đó không có thật. Có lẽ chỉ là một cơn ác mộng thôi. Chắc chỉ lát nữa tôi sẽ giật mình choàng tỉnh giấc, tìm tôi đập mạnh, và thấy lại căn phòng thời thơ ấu đầy sách vở của tôi...

Tiếng Cha tôi nói, cắt ngang dòng tư tưởng của tôi:

- Tiếc quá, tiếc rằng con không đi với mẹ con. Cha thấy nhiều trẻ con ở tuổi của con đi theo mẹ chúng...

Giọng Cha buồn kinh khủng. Tôi hiểu rằng Cha không muốn nhìn thấy việc gì sẽ xảy ra cho tôi. Cha không muốn nhìn đứa con trai duy nhất đi vào ngọn lửa.

Trán tôi toát mồ hôi lạnh. Nhưng tôi nói với Cha rằng tôi không tin người ta có thể đốt người sống ở thời đại này, rằng loài người không thể tha thứ cái thảm cảnh ấy.

- Loài người? Thế giới không màng tới chúng ta. Ngày nay, chuyện gì cũng có thể xảy ra, kể cả hỏa lò... giọng nói của Cha ghen lại.

- Cha! Tôi gọi ông, nếu thế thì con không muốn đợi nữa. Con sẽ chạy ngay lại cái hàng rào dây điện kia. Điều đó dễ dàng hơn là chết từ từ trong ngọn lửa.

Cha không trả lời. Ông khóc, cả thân thể của ông run lên. Mọi người chung quanh chúng tôi đều khóc. Vài người đã bắt đầu đọc kinh Tử, là kinh cầu nguyện cho người chết. Tôi không hiểu trong lịch sử người Do Thái chúng tôi, có bao giờ loài người lại đọc kinh Tử cho chính mình?

- "*Yisgadal, veyiskadash, shmey raba.*" tại sao cứ vinh danh Người cứ tôn sùng Người? tiếng Cha tôi thì thầm.

Lần đầu tiên, tôi cảm thấy nổi giận. Tại sao tôi phải vinh danh Người chứ? Thượng Đế, đức Vĩnh Cửu, Bá chủ Thiên hạ đã chọn lựa sự im lặng. Tại sao tôi phải cảm ơn Thượng Đế chứ?

Chúng tôi tiếp tục đi tới, càng lúc càng gần cái hồ. Chỉ còn chừng hai mươi bước nữa. Nếu tôi muốn tự sát, thì đây là thời điểm. Hàng của tôi chỉ còn phải đi chừng mười lăm bước nữa. Tôi cắn môi lại để Cha tôi không nghe hàm răng tôi đang run lập cập. Mười bước nữa. Tám. Bảy. Chúng tôi đi chậm lại, như đang đi sau cái xe tang, theo sau đám tang của chính mình.

Chỉ còn bốn bước nữa. Ba bước. Nó ở đó, rất gần chúng tôi: cái hồ và ngọn lửa khổng lồ. Tôi gom hết chút nghị lực còn lại chực nhảy khỏi hàng ngũ để lặn mình vào hàng rào kẽm gai có gắn điện. Tận đáy lòng, tôi giã từ Cha, giã từ thế giới và, trái với ý muốn của tôi, tôi nghe chính đôi môi tôi thì thầm: «*Yisgadäl, veyiskadash, shmey raba...*». Có phải vinh danh, tôn sùng Ngài không? Tim tôi tan vỡ. Ở đó. Tôi đang đối diện với Tử Thần.

Không! Chỉ còn cách cái hồ hai bước thôi. Họ ra lệnh cho chúng tôi rẽ về phía trái, tất cả đi vào trại.

Tôi siết chặt tay Cha tôi. Cha hỏi:

- Con có nhớ cái bà điên trên toa xe lửa?

KHÔNG BAO GIỜ TÔI CÓ THỂ quên được đêm ấy, cái đêm đầu tiên của đời tôi trong trại tập trung, cái đêm đã biến cuộc đời tôi thành một đêm dài tăm tối mịt mù.

Không bao giờ tôi quên được làn khói ngùn ngụt ấy.

Không bao giờ tôi quên được những khuôn mặt ngây thơ, những thân xác bé nhỏ đang biến dân thành cuộn khói ngùn ngụt bay vào không trung yên tĩnh.

Không bao giờ tôi quên được ngọn lửa ấy đã thiêu cháy vĩnh viễn lòng tin của tôi.

Không bao giờ tôi quên được cái im lặng của màn đêm ấy đã vĩnh viễn tước đi lòng khao khát sinh tồn của tôi.

Không bao giờ tôi quên được những giây phút đã giết đi Thượng đế trong tôi, đã mang đi linh hồn tôi, và biến những giấc mơ của tôi thành tro bụi...

Không bao giờ, không bao giờ tôi quên được những thứ ấy, cho dù tôi có phải sống lâu như Thượng đế, tôi cũng không bao giờ...

Không bao giờ.

CĂN TRẠI MÀ CHÚNG TÔI ĐƯỢC chuyển vào rất dài. Trên mái có vài cái cửa sổ con xanh xanh. Trông giống như một căn phòng đợi để vào

địa ngục. Bao nhiêu người điên, bao nhiêu tiếng reo hò, bao nhiêu sự dã man.

Hàng chục người cai tù đã có mặt ở đó để đón nhận chúng tôi, cây gậy trong tay, quát lia lịa vào bất cứ nơi nào, vào bất cứ ai, không cần lý do. Họ ra lệnh:

- Cởi quần áo ra, nhanh lên! Giữ lại thắt lưng và đôi giày thôi, cầm trên tay...

Quần áo chúng tôi ném đầy xuống đất ở cuối trại, ở đó, đã có một đồng quần áo khác của những người đến trước. Quần áo mới, quần áo cũ, áo choàng rách rưới, giẻ rách. Đối với chúng tôi, đó là một sự bình đẳng tuyệt đối: trần truồng. Chúng tôi run lên vì lạnh.

Vài người lính Đức lượn qua lượn lại trong căn phòng, tìm kiếm những thanh niên khỏe mạnh. Nếu sự cường tráng được trọng dụng đến thế có lẽ ai cũng cố tỏ ra mạnh mẽ? Cha tôi nghĩ ngược lại. Tốt nhất là đừng để họ để ý đến mình, số phận của những người khác cũng là số phận của chính mình.

(Sau này, tôi mới biết là Cha nghĩ đúng. Những thanh niên cường tráng được chọn lựa hôm ấy được gia nhập vào Sonder-Kommando, là nhóm làm việc ở hỏa lò. Anh chàng Bela Katz, là con trai một chủ tiệm lớn trong thị trấn của chúng tôi, đã đến đây trong chuyên xe đầu tiên một tuần trước chúng tôi. Khi hay tin chúng tôi đã đến nơi, anh ta đã lén lút đút cho chúng tôi mảnh giấy với vài chữ, nói rằng anh ta được chọn vì anh cao lớn vạm vỡ, chính vì thế mà anh đã bị ép phải đẩy chính Cha anh vào hỏa lò).

Tai họa cứ tiếp tục giáng lên đầu chúng tôi:

- Tới hớt tóc!

Giày lưng và giày trên tay, tôi lết dần đến chỗ cắt tóc. Cái tông đơ cứ thế cắt hết tóc tai, lông lá trên người chúng tôi. Trong đầu tôi chỉ vo ve một ý nghĩ cứ lập đi lập lại: làm sao không phải xa Cha tôi.

Thoát khỏi tay ông thợ hớt tóc rồi, chúng tôi đi vào đám đông, tìm kiếm bạn bè, người quen. Mỗi sự gặp gỡ lại làm chúng tôi sung sướng, vâng thật sung sướng: Cảm ơn Trời! Bạn vẫn còn sống !

Nhưng có người lại khóc, với tất cả hơi sức còn lại. Tại sao họ lại bị bắt mang tới đây? Tại sao họ không được chết trên giường của họ? Tiếng nức nở làm ngắt lời của họ.

Bất chợt, có ai choàng vai và ôm lấy tôi, thì ra là Yechiel, em trai của ông giáo sỹ Do Thái trong thị xã của chúng tôi. Anh ta khóc nức nở. Tôi nghĩ rằng anh ta khóc vì quá vui, vì thấy mình còn sống.

- Đừng khóc nữa Yechiel, - tôi nói, đừng phí nước mắt của anh.
- Không khóc à? Chúng ta đã ở ngưỡng cửa cõi chết. Chẳng bao lâu, lại được vào trong. Anh có hiểu không? Vào trong này. Làm sao tôi không khóc cho được?

Qua những khung cửa sổ nhỏ trên trần, tôi thấy bóng đêm đang mờ dần. Tôi không còn sợ nữa. Tiếp đó là sự mệt mỏi rã rời.

Những người vắng mặt không còn lướt qua trong ký ức của chúng tôi nữa. Chúng tôi vẫn nhắc đến họ: *“ai biết bây giờ họ ra sao?”*, thế nhưng không ai thắc mắc nhiều về số phận của họ. Chúng tôi không còn có thể nghĩ bất cứ chuyện gì nữa. Ý tưởng trở nên lơ mơ, cái gì cũng nhạt đi lần trong sương mờ. Chúng tôi không bám víu vào bất cứ thứ gì nữa. Cái bản năng sinh tồn, tự vệ, tự kiêu, đã lìa bỏ chúng tôi rồi.

Trong một thoáng sáng suốt cuối cùng, tôi có cảm nghĩ chúng tôi là những linh hồn đầy dọa đi lang thang trong hư không, lang thang trong vũ trụ cho đến tận cùng của thời gian, để chuộc tội, để tìm kiếm sự quên lãng, nhưng rốt cuộc thì không có hy vọng tìm được gì cả.

KHOẢNG CHỪNG 5 GIỜ SÁNG, chúng tôi bị lừa ra khỏi trại. Những tên cai tù lại đánh chúng tôi, nhưng tôi không còn cảm thấy đau đớn nữa. Từng cơn gió nhẹ giá băng đã bao che chúng tôi. Không một mảnh vải che thân, tay cầm giây lưng và đôi giày, họ ra lệnh cho chúng tôi:

- Chạy!

Chúng tôi bắt đầu chạy được vài phút thì tới một ba rắc mới. Một thùng đựng chất lỏng đã lên mùi hôi thối nằm ngay cửa. Khử trùng. Mọi người phải nhúng mình vào trong đó. Tiếp theo là tắm nước nóng. Rất nhanh. Ra khỏi vòi nước nóng là chúng tôi lại bị đuổi ra ngoài. Lại chạy. Một cái ba rắc khác: nhà kho, với những bàn dài và cả núi quần áo tù. Khi chúng tôi chạy ngang, họ ném cho chúng tôi quần, áo khoác, sơ mi, vớ....

Trong vài giây phút, chúng tôi không còn là người nữa. Nếu tình trạng không đến nỗi bị đất, thì chắc chúng tôi đã cười phá lên rồi. Nhìn chúng tôi thay đổi đến thế nào! Méir Katz, to như con voi thì được một cái quần con nít; Stern ốm nhom thì được một cái áo khoác rộng thùng thình và một

chiếc áo thun ông có thể bơi trong đó được. Chúng tôi nhanh chóng trao đổi quần áo cho nhau.

Tôi liếc qua Cha tôi. Cha đã thay đổi làm sao! Mắt ông mờ hẳn đi. Tôi muốn nói với Cha điều gì, song lại không biết nói ra sao.

Đêm đã qua. Sao mai lấp lánh trên nền trời. Tôi nữa, đã trở thành một người hoàn toàn khác. Cậu học sinh học Giáo lý, đứa trẻ trong tôi đã bị ngọn lửa thiêu đốt rồi. Chỉ còn là một hình thể trông giống tôi thôi. Ngọn lửa đen tối đã xâm nhập và tàn phá cả hồn tôi.

Quá nhiều việc xảy ra chỉ trong vài giờ đồng hồ khiến tôi mất cả khái niệm thời gian. Chúng tôi rời nhà hồi nào? Và khu biệt cư? Và xe hỏa? Một tuần trước đây? Một đêm? *Một đêm mà thôi?*

Chúng tôi đứng trong gió lạnh trong bao lâu? Một giờ? Một giờ mà thôi? 60 phút?

Chắc chắn, đó chỉ là một giấc mơ.

CÁCH CHỖ CHÚNG TÔI KHÔNG XA, đám tù nhân đang làm việc. Vài người đang đào hố, người khác thì chở cát. Chẳng có ai liếc nhìn chúng tôi cả. Chúng tôi như những cây khô héo giữa sa mạc. Sau lưng tôi có tiếng người nói chuyện. Tôi cũng không thiết nghe xem họ nói gì, ai đang nói và nói về chuyện gì. Không ai dám nói lớn tiếng mặc dù chẳng có người canh gác chung quanh. Chúng tôi chỉ thì thầm. Có thể làn khói dày đặc đã ô nhiễm không khí và làm nghẹt cổ họng chúng tôi.

Chúng tôi xếp thành hàng năm và được dồn vào một căn trại khác.

- ...và bây giờ, không ai cử động nữa.

Trong căn trại này không có sàn. Chỉ có mái và 4 bức tường. Chân chúng tôi lún sâu trong bùn.

Lại chờ đợi nữa. Tôi đứng mà ngủ gà ngủ gật. Tôi mơ một chiếc giường, mơ được Mẹ vuốt ve. Giật mình tỉnh dậy: tôi vẫn đứng đó, chân lún trong bùn. Có người ngã xuống và trượt dài trên vũng bùn. Có tiếng người khác la lên:

- Ông có điên không? Họ bảo chúng ta đứng. Ông muốn cả đám mang họa chắc?

Cứ làm như tất cả tai họa trên thế gian này chưa bao giờ đổ lên người chúng tôi hay sao ấy?

Dần dần, chúng tôi ngồi cả xuống bùn. Nhưng phải đứng dậy ngay nếu như có tên cai ngục nào đi đến bất thành linh để kiểm soát xem có ai có đôi giày mới nào hay không? Nếu có, thì phải nộp cho hắn. Chẳng ích lợi gì để kháng cự hết: roi vọt lại giáng xuống và cuối cùng thì cũng mất đôi giày cho hắn thôi.

Tôi cũng có một đôi giày mới, nhưng lấm lem đầy bùn, họ chẳng để ý. Tôi thốt nhiên đọc câu kinh tạ ơn Thượng đế đã sinh ra bùn trong thế giới huyền diệu và vô bờ bến của Ngài.

Đột nhiên, một sự im lặng ngọt ngào bao trùm. Một sỹ quan Đức bước vào, mang theo với hắn, cái mùi của Tử Thần. Chúng tôi nhìn chăm chăm vào đôi môi đầy của ông ta. Đứng giữa căn trại, ông ta bắt đầu diễn thuyết:

- Các bạn đang ở trong một trại tập trung, ở Auschwitz...

Ngừng lại giây lát. Ông ta quan sát hiệu quả của câu vừa nói ra. Khuôn mặt của ông ta còn hằn trong ký ức tôi cho đến ngày nay. Một người đàn ông cao lớn, trạc ba mươi, tội ác in rành rành trên trán và trong ánh mắt của ông ta. Ông nhìn chăm chăm chúng tôi như nhìn một đàn chó ghẻ lở tham sống sợ chết.

- Nhớ đây, - ông ta nói tiếp, luôn nhớ điều này, khắc nó vào trong trí nhớ của các bạn: tất cả đang ở Auschwitz. Và Auschwitz không phải là nhà dưỡng bệnh. Đó là trại cải tạo. Ở đây, các bạn phải làm việc. Nếu không, thì đi thẳng vào ống khói, vào hỏa lò. Làm Việc hay Hỏa Lò? Các bạn hãy tự lựa chọn.

Chúng tôi đã từng trải qua bao nhiêu đêm như thế rồi, và tin rằng không còn gì có thể làm cho chúng tôi hoảng sợ hơn được nữa. Thế nhưng những lời nói khô khan kia làm chúng tôi run lên. Hai chữ “Hỏa Lò” ở đây không phải là trừu tượng nữa: nó bay lượn trên không trung, hòa lẫn vào đám khói. Có lẽ tại đây, đó là hai chữ thật sự có ý nghĩa. Ông ta rời căn trại; tiếp đó là đám cai tù đến, hô to:

- Tất cả các người có nghề chuyên môn: thợ làm ống khóa, thợ mộc, thợ điện, thợ làm đồng hồ, bước lên một bước.

Những người còn lại như chúng tôi được chuyển sang một căn trại khác, xây bằng đá. Chúng tôi được phép ngồi xuống. Một người tù kỳ cựu người Romany chịu trách nhiệm trại này.

Cha tôi tự nhiên bị đau bụng. Ông đứng dậy và lễ phép hỏi bằng tiếng Đức:

- Xin lỗi... ông có thể cho tôi biết nhà cầu ở đâu không?

Tên tù kỳ cựu này nhìn Cha tôi từ đầu đến chân như thể đang xem cái người đang hỏi chuyện hắn có bằng xương bằng thịt hay không? có phải là một người với một thân thể và một cái bụng hay không? Rồi như người vừa tỉnh giấc, hắn dùng hết sức tát cho Cha mấy cú trời giáng khiến Cha tôi ngã lún xuống đất và bò lồm cồm về chỗ.

Tôi đứng ngay đơ ra đó. Không hiểu chuyện gì xảy ra cho tôi? Cha tôi vừa bị đánh đập trước mắt tôi, mà tôi vẫn điềm nhiên như không? Tôi chỉ nhìn và yên lặng. Nếu là hôm qua, thì tôi đã dùng móng tay cào câu sâu vào da thịt cái tên tội phạm này rồi. Có phải tôi thay đổi nhiều quá không? Nhanh quá không? Sự ăn năn đang gặm nhấm tôi. Tôi chỉ có thể nghĩ: tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho hắn.

Cha tôi chắc chắn đã đọc được ý nghĩ trong đầu tôi, vì Cha thì thâm vào tai tôi:

- Không đau gì cả.

Trên má ông hãy còn đỏ hằn dấu của bàn tay.

TẤT CẢ MỌI NGƯỜI RA NGOÀI.

Chừng chục tên tù kỳ cựu đến nhập vào với tên cai tù đang canh giữ chúng tôi. Dúi cui và roi mây cứ đập đôm đốp chung quanh tôi. Chân tôi cứ chạy dù tôi không nghĩ đến nó. Tôi cố tránh những lần roi bằng cách chạy nấp sau những người khác.

Lúc ấy là mùa xuân và nắng thật rực rỡ.

- Vào hàng, năm người một hàng!

Những người tù mà tôi nhìn thấy sáng nay làm việc ở gần đó, không có ai canh chừng họ cả, chỉ có bóng của cái ống khói khổng lồ. Thần thờ vì nắng và những giấc mơ trong đầu, tôi cảm thấy ai kéo tay áo tôi. Thì ra là Cha:

- Tiến lên! Con giai.

Chúng tôi bước đi. Chiếc cổng mở ra rồi lại đóng vào. Chúng tôi cứ tiếp tục đi giữa những vòng dây thép gai có gắn điện. Cứ mỗi bước đi thì cái tấm biển màu trắng với hình sọ người màu đen lại nhìn chúng tôi đe dọa. Đề phòng: “Nguy hiểm chết người”. Thật mĩa mai làm sao? Ở nơi này, thử hỏi có chỗ nào mà không “nguy hiểm chết người” chứ?

Bọn dẫn tù ngừng lại gần cạnh căn trại. Lính Đức đến thay thế họ, và bao quanh chúng tôi với súng ống, dùi cui và đàn chó thiện nghệ.

Chúng tôi đi khoảng nửa giờ. Nhìn chung quanh, tôi thấy cái hàng rào dây kẽm gai đã ở sau lưng. Chúng tôi đã rời trại.

Đó là một ngày đẹp trời tháng năm. Hương xuân thoang thoang bay trong làn không khí trong mát. Mặt trời đã lặn ở hướng tây.

Đi thêm một đôi nữa, chúng tôi nhận ra hàng rào dây kẽm của một căn trại khác, với cánh cổng sắt, bên trên khắc hàng chữ: “Arbeit Macht Frei”: Lao Động đổi Tự Do!

Trại Auschwitz.

Cảm tưởng đầu tiên: khá hơn trại Birkenau. Những căn trại bằng bê tông hai tầng thay vì bằng gỗ. Đây đó là những mảnh vườn nho nhỏ. Chúng tôi được đưa vào một trong những căn ba rắc đó. Ngồi bệt xuống đất ngay lối ra vào, chúng tôi lại bắt đầu đợi. Thỉnh thoảng lại có một người được gọi vào. Để tắm! Một thủ tục thông thường mỗi lần đổi trại. Mỗi ngày chúng tôi đi hết trại nọ sang trại kia, và mỗi lần mỗi tắm!

Tắm nước nóng xong, chúng tôi đứng run cầm cập trong bóng tối. Quần áo được để lại trong trại và họ hứa cho chúng tôi quần áo khác.

Khoảng 12 giờ đêm, chúng tôi được lệnh chạy.

- Nhanh chân lên, - lính canh la hét, chạy càng nhanh thì càng được đi ngủ sớm.

Sau vài phút chạy như điên, chúng tôi vào một căn ba rắc mới. Người chịu trách nhiệm căn trại của chúng tôi đã ở đó. Đó là một người Ba Lan, đang mỉm cười với chúng tôi. Ông ta bắt đầu nói chuyện với chúng tôi, và mặc dù rất mệt, chúng tôi cũng chăm chú lắng nghe:

- Các đồng chí, các bạn đang ở trại tập trung Auschwitz. Trước mặt các bạn là cả một chặng đường dài thử thách và chịu đựng. Nhưng đừng nản lòng. Các bạn đã thoát được cái ải khó khăn nhất: Tuyển Chọn. Vậy hãy gom góp hết nghị lực và đừng mất lòng tin. Chúng ta sẽ nhìn thấy ngày giải phóng. Hãy tin vào cuộc sống, tin một ngàn lần. Hãy xua đuổi hết tuyệt vọng đi, bạn sẽ xa rời cái chết. Địa ngục không kéo dài vĩnh viễn. Bây giờ là một lời nguyện cầu, hay đúng hơn là một lời khuyên: hãy giữ tình bạn với nhau. Tất cả chúng ta đều là anh em và cùng chia sẻ một số phận. Trên đầu chúng ta đều có cùng một làn khói bay lơ lửng. Hãy giúp đỡ lẫn nhau. Đó là cách duy nhất để sinh tồn. Các bạn mệt rồi. Nghe đây: các bạn ở

khu số 17, tôi là người trách nhiệm trật tự khu này. Ai khiếu nại gì có thể đến gặp tôi. Chấm dứt. Hãy vào giường, cứ hai người một giường. Ngủ ngon!

Đó là những lời nói nhân đạo đầu tiên từ khi chúng tôi đến đây.

Vừa trèo lên giường là chúng tôi đã ngủ khoèo.

SÁNG SỚM HÔM SAU, những “người kỳ cựu” không làm khó dễ chúng tôi. Chúng tôi vào rửa mặt. Họ cho chúng tôi quần áo mới, lại được cà phê đen nữa.

Chúng tôi rời trại khoảng 10 giờ sáng để người ta lau chùi trại. Bên ngoài, nắng xuân sưởi ấm chúng tôi. Tinh thần sảng khoái sau giấc ngủ đêm trước. Bạn bè gặp nhau, trao đổi vài câu ngắn gọn. Chúng tôi nói với nhau đủ chuyện, trừ việc nhắc đến những người “mất tích”. Nói chung, cảm nghĩ của mọi người là chiến tranh sắp đến hồi kết cuộc.

Buổi trưa, họ mang cho chúng tôi mỗi người một chén súp đặc. Mặc dù đói kinh khủng, tôi vẫn từ chối không đụng đến. Tôi vẫn còn cái tính làm nũng của đứa bé thưở nào ở nhà. Cha tôi đã nuốt lấy phần ăn của tôi bỏ lại.

Trong bóng tối của căn trại, chúng tôi làm một giấc ngủ trưa ngắn. Cái nhà ông sỹ quan Đức ở căn trại bùn lầy bên kia đã nói dối để dọa nạt chúng tôi: vì Auschwitz đúng là một căn nhà dưỡng bệnh, có gì đáng sợ như ông nói đâu!

Buổi chiều, họ bắt chúng tôi xếp hàng. Ba người tù khiêng đến một cái bàn và vài dụng cụ y tế. Chúng tôi được lệnh xắn tay áo bên trái lên và đi đến trước cái bàn. Ba người tù kỳ cựu cầm kim trong tay, xăm số tù vào cánh tay trái của chúng tôi. Tôi trở thành A-7713. Từ đây, tôi không còn tên họ nữa.

Đến tối, điểm danh. Những người lính gác bước vào. Gần cửa, ban nhạc đang đánh nhạc quân hành. Cả hơn chục ngàn tù nhân đứng vào hàng trong khi lính Đức kiểm soát số tù trên cánh tay của họ.

Sau khi điểm danh, mọi người tản mác về mọi phía để đi tìm bạn bè, thân nhân và hàng xóm đến trên chuyến xe cuối cùng.

NGÀY THÁNG TRÔI QUA. Buổi sáng: cà phê đen. Buổi trưa: súp (đến ngày thứ ba thì tôi ăn bất cứ súp gì cũng thấy ngon hết). Sáu giờ chiều:

điểm danh. Sau đó là bánh mì và một tí bơ hay một cái gì đó. Chín giờ đêm: đi ngủ.

Tính ra, chúng tôi ở Auschwitz đã 8 ngày rồi. Hôm ấy sau giờ điểm danh. Chúng tôi đang đợi tiếng chuông báo hiệu hết giờ điểm danh thì thành linh, tôi thấy một người đi len lỏi vào giữa các hàng và hỏi:

- Ở đây, có ông Wiesel đến từ Sighet không?

Người đàn ông ấy nhỏ bé và đeo kính, khuôn mặt nhăn nhoe và già nua. Cha tôi trả lời:

- Chính là tôi. Tôi là ông Wiesel đến từ Sighet.

Người đàn ông nhăn mặt nhìn Cha tôi hồi lâu:

- Ông không biết tôi à? Chú không nhận ra cháu à? Stein. Stein ở Antwerp đây. Vợ cháu là cháu của thím đây. Chúng cháu vẫn thường nhận được thư của thím...

Đúng là Cha tôi không nhận ra Stein, vì Cha cứ mãi mê lo chuyện cộng đồng mà không để ý chuyện trong gia đình. Không, Cha không nhận ra Stein. Riêng tôi, tôi nhận ra anh ta ngay. Tôi cũng biết rõ vợ của Stein trước khi chị ấy sang Bỉ. Stein nói tiếp:

- Cháu bị trục xuất năm 1942. Cháu nghe tin có chuyến xe đến từ Sighet nên đến đây tìm chú. Cháu nghĩ rằng gia đình chú có thể có tin tức của vợ cháu...

Tôi không biết tin tức gì của họ cả, kể từ năm 1940, Mẹ tôi đâu có nhận được thư từ gì của gia đình Stein nữa đâu. Nhưng tôi nói dối cho Stein yên lòng:

- Vâng, Mẹ em vẫn thường nhận được thư của vợ anh. Chị ấy khỏe lắm, hai đứa nhỏ cũng vậy...

Anh ta khóc vì sung sướng. Anh muốn ở lại thêm, hỏi thêm tin tức, để nghe những tin vui, nhưng ngay lúc đó, một tên vệ binh đến gần chúng tôi nên Stein phải bỏ đi ngay, không quên hẹn ngày mai anh sẽ quay lại nữa.

Có tiếng chuông báo giờ giải tán. Chúng tôi đến ngay nhà ăn lãnh phần bánh mì trét bơ. Tôi đói khủng khiếp và ăn ngấu nghiến phần ăn tại chỗ. Cha tôi dặn:

- Con không nên ăn hết. Ngày mai lại là một ngày nữa.

Chợt nhận ra lời khuyên ấy đã quá muộn, tôi đã ăn hết phần của tôi rồi, trong khi Cha chưa đụng đến phần ăn. Cha nói:

- Cha không đói.

Chúng tôi được ở lại Auschwitz ba tuần lễ, không phải làm gì cả và được ngủ thật nhiều, cả chiều lẫn tối. Mỗi bận tâm duy nhất là làm sao không phải đổi trại nữa, ở lại đây càng lâu càng tốt. Việc này cũng không khó khăn gì: chỉ cần không bao giờ khai rằng mình có nghề nghiệp chuyên môn. Những người không có nghề được giữ lại đến cuối cùng.

Sang đến tuần lễ thứ ba thì những ngày tươi đẹp của chúng tôi không còn nữa. Người trưởng trại đã bị chuyển đi nơi khác vì ông ta bị cho là quá nhân từ. Người cai mới tới hung dữ, thật đúng là một con quỷ điển hình. Chúng tôi bắt đầu tự hỏi có nên được tuyển chọn vào lần chuyển trại kế tiếp hay không, còn hơn là ở đây?

Stein, người cháu của Mẹ tôi vẫn tiếp tục thỉnh thoảng ghé thăm chúng tôi, có khi đem cho tôi nửa khẩu phần bánh mì:

- Đây, cho em này, Eliezer...

Mỗi lần đến thăm, nước mắt lại chảy dài trên đôi má lạnh căm của anh. Anh thường nhắc nhở Cha tôi:

- Chú cẩn thận chăm sóc cho em Eliezer. Trông nó yếu ớt và khô khan quá. Hai người phải chăm sóc lẫn nhau, tránh đừng bị tuyển mộ. Phải ăn! Ăn bất cứ gì và bất kỳ lúc nào. Những người yếu đuối không tồn tại ở đây được lâu...

Tôi nhìn anh, trông anh cũng gầy gò, cũng khô khan, cũng yếu đuối kém gì tôi đâu! Anh nói tiếp:

- Điều duy nhất giữ cháu ở lại cội trần này là để biết vợ và hai con còn sống sót. Nếu không, cháu đã buông xuôi rồi.

Một buổi tối, anh Stein đến gặp chúng tôi, mặt mày sáng rỡ:

- Có một chuyến tàu từ Antwerp vừa đến. Ngày mai cháu phải tới đó gặp họ. Chắc hẳn họ có tin tức về vợ con của cháu.

Nói xong anh ta đi ngay và vĩnh viễn không quay trở lại nữa: anh đã có tin tức của vợ con, lần này là *tin tức thật*...

BUỔI TỐI, NẪM TRÊN GIƯỜNG, chúng tôi cùng nhau hát vài khúc Thánh ca. Anh bạn tù Akiba Drumer làm nát lòng mọi người với giọng ca trầm ấm và sâu thẳm.

Vài người nói về Thượng Đế, những huyền diệu của Ngài, những tội lỗi của dân Do Thái và chuyện giải phóng trong tương lai. Tôi, thì tôi không cầu nguyện nữa. Cũng giống như Gióp trong kinh Thánh, tôi không phủ

nhận sự hiện hữu của Ngài, mặc dù là tôi bắt đầu nghi ngờ sự phán đoán tuyệt đối của Ngài.

Akiba nói:

- Thượng Đế đang thử thách chúng ta, xem chúng ta có vượt qua được những bản ngã xấu của chúng ta, có giết được con quỷ Sa Tăng trong chúng ta không? Chúng ta không có quyền tuyệt vọng, và giả dụ như Ngài có trừng phạt chúng ta vĩnh viễn, thì cũng có nghĩa là Ngài yêu thương chúng ta vô ngần...

Anh bạn tù Hersch, người thấu hiểu Thánh kinh hơn ai hết, thì giảng về tận thế và sự ra đời của Chúa Cứu thế.

Thỉnh thoảng, trong những cuộc mạn đàm như thế, tôi lại nhói tim nghĩ:

- *Giờ này Mẹ ở đâu? và em út Tzipora...*

Có lần Cha tôi nói:

- Mẹ con hãy còn trẻ, chắc là Mẹ đang ở trong một trại lao động nào. Bé Tzipora, chẳng phải nó đã là một cô gái lớn hay sao? Chắc nó cũng đang ở trại nào đó...

Chúng tôi nói với nhau như thế, cố tin như thế, người nọ không biết người kia có tin mình không?

TẤT CẢ NHỮNG THỢ THUYỀN có nghề chuyên môn đã được chuyển đi từ từ, trong trại chỉ còn lại chừng trăm người không chuyên môn như chúng tôi.

- Hôm nay đến phiên các người sẽ được dời đi. Người trưởng trại tuyên bố như thế.

Khoảng 10 giờ, họ phát cho chúng tôi khẩu phần bánh mì hàng ngày. Chừng chục người vệ binh bao quanh chúng tôi. Ngoài cổng, cái bảng hiệu “*«Arbeit Macht Frei»* : Lao động đổi Tự Do vẫn ngạo nghễ. Họ điểm danh chúng tôi. Trên con đường nắng vàng rực rỡ băng qua những cánh đồng, mây trắng vẫn lững lờ bay trên nền trời trong.

Chúng tôi đi chậm chậm. Lính canh không vội vã lắm, chúng tôi thật vui. Đi ngang qua làng mạc, dân chúng nhìn theo chúng tôi, không tỏ vẻ gì ngạc nhiên cả. Chắc hẳn họ đã từng nhìn nhiều lần cái cảnh này rồi.

Trên đường, vài cô gái Đức nhớn nhọ. Lính canh trâu chọc khiến họ cười sung sướng, má ửng hồng. Họ đùa giỡn, cười cợt, thả lời ong bướm suốt quãng đường. Trong thời gian đó, ít nhất chúng tôi được bình yên, không phải nghe lính canh la hét, không bị roi vọt.

Bên tiếng đồng hồ sau, chúng tôi đến trại mới: Buna. Cánh cổng sắt khép lại sau lưng chúng tôi.

Chương IV

CĂN TRẠI CHÚNG TÔI VỪA CHUYỂN ĐẾN trông như vừa trải qua một cơn dịch: trống trải và chết chóc. Chỉ có vài lính canh mặc đồng phục chỉnh tề đi qua đi lại.

Dĩ nhiên, theo thông lệ, chúng tôi phải đi tắm khi nhập trại. Ngay sau đó, người trưởng trại đến gặp chúng tôi. Đó là một người đàn ông chắc nịch, vai rộng, cô to như cô con bò mộng, đôi môi dày và mái tóc quăn quăn. Ông cho chúng tôi cái cảm giác tốt. Trong đôi mắt xanh xám nhạt thỉnh thoảng lại thoáng một nụ cười. Trong toa chúng tôi có vài đứa trẻ chừng mười hay mười hai tuổi, được ông ta để ý và gọi người đem thức ăn đến cho chúng.

Chúng tôi được phát quần áo mới và được chuyển vào hai chiếc lều; phải chờ ở đó cho đến khi được chuyển vào những toán đặc công và sẽ được chỉ định vào các khu làm việc.

Đến chiều tối, những toán đặc công sau giờ làm việc lục đục trở về trại. Chúng tôi ủa tới tìm kiếm người quen, hỏi ý kiến những người kỳ cựu xem toán nào tốt hơn và nên xin vào khu nào để làm việc? Mọi người đều đồng ý:

- Buna là một trại rất tốt. Nếu được ở đó thì hay đấy. Quan trọng nhất là đừng để bị đẩy vào toán xây cất.

Cứ làm như là chúng tôi có quyền lựa chọn không bằng...

Người trưởng lều của chúng tôi là một người Đức, với khuôn mặt đấng đấng sát khí, môi dày cui lên, hai bàn tay trông như chân chó sói, dáng người mập mạp, có lẽ thức ăn trong lều hợp khẩu vị hắn! Cũng giống như tên trưởng trại, hắn rất thích con nít. Ngay khi chúng tôi đến, hắn cho mang bánh mì bơ và súp đến cho con nít ăn trước. Sau này tôi được biết sự trù mên này cũng chẳng phải do lòng vị tha gì, trẻ con ở đây được chuyển tay qua các tên trại trưởng đồng tính luyện ái.

Ông ta tuyên bố:

- Các người ở đây với tôi trong ba ngày, hoàn toàn bị cách ly. Sau đó, sẽ bắt đầu đi làm việc. Ngày mai, khám sức khỏe.

Một tên phụ tá của ông ta, một đứa trẻ với đôi mắt gian manh quý quyet, tiến lại gạ tôi:

- Mày có muốn vào toán đặc công tốt không?
- Dĩ nhiên. Nhưng với điều kiện: tôi phải được ở chung với Cha tôi.
- Đồng ý, - nó nói : tao có thể thu xếp được. Thù lao nhẹ thôi: đôi giày của mày. Tao sẽ đổi cho mày đôi khác.

Tôi từ chối không chịu. Đôi giày này là tất cả những gì tôi còn lại.

- Tao có thể cho thêm mày một phần bánh mì bơ.

Nó thích đôi giày của tôi. Nhưng đời nào tôi chịu nhường nó (sau này, tôi vẫn mất đôi giày về tay nó như thường, nhưng lần này, thì không đổi lại được gì cả!).

SÁNG SỚM HÔM SAU, chúng tôi được khám sức khỏe ngay ngoài trời, trước mặt ba ông bác sỹ ngồi trên một băng ghế.

Ông bác sỹ đầu tiên khám sơ sơ thôi, ông ta chỉ hỏi tôi:

- Sức khỏe tốt chứ?

Ai dám nói ngược lại chứ?

Trái lại, người nha sỹ thì có vẻ chu đáo hơn. Ông ta bảo tôi há to miệng. Thật ra, không phải ông ta tìm xem có răng sâu không, mà là tìm xem có răng vàng không! Ai có răng bọc vàng thì ông ta ghi số ký danh của người đó vào một danh sách. Tôi cũng có một cái răng bọc vàng.

Ba ngày đầu ở trại trôi qua nhanh chóng. Đến ngày thứ tư, vừa hừng sáng, lúc chúng tôi đứng trước cửa lều thì bọn lính canh xuất hiện. Mỗi người tự chọn người mà hắn thích:

- Người này... người này.... người này....

Họ cứ chỉ tay, chọn lựa như người ta chọn lựa gia súc hay hàng hóa vậy. Trưởng nhóm của chúng tôi là một thanh niên trẻ. Chúng tôi đi theo. Hắn bảo chúng tôi dừng ở cửa của gian đầu tiên, gần cửa ra vào trại. Đó là gian của ban nhạc. Hắn ra lệnh:

- Vào đi!

Chúng tôi thật ngạc nhiên: làm gì với âm nhạc ở đây?

Lúc ấy ban nhạc đang đánh đi đánh lại một bản quân hành. Chừng chục người nhân công đi theo tiếng nhạc tiến về phía công trường. Người nhạc trưởng cầm chiếc gậy đánh nhịp:

- Trái, phải, trái, phải...

Lính Đức cầm bút trong tay, ghi số những người tù vừa bước ra. Ban nhạc tiếp tục bản quân hành cho đến khi nhân công cuối cùng bước qua. Người nhạc trưởng ngưng đánh nhịp và tiếng nhạc cũng im bật. Tên lính canh thét:

- Vào hàng!

Chúng tôi nhanh chóng vào hàng năm, với những nhạc công. Tất cả cùng rời trại không có tiếng nhạc nhưng đi theo nhịp, trong tai chúng tôi vẫn còn âm vang tiếng nhạc quân hành: “trái, phải, trái, phải...”.

Trên đường đi, chúng tôi bắt chuyện với những nhạc công đi bên cạnh. Đa số là người Do Thái. Đây là Juliek, sinh đẻ tại Ba Lan đeo kính cận với nụ cười nhạo báng trên khuôn mặt trắng nhợt. Rồi đến Louis, sinh quán tại Hòa Lan, chơi vĩ cầm nổi tiếng. Anh ta than phiền rằng họ không để cho anh ta chơi nhạc Beethoven; người Do Thái không được phép chơi nhạc Đức. Kia là Hans, đến từ Bá Linh, trông anh ta thật hóm hỉnh. Anh chàng độc công Franek người Ba Lan, học sinh đến từ Varsovie, thủ đô của Ba Lan.

Juliek giải thích:

- Chúng ta làm việc trong một kho chứa đồ điện.

Công việc không khó khăn cũng không nguy hiểm gì hết. Thế nhưng, tên trưởng toán Idek thì thỉnh thoảng lại giở điên giở khùng. Tốt hết là bạn tránh hắn thì hơn.

- Chú bé đồng chí! - Hans bảo tôi, chú thật may mắn được vào toán tốt đấy.

Mười phút sau chúng tôi đến trước nhà kho. Một nhân viên dân sự người Đức ra đón chúng tôi. Hắn nhìn chúng tôi không hơn không kém như một người chủ tiệm nhận kiện hàng chứa đầy giẻ rách.

Anh đồng chí Juliek của chúng tôi nói không sai. Công việc không khó gì cả. Ngồi dưới đất, đếm bù loong, bóng đèn, và những bộ phận nhỏ để làm điện.

Một tên tù kỳ cựu giải thích dài giòng về sự quan trọng của công việc này, cảnh cáo rằng ai lười biếng thì sẽ biết tay hắn. Các đồng chí mới quen trấn an tôi:

- Đừng thắc mắc. Hắn nói thế vì sợ tên trưởng toán thôi...

Ở đây có nhiều người dân sự Ba Lan, lại có cả vài người đàn bà Pháp, khẽ chào hỏi đám nhạc công bằng ánh mắt.

Anh chàng độc công Franek chỉ tôi vào một góc:

- Không cần vội vã, không cần làm lấy chết. Nhưng cần thận đừng để mấy tên lính Đức nó túm được mày.
- Thưa, em muốn ở gần Cha của em...
- Được, Cha của em sẽ làm việc ngay đây.

Chúng tôi thật là may mắn gặp được người tử tế. Có hai anh em trai khác cũng nhập vào với chúng tôi: Yossi và Tibi, người Tiệp Khắc, cha mẹ bị đẩy sang Birkenau, chỉ còn hai anh em sống nương dựa nhau cả vật chất lẫn tinh thần. Ba đứa chúng tôi kết bạn nhanh chóng. Hai anh bạn này một dạo đã từng sinh hoạt trong nhóm thanh thiếu niên theo chủ nghĩa phục quốc. Họ thuộc lòng hằng hà sa số các bài Thánh ca Do Thái. Thoảng có lúc chúng tôi đã cùng nhau hát nho nhỏ vài điệu nhạc, gợi nhớ bao dòng nước êm đềm của con sông Jordan, hay những oai nghiêm thần thánh của Jéusalem. Chúng tôi cũng nhắc đến Palestine: cha mẹ của hai anh bạn này, cũng giống như cha mẹ tôi, đã không có can đảm bán tháo tài sản để xin di dân sang Palestine khi thời điểm còn cho phép. Chúng tôi cũng bàn với nhau rằng nếu Trời cho sống đến ngày Giải phóng, chúng tôi không thêm ở Âu Châu thêm một ngày nào nữa, mà sẽ xuống tàu đi ngay sang Haifa ở Israel.

Mê man trong giấc mơ thần thoại, Akiba Drumer đã khám phá ra một đoạn trong kinh Thánh, mà nếu chuyển thành con số, có thể giúp anh ta tiên đoán ngày Giải phóng sẽ không xa.

CHÚNG TÔI GIÃ TỪ CÁI LỀU để chuyển sang phòng của nhạc công. Mỗi người được quyền có một cái mền, một cái thau và một cục xà bông. Trưởng phòng tên Alphonse, là một người Đức gốc Do Thái, với khuôn mặt già trước tuổi. Không còn gì sung sướng hơn là được một người Do Thái làm trưởng nhóm. Ông ta hết lòng bảo vệ cho “nhóm của ông”, là chúng tôi. Bất cứ lúc nào có thể được là ông tìm cách “tổ chức” một nồi súp bự cho đám trẻ, cho những người yếu, cho tất cả những ai đang mơ được thêm một phần ăn phụ trội hơn cả giấc mơ Tự Do.

Một hôm, khi chúng tôi vừa từ nhà kho về, người thư ký trại gọi số ký danh của tôi:

- A-7713?
- Là tôi.
- Sau giờ ăn, đến gặp nha sỹ.
- Nhưng... nhưng... tôi không đau răng...
- Sau giờ ăn. Không lười thôi gì cả.

Tôi vào bệnh xá. Chừng vài chục tù nhân đang xếp hàng tại lối vào. Không cần mất nhiều thì giờ để hiểu lý do được gọi đến: họ sẽ nhô hết những răng bọc vàng của chúng tôi.

Nha sỹ là một người Do Thái đến từ Tiệp Khắc, trông mặt ông ta không khác gì cái mặt nạ người chết. Ngồi trên ghế pho tô, tôi khép nép hỏi:

- Thừa nha sỹ, ông sẽ làm gì con ạ?
- Ta sẽ nhô cái răng bọc vàng, thế thôi. Ông trả lời lạnh nhạt.

Tôi giả vờ cáo bệnh:

- Ông có thể chờ vài ngày không? Con thấy không được khỏe, con bị sốt... Ông nhú mày, nhìn tôi một lúc, rồi thăm dò:

- Được, em nhỏ. Khi nào khỏe hơn, tới tìm ta. Nhưng đừng để ta phải gọi lần nữa nhé.

Đúng một tuần sau, tôi trở lại gặp ông, với cùng lý do cáo lỗi: tôi chưa khỏe hẳn.

Ông ta có vẻ không ngạc nhiên. Tôi không biết ông có tin tôi không. Ít nhất ông đã hài lòng khi thấy tôi tự động trở lại như đã hứa. Ông cho tôi thêm thời hạn nữa.

May mắn, chỉ vài hôm sau đó thì phòng nha sỹ của ông bị đóng cửa. Ông nha sỹ bị ném vào tù và bị xử treo cổ. Dường như ông đã lấy răng vàng của tù nhân cho riêng ông. Tôi không tội nghiệp ông, trái lại còn vui lắm vì tôi giữ được chiếc răng vàng của tôi. Biết đâu sau này lại chẳng có dịp dùng đến để mua một thứ gì đó, bánh mì chẳng hạn, hay là mua cả mạng sống không biết chừng. Vào lúc ấy, không còn gì làm cho tôi bận tâm hơn là chén súp, là mẩu vỏ bánh mì đã khô cứng. Bánh mì, súp, đó là tất cả cuộc đời tôi. Tôi không là gì cả, chỉ là một thể xác, hay tệ hơn nữa: là cái dạ dày lép kẹp. Cái dạ dày, đơn độc, đếm thời gian trôi...

TRONG NHÀ KHO, tôi thường làm việc chung với một cô gái trẻ người Pháp. Chúng tôi không nói chuyện với nhau bao giờ, vì cô ta không biết tiếng Đức và tôi thì không biết tiếng Pháp. Trông cô ấy có vẻ như người Do Thái, mặc dù cô vẫn nhận là người Aryan. Cô cũng là một tù nhân bị bắt buộc phải làm việc tại đây.

Một hôm, tên trưởng toán Idek đang lên cơn giận, không may hấn gặp tôi trên đường. Thế là hấn nhào tới tôi như con thú dữ, đánh vào ngực, vào

đầu tôi, ném tôi xuống đất rồi lại lôi dậy, đánh tiếp cho đến khi tôi đổ máu cùng mình. Tôi cố bặm môi để không kêu đau, thì hẳn lại cho là tôi thách thức, coi thường; nên hẳn càng đánh tôi dữ dội hơn. Bất ngờ, hẳn nguôi cơn giận, trả tôi về chỗ làm việc, coi như chẳng có gì xảy ra cả. Coi như cả hai vừa trải qua một cuộc chơi, và cả hai bên đều quan trọng như nhau.

Tôi trở vào trong góc, đau rần khắp người. Tôi cảm thấy bàn tay ai mát lạnh đang lau vết máu trên trán tôi. Thì ra là cô gái người Pháp. Cô ta mỉm cười buồn thảm và nhét vào tay tôi mẩu bánh mì. cô ta nhìn thẳng vào mắt tôi, như muốn nói gì, song lại sợ sệt không dám nói. Cứ thế, mãi một lúc sau, khuôn mặt sáng lên, cô nói với tôi bằng tiếng Đức, gần như hoàn hảo:

- Em nhỏ, cắn môi lại, đừng khóc nữa. Nén giận, nén căm hờn lại chờ một ngày khác. Một ngày sắp đến, nhưng không phải bây giờ... Hãy đợi. Cẩn rằng mà đợi...

“Bao nhiêu năm sau, ở Paris, tôi đang ngồi đọc báo trong lúc chờ xe điện ngầm thì một người đàn bà thật đẹp đi qua, mái tóc màu nâu sậm với đôi mắt thật mơ màng. Tôi đã gặp ở đâu rồi. Đúng là cô ấy. Tôi đánh bạo hỏi:

- Thưa bà, bà không nhận ra tôi?
- Không, tôi không quen ông.
- Năm 1944, bà có từng ở trại Buna tại Ba Lan?
- Vâng, - cô ta trả lời.
- Bà làm việc trong một kho đồ điện?
- Đúng thế,

Cô ta bối rối trả lời, và sau vài giây im lặng, cố reo lên:

- Khoan, tôi nhớ ra rồi... à, tên trưởng toán Idek... cậu bé con Do Thái, với những lời nói ngọt ngào...

Chúng tôi rời xe điện và ra ngồi trên hè của một quán cà phê suốt buổi tối để cùng ôn lại kỷ niệm xưa. Trước khi từ giã, tôi hỏi:

- Tôi có thể hỏi bà một câu?
- Tôi biết ông muốn hỏi gì, ông cứ hỏi đi...
- Bà biết tôi muốn hỏi gì?
- Ông muốn hỏi: Tôi có phải người Do Thái không? Không sai! Xuất thân từ gia đình sùng đạo. Lúc bị trục xuất, tôi dùng giấy tờ giả, nhận là người Aryan. Do đó, họ cho tôi gia nhập vào nhóm nhân công và đầy sang Đức, nên tôi thoát được trại tập trung. Để tránh bị nghi ngờ, tôi không dám dùng tiếng Đức. Mấy lời mà tôi nói với ông là do một sự bất cẩn, nhưng tôi biết rằng ông không bao giờ tố cáo tôi...”

MỘT LẦN KHÁC, chúng tôi phải chắt những động cơ diesel lên toa xe, dưới sự giám sát của lính Đức. Idek đang bực mình câu chuyện gì không biết, mà hắn không dẫn mình được. Bất chợt, hắn nổi cơn thịnh nộ, lần này Cha tôi là nạn nhân của hắn.

- Cái lão già lười biếng kia! - hắn hét lên, như vậy mà gọi là làm việc à?

Rồi hắn cứ thế dùng thanh sắt đánh Cha tôi. Lúc đầu, Cha tôi oằn người xuống dưới cú đánh, rồi gập người xuống như bị đứt ra làm đôi, chẳng khác gì cái cây khô bị sét đánh gãy rời.

Tôi vẫn đứng bất động chứng kiến từ đầu đến cuối, im lặng. Tôi còn muốn tránh ra xa để không bị đánh trúng. Hơn nữa, lúc đó tôi giận lắm, nhưng không phải là giận cái tên trưởng toán Idek hung dữ kia, mà là giận Cha tôi, tại sao lại không biết đường tránh cái cơn điên của hắn chứ? Đây, cuộc sống trong trại cải tạo đã biến tôi thành như thế đây...

Tên quản đốc Franek một hôm nhìn thấy tôi có chiếc răng vàng, hắn ra lệnh:

- Thằng bé kia, cho ta chiếc răng vàng của mày.

Tôi trả lời không thể được vì tôi không thể ăn nếu nhổ chiếc răng này. Hắn nói:

- Nếu muốn chúng ta cho mày ăn, thì khôn hồn đưa đây.

Tôi phải tìm lý do khác: trong khi khám sức khỏe, họ đã ghi chiếc răng bằng vàng của tôi vào danh sách rồi. Tôi không muốn bị rắc rối cho cả đôi bên.

- Nếu mày không đưa, đừng trách mày phải trả giá đắt đấy!

Không hiểu sao bỗng dưng cái thằng nhỏ Franek này mọi ngày dễ thương và thông minh, nay lại thay đổi một cách lạ thường. Đôi mắt hắn sáng rực thèm muốn. Tôi xin hắn cho tôi hỏi ý Cha tôi.

- Được, hỏi đi, nhưng ta muốn câu trả lời ngày mai.

Khi tôi nói với Cha chuyện này, Cha tái mặt đi:

- Không, chúng ta không thể cho hắn, con trai!

- Không cho thì hắn sẽ trả thù chúng ta.

- Hắn không dám đâu.

Không may, Franek đã tìm ra cách: hắn biết nhược điểm của tôi. số là, Cha tôi chưa bao giờ nhập ngũ và không biết đi theo nhịp. Thế nhưng ở đây, mỗi khi chúng tôi di chuyển từ nơi nọ sang nơi kia, đều phải đi theo nhịp,

như đi diễn hành. Đó là cơ hội để Franek hành hạ Cha tôi mỗi ngày, đánh đập Cha một cách tàn nhẫn. Trái, phải: hấn đấm Cha tôi. Trái, phải: hấn lại tát Cha.

Tôi quyết định tự mình dạy Cha tôi cách đổi bước, cách giữ nhịp. Chúng tôi cứ tập ngay trước cửa trại. Tôi ra lệnh: “trái, phải...” và Cha tôi tập theo. Đám tù trên chúng tôi:

- Cõi cái thằng nhỏ sỹ quan đang dạy ông già tập đi kia. Ê, xếp nhỏ kia, ông già cho mày bao nhiêu phần bánh mì vậy?

Nhưng Cha tôi cũng không tiến bộ bao nhiêu, nên những cú đòn vẫn tiếp tục giáng lên mình ông.

- À, lão già này vẫn không biết làm sao bước cho đúng nhịp, cái lão già vô dụng kia.

Màn kịch đó kéo dài hai tuần lễ. Không thể chịu đựng hơn được, chúng tôi đành nhượng bộ thôi. Franek phá lên cười một cách man rợ:

- Ta biết, ta biết mà, chú bé. Muốn còn hơn không. Nhưng mà chú mày đã bắt ta chờ đợi thì phải trả thêm một khẩu phần bánh mì. Một phần bánh mì cho bạn thân của ta, một nha sỹ nổi tiếng của Varsovie, để hấn nhỏ cái răng vàng của mày ra.

- Cái gì? Một phần bánh mì để anh lấy chiếc răng vàng của tôi?

- Thế mày muốn sao? Ta lấy bằng cách đấm cho mày một cái à?

Tối hôm ấy, trong bệnh xá, người nha sỹ dùng chiếc muỗng con đã rỉ sét để cậy chiếc răng bằng vàng của tôi ra Franek lại trở nên tử tế như xưa. Thịnh thoảng hấn cho tôi thêm một phần súp. Nhưng không được bao lâu. Chỉ 15 hôm sau, tất cả những người Ba Lan đều phải chuyển sang trại khác. Tôi mất chiếc răng vàng mà không được lại gì cả.

VÀI HÔM TRƯỚC NGÀY BỌN Ba Lan rời trại, tôi lại học được một bài học khác, một trận đòn chí tử.

Đó là vào một buổi sáng chủ nhật. Hôm ấy, toán của chúng tôi không phải làm việc. Nhưng tên trưởng toán Idek không muốn ai ở lại trong trại. Chúng tôi bị đẩy đi ra nhà máy. Chúng tôi rất ngạc nhiên vì sự hăng hái ấy. Đến nhà máy, Idek giao cho thủ hạ Franek:

- Các người muốn làm gì thì làm. Nhưng phải kiếm cái gì mà làm. Nếu không, đừng trách ta.

Nói xong, hấn biến mất.

Chúng tôi chẳng biết làm gì cả. Thay vì đứng chết trân tại chỗ, chúng tôi mạnh ai nấy đi loanh quanh trong nhà máy, hy vọng tìm được chút gì ăn, chẳng hạn như mẩu bánh mì của thợ thuyền bỏ quên lại.

Đi đến phía sau nhà máy, tôi chợt nghe tiếng người từ bên gian nhà nhỏ bên cạnh. Tôi rón rén bước lại gần và thấy Idek cùng một cô gái trẻ người Ba Lan đang tình tứ với nhau. Tôi chợt hiểu lý do tại sao Idek không muốn chúng tôi ở lại trong trại. Thì ra, hắn đuổi cả đám tù ra ngoài chỉ để có dịp gần gũi với cô gái Ba Lan này! Thật là buồn cười đến nỗi tôi không kềm được, cười phá lên.

Idek giật mình quay lại nhìn thấy tôi khiến tôi muốn chạy mà không chạy nổi, hai chân cứ dính sát xuống đất. Hắn rít lên:

- Thằng nhỏ, mày chờ coi... Mày sẽ coi cái giá mày phải trả vì dám bỏ việc chạy tới đây. Lát nữa đây, mày sẽ thấy. Bây giờ trở về chỗ của mày đi.

Nửa giờ trước khi tan việc, tên trưởng toán Idek tụ tập tất cả toán đặc công. Điềm danh. Mọi người ngơ ngác không hiểu chuyện gì xảy ra. Điềm danh? Tại sao lại điềm danh vào giờ này? Nhưng tôi thì tôi biết. Idek đọc một bài diễn văn ngắn gọn:

- Một tên tù không có quyền xen vào chuyện riêng của người khác. Thế mà có người ở đây coi bộ không hiểu chuyện đó. Ta bắt nó phải hiểu rõ ràng điều này.

Tôi cảm thấy mồ hôi đang chảy ròng ròng trên lưng của tôi.

- A-7713 !

Tôi tiến lên.

- Lấy một cái kết ra đây, hấn ra lệnh.

Hai người khiêng ra cho hấn một cái kết sắt.

- Nằm sấp lên đó.

Tôi tuân lệnh.

Chẳng bao lâu, tôi không còn nghe thấy gì nữa ngoài tiếng roi kêu vun vút:

- Một.... hai, hấn vừa đánh vừa đếm.

Chỉ mấy roi đầu tiên tôi còn thấy đau, tôi nghe tiếng hấn đếm:

- Mười... mười một...

Giọng hấn trở nên điềm đạm hơn và tai tôi ù đi:

- Hai mươi ba....

“Còn hai roi nữa...”, tôi nghĩ trong trí óc chập chờn nửa tỉnh nửa mê. Cả toán đặc công chờ đợi.

- Hai mươi bốn... hai mươi lăm...

Xong. Thế nhưng tôi không biết. Lúc đó tôi đã bất tỉnh nhân sự rồi, và chỉ tỉnh lại khi ai đó tát lên mình tôi một xô nước lạnh. Tôi vẫn nằm sấp trên cái kết sắt. Tôi chỉ còn nhìn thấy vũng nước ướt dưới đất chung quanh tôi. Rồi tiếng tên trưởng toán thét lên:

- Đứng dậy.

Tôi gắng gượng tìm cách đứng lên, nhưng rồi lại ngã sấp trên cái kết sắt. Tôi thật muốn đứng dậy làm sao!

- Đứng lên! Giọng Idek càng rít lên dữ tợn.

Nếu tôi có thể nói được! Nếu tôi có thể mở miệng được, thì tôi đã nói với hắn rằng tôi không thể cử động được. Nhưng khốn nỗi, tôi không thể mở miệng được nữa.

Idek ra lệnh cho hai người tù kéo tôi đến trước mặt hắn:

- Nhìn thẳng vào mặt ta!

Tôi nhìn thẳng vào mặt Idek nhưng tôi không thấy hắn, tôi chỉ nghĩ đến Cha tôi. Tôi bị đau vì trận đòn, nhưng chắc hẳn Cha còn đau lòng hơn cả tôi.

- Nghe đây, thằng khốn nạn kia, - Idek nói một cách lạnh lùng: đó là cái giá mày phải trả cho sự tò mò của mày. Mày sẽ phải trả giá gấp năm lần như thế nếu mày dám kể cho người khác nghe những gì mày nhìn thấy. Hiểu chứ?

Tôi gật đầu một lần, mười lần, bất tận... làm như cái đầu của tôi muốn nói “dạ, dạ...” không ngừng.

MỘT NGÀY CHỦ NHẬT, nửa toán đặc công, trong đó có Cha tôi phải đi lao động. Nửa toán còn lại, có cả tôi, thừa cơ ở lại trong trại nghỉ ngơi.

Khoảng mười giờ, tiếng còi hú lên inh ỏi. Báo động! Các tên trại trưởng tập trung chúng tôi lại hết vào bên trong trại, trong khi lính Đức thì trốn vào hầm trú ẩn. Họ thừa biết rằng trong lúc có báo động là lúc mà tù nhân dễ tẩu thoát nhất, vì lính canh đều bỏ đài canh gác, hàng rào kẽm gai cũng không gắn điện; cho nên họ ra lệnh bắn bỏ bất cứ ai còn xó rợ bên ngoài trại.

Trong khoảnh khắc, cả căn trại trông như một chiếc tàu bỏ trống. Chẳng còn ma nào ngoài hành lang cả. Gần nhà bếp, hai cái nồi to như hai cái vạc đựng súp nóng hổi đang bốc khói nghi ngút chẳng có ai canh giữ. Hai nồi súp bự! Ngay giữa lối đi, hai vạc súp không ai canh gác! Là cả một bữa tiệc linh đình sắp bị phí phạm! Một cảm dỗ cực kỳ! Cả trăm con mắt đổ dồn vào đó, rục lên, khao khát, thèm muốn. Chẳng khác gì hai con cừu non không có người chăn dắt, giữa một bầy chó sói. Hai con cừu nằm đó, sẵn sàng. Nhưng ai dám?

Sự sợ hãi đã mạnh mẽ hơn cả sự đói khát. Thành linh, chúng tôi thấy cánh cửa của trại số 37 nhẹ nhàng mở ra. Một tên tù xuất hiện, trườn như con rắn về phía hai nồi súp.

Cả trăm con mắt lại đổ dồn vào từng cử động của hắn. Cả trăm đôi mắt trườn theo hắn, trên cái sàn toàn đá và sỏi. Hàng trăm trái tim đang run rẩy, nhưng đầy thèm muốn. Hắn đã dám làm.

Hắn đã vớ tới cái vạc súp thứ nhất. Tim chúng tôi đập mạnh hơn: hắn đã thành công! Sự ghen tức làm chúng tôi muốn điên lên. Chúng tôi không hề nghĩ đến việc ngưỡng mộ hắn. Tội nghiệp thay, người hùng dám tự tử chỉ vì một phần súp. Trong tâm tư chúng tôi, hắn đã chết rồi.

Nằm bò dưới đất gần cái vạc súp, hắn cố vươn lên để vớ tới miệng nồi. Rồi không hiểu vì quá đuối sức, hay vì quá sợ hãi, hắn cứ bất động như thế, chắc chắn là đang vận dụng hết hơi sức còn lại. Cuối cùng, hắn trườn lên được tới thành của nồi súp. Trong vài giây ngắn ngủi, dường như hắn đang nhìn chính hắn trong nồi súp, nhìn cái bóng ma quái của hắn trong đó. Rồi, không hiểu sao hắn hét lên một tiếng hãi hùng, một tiếng kêu hấp hối mà tôi chưa từng nghe bao giờ, miệng há hốc, hắn thọc đầu vào nồi súp lỏng bồng nước vẫn còn đang bốc khói.

Chúng tôi giật nảy mình nghe tiếng nổ. Ngã nhoài xuống đất, mặt bê bết súp, tên tù đáng thương quần quai vài giây ngay dưới chân vạc súp, và không nhúc nhích nữa.

Có tiếng máy bay ù ù bên trên. Cùng lúc đó, căn trại bắt đầu rung chuyển.

- Xưởng Buna bị dội bom! Có tiếng ai la lên.

Tôi lo âu nghĩ đến Cha đang làm việc ở đó. Nhưng đồng thời tôi cũng thật sung sướng. Nhìn căn xưởng chìm trong ngọn lửa. Còn sự trả thù nào độc đáo hơn! Khi nghe những lời đồn về sự thất thủ của quân Đức ở chiến

trường, chúng tôi còn bán khoán bán tín bán nghi, không hiểu có thật không. Hôm nay thì đã rành rành.

Không một ai trong chúng tôi thấy sợ sệt, mặc dù biết rằng chỉ cần một quả bom dội vào đây thôi, thì hàng trăm người sẽ chết một lúc. Nhưng chúng tôi không sợ chết nữa, nhất là chết trong tình huống này. Mỗi tiếng bom đem lại sự vui sướng cho chúng tôi, cũng như cho chúng tôi niềm hy vọng, niềm tin tưởng vào cuộc sống, tin tưởng rằng quân đội đồng minh đang ở không xa chúng tôi.

Cuộc oanh tạc kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Phải chi nó kéo dài gấp mười lần như thế thì hay biết mấy. Tiếp theo đó, là im lặng hoàn toàn. Tiếng máy bay cuối cùng của quân đội Mỹ tan dần trong tiếng gió, chỉ còn lại chúng tôi, trong nghĩa địa của chúng tôi. Ở cuối chân trời, một làn khói đen trải dài...Tiếng còi lại rúc lên, báo hiệu chấm dứt báo động.

Mọi người lần lượt ra khỏi trại. Chúng tôi hít thở không khí pha lẫn mùi khói và lửa, trong ánh mắt bùng lên hy vọng. Trái bom được thả xuống ngay giữa trại tập trung, gần chỗ điểm danh, nhưng không nổ. Chúng tôi được lệnh dời nó ra khỏi trại.

Trưởng trại, đi cùng với các cận vệ và trưởng phòng, đi làm một vòng kiểm soát quanh trại. Trận oanh tạc làm ông ta lộ vẻ sợ sệt ra mặt.

Giữa trại, xác người tù bê bết súp đầy mặt vẫn nằm đó, nạn nhân duy nhất của cuộc oanh tạc. Hai nồi súp to tướng lại được khuân trở vào bếp.

Lính canh lại trở về trên các chòi canh, lăm lăm khẩu súng trên tay. “Giờ nghỉ” đã qua rồi!

Độ một tiếng đồng hồ sau thì toán đặc công trở về trại, bước đều như thường lệ. Tôi sung sướng khi nhìn thấy Cha tôi.

- Nhiều tòa nhà bị sụp đổ, - Cha nói, nhưng xưởng máy thì lại không bị gì....

Chiều đến, chúng tôi hăng hái đến thu lượm, dọn dẹp lại những khu đổ nát, trong lòng bùng lên những tia hy vọng.

MỘT TUẦN LỄ SAU, lúc trở về trại sau giờ làm việc, chúng tôi nhìn thấy cái giá treo cổ màu đen đã được dựng giữa sân, ngay gần khu điểm danh.

Họ cho biết súp chỉ được phát sau khi điểm danh, mà lần này sẽ lâu hơn thường lệ. Lệnh được ban ra một cách cứng rắn hơn ngày thường, và không khí cũng chấn động một cách kỳ lạ.

- Cởi nón! Lệnh được ban ra.

Mười ngàn chiếc nón được đồng loạt nhấc ra.

- Đội nón vào!

Mười ngàn chiếc nón lại được đồng loạt đội lên đầu, nhanh như chớp.

Cổng trại được mở ra. Một đám lính Đức ủa vào bao vây lấy chúng tôi, cứ mỗi ba bước lại có một tên lính Đức. Súng từ các trạm canh chĩa thẳng về phía sân điểm danh.

- Họ sợ lộn xộn, Juliek thì thầm.

Hai tên lính Đức tiến về phía xà lim và dắt tội phạm ra. Đó là một anh chàng trẻ, vừa cao vừa to lớn, đến từ Varsovie, đã ở trong trại tập trung từ ba năm nay.

Anh ta quay lưng vào chiếc bục treo cổ, mắt nhìn về phía quan tòa, tức là vị trưởng trại. gương mặt anh ta nhợt nhạt nhưng lại có vẻ điềm tĩnh hơn là hoảng hốt; đôi tay bị còng không hề run rẩy; và đôi mắt bình thản nhìn thẳng vào cả trăm tên lính Đức, cả chục ngàn người bao quanh.

Vị trại trưởng bắt đầu đọc bản án, dần từng tiếng một:

- Nhân danh Tổng tư lệnh Heinrich Himmler, chiếu theo điều xxxx, luật xxxx, tuyên bố xử chết tù nhân số A-xxx, về tội toan đào thoát trong lúc có báo động. Đây là một cảnh cáo và là một bài học cho tất cả các tù nhân.

Không một ai dám nhúc nhích.

Tôi nghe tiếng tim tôi đập thình thịch. Hàng ngàn người chết mỗi ngày trong các hỏa lò của trại Auschwitz hay Birkenau không còn làm tôi thất mắc nữa. Nhưng anh bạn này, anh bạn đang dựa vào chiếc cột tử thần kia, đã đảo lộn tâm tư tôi.

- Chắc sắp xong rồi chứ? Tôi đói... Juliek lại thì thầm.

Vị trưởng trại ra hiệu cho tên lính Đức lại gần tử tội. Hai người tù khác giúp hắn làm nhiệm vụ, để đỡ lấy hai chén súp.

Họ muốn bịt mắt tử tội, nhưng anh ta từ chối. Sau một hồi lâu chờ đợi, tên lính hành quyết quấn sợi dây thừng quanh cổ anh ta. Hắn ra lệnh cho hai người tù phụ tá rút chiếc ghế dưới chân tử tội ra, vừa lúc anh ta hô lớn với một giọng vang vang, trầm tĩnh:

- Tự do muốn nằm! Đả đảo Đức quốc xã! Đả đảo, đả đảo...
Hai tên tù làm tròn phận sự.

Lệnh truyền sắc như gương lại vang trong không khí:

- Cởi nón!

Mười ngàn tù nhân ngậm ngùi cất nón, chào vĩnh biệt.

- Đội nón vào!

Tiếp đó, cả trại, hết gian nọ đến gian kia, phải đi diễn hành ngang qua xác chết treo tòn ten trên giá, nhìn vào đôi mắt đã khép, miệng há hốc, lưỡi thè ra. Vị trưởng trại và lính gác buộc chúng tôi phải nhìn thẳng vào khuôn mặt ấy.

Sau cuộc diễn hành, họ ra lệnh cho chúng tôi ai về phòng nấy để ăn tối. Tôi vẫn còn nhớ là chén súp hôm ấy thật ngon đặc biệt...

TÔI ĐÃ CHỨNG KIẾN BAO CẢNH bị treo cổ như thế, mà chưa từng thấy một tử tội nào khóc. Đã từ lâu, những thân thể héo úa ấy đã quên hẳn những giọt nước mắt đắng cay.

Ngoại trừ một lần. Trong toán đặc công thứ 52, vị trưởng toán là người Hòa Lan, một người khổng lồ chắc cao đến hai thước là ít. Hằng 700 tù nhân làm việc dưới quyền ông đều mến ông như người Anh Cả. Chưa một ai bị ngọn roi nào từ tay ông, chưa một ai bị một lời mắng chửi từ miệng ông.

Ông có một người phụ tá trẻ, một đứa bé trai nhỏ, một Sói Con, như người trong trại thường gọi bọn chúng, tức là những đứa bé tù nhân được chọn để phụ tá cho những cai tù. Chú bé Sói Con này có khuôn mặt thanh tú và thật đẹp, một sự kiện hiếm thấy ở trong trại tập trung.

Thông thường, ở trại Buna, người ta ghét đám Sói Con này lắm, vì có quyền hành trong tay, chúng còn hung dữ hơn cả người lớn. Một lần, chính mắt tôi nhìn thấy một chú bé chỉ mười ba tuổi thôi, đánh cha ruột chỉ vì ông không làm giường tử tế. Chú bé rít lên khi thấy người Cha nghiêng rầu khóc thẳm: “Nếu ông không im đi thì tôi sẽ không mang bánh mì cho ông nữa, hiểu chứ?”. Thê nhưng, chú Sói Con của toán 52 thì khác hẳn. Ai cũng yêu mến cái khuôn mặt đẹp như thiên thần bị đọa xuống trần gian của chú bé.

Một hôm, nhà máy điện của trại Buna bị nổ. Sát thủ Đức quốc xã được gọi đến để điều tra và kết luận rằng có kẻ phá hoại. Theo dấu vết, họ lần mò

đến trại của toán 52, và tìm ra được một số lượng vũ khí đáng kể.

“Anh Cả”, trưởng toán người Hòa Lan, bị bắt tại trận và bị tra khảo suốt mấy tuần lễ liên tục, nhưng vô hiệu. Ông không tiết lộ bất cứ một tên tuổi nào Ông bị họ chuyển sang trại Auschwitz, và từ đó chúng tôi không nghe tin tức gì về ông nữa.

Chỉ tội nghiệp cho chú Sói Con thiên thần của Ông bị ở lại và bị nhốt trong xà lim. Chú bé cũng bị tra khảo nhưng cũng như ông, chú nhất định im lặng không chịu khai. Lính Đức đành xử chết chú bé, cùng với hai tù nhân khác mà họ tìm thấy có cất giữ vũ khí.

Ngày nọ, trở về trại sau giờ làm việc, tôi nhìn thấy ba chiếc giá treo cổ đã được dựng ngay khu điểm danh, xếp hàng. Lính Đức vây quanh chúng tôi, súng lăm le trên tay: lễ nghi thường lệ! Ba người tử tội xếp hàng bước ra, và trong đó, có chú Sói Con với đôi mắt thiên thần buồn vời vợi!

Lần này, lính Đức có vẻ bồn chồn, lo lắng hơn thường lệ. Treo cổ một đứa bé con trước hàng chục ngàn con mắt theo dõi không phải là một chuyện nhỏ. Vị trưởng trại đọc bản án theo thông lệ. Tất cả các con mắt đổ dồn về chú bé Sói Con. Mặt chú tai mét, nhưng điềm tĩnh căn môi. Bóng của chiếc cột đổ xuống thân hình chú.

Không một người lính hành quyết nào chịu đứng ra thi hành nhiệm vụ. Ba người lính Đức phải nhận trách nhiệm hành quyết.

Ba người tử tội cùng nhau bước lên ghế, cùng đưa cổ vào ba sợi dây thòng lọng.

- Tự do muốn năm! Đả đảo Đức Quốc xã, đả đảo..., hai người tử tội hô to.
Chú bé Sói Con vẫn mím môi, im lặng.

Sau lưng tôi có tiếng thì thầm:

- Thượng đế ở đâu? Ngài ở đâu?
Vị trưởng trại ra lệnh. Ba chiếc ghế lật nhào.

Toàn thể căn trại chìm vào im lặng. Mặt trời đã lặn ở cuối chân trời.

- Cởi nón!

Tiếng vị trưởng trại hô to, giọng khàn khàn run run, hòa với tiếng gió trong buổi hoàng hôn chạng vạng, hòa với tiếng khóc của mười ngàn tù nhân chúng tôi trong giờ phút chào vĩnh biệt.

- Đội nón lên!

Rồi cuộc diễn hành qua mặt ba nạn nhân bắt đầu. Hai người tử tội lớn đã chết, lưỡi thè ra, sừng tím. Nhưng chiếc dây thòng lọng thứ ba vẫn còn đóng đưa: chú Sói Con, quá nhẹ, vẫn còn hơi thở...

Cứ thế suốt nửa giờ đồng hồ, chú bé chống chọi giữa sự Sống và Chết, hấp hối trước mắt chúng tôi. Chúng tôi cũng bị bắt buộc nhìn thẳng vào mặt chú bé. Khi tôi đi ngang qua, chú bé vẫn còn sống, lưỡi vẫn đỏ, mắt còn chưa nhắm.

Sau lưng tôi, vẫn tiếng nói ban nãy:

- Thượng đế ở đâu? Ngài ở đâu?

Tôi cảm thấy trong tim tôi có tiếng trả lời:

- Thượng đế ở đây. Ngài ở ngay đây! Đang bị treo ở trên chiếc giáo đài này...

Đêm hôm ấy, chén súp của tôi chỉ toàn mùi xác chết.

Chương V

MÙA HÈ TRÔI QUA, ngày tết Do Thái của chúng tôi cũng kè cận. Vào ngày cuối năm, ngày cuối của cái năm đáng sợ ấy, cả trại đều rung động vì ai ai cũng thấy căng thẳng. Dù sao, đây cũng là một ngày khác hẳn với mọi ngày. Ngày cuối năm! Cái chữ “cuối” đem lại một âm vang thật lạ lùng. Có thật sự là ngày cuối không?

Phản súp được phát tới hôm ấy cũng bớt lỏng hơn thường lệ, nhưng không ai đụng tới. Chúng tôi muốn đợi đến sau giờ cầu nguyện rồi mới ăn. Ngoài sân, chỗ tập trung điểm danh được vây quanh bởi hàng rào dây kẽm gai có gắn điện, bao nhiêu ngàn người Do Thái lặng thinh tụ tập nơi đó, gương mặt đầy đau khổ.

Bóng đêm đổ xuống thật nhanh. Từ khắp các gian trại, những tù nhân khác tiếp tục lũ lượt kéo đến, chĩa máy chốc đã đầy sân.

Tôi chợt suy nghĩ một cách giận dữ: “Thượng Đế! Ngài là ai? so với đám người đau khổ đang đến đây để chứng tỏ lòng thành cũng như sự phần nộ và sự thách thức với Ngài? Sự vĩ đại của Ngài có nghĩa gì chứ, vị Bá chủ thiên hạ kia! trước tất cả những bất lực, những suy sụp và những bất hạnh? Tại sao còn hành hạ những linh hồn bệnh hoạn, những thể xác yếu đuối này chứ?”

Hàng chục ngàn người đều tới dự buổi lễ long trọng, kể cả vị trại trưởng, các trưởng phòng và các nhân viên hành quyết.

- Phúc thay cho Đảng Toàn năng!

Một người tù làm chủ lễ cất tiếng chỉ vừa đủ nghe. Thoạt đầu, tôi còn tưởng là tiếng gió.

- Vinh danh Thiên Chúa.

Hàng chục ngàn người cúi gập người xuống như những cây khô trong cơn bão, lập lại câu kinh.

- Vinh danh Thiên Chúa!

Tại sao? Nhưng tại sao tôi phải vinh danh Ngài chứ? Tất cả mọi số thịt trong người tôi đều nổi dậy, căm phẫn. Vinh danh để cảm ơn Ngài đã khiến cho hàng ngàn đứa trẻ bị thiêu cháy mỗi ngày trong những chiếc mò khổng lồ của Ngài?

Hay tại vì Ngài đã cho sáu chiếc hỏa lò chạy cả ngày lẫn đêm, kể cả chủ nhật và ngày lễ? Hay là vì trong quyền lực tối cao của Ngài, Ngài đã dựng nên nào là trại Auschwitz, Birkenau, Buna, và biết bao nhiêu lò sát sinh khác?

Tôi phải nói thế nào với Ngài? “Vinh danh Ngài, Thượng đế, Bá chủ Thiên hạ, đã chọn dân tộc chúng tôi để dày vò hành hạ suốt ngày đêm, để nhìn cha mẹ, anh em chúng tôi kết thúc trong những hỏa lò? Thật đáng ca ngợi Ngài, đã chọn chúng tôi để hủy diệt?”.

Tôi nghe giọng nói của người chủ lễ cất lên cao vút, đôi lúc đứt đoạn giữa những tiếng khóc, tiếng thôn thức, tiếng thở dài của đám cử tọa.

- Cả địa cầu, cả vũ trụ là của Thượng đế!

Ông ta cứ ngừng lại từng chập, như thể là ông không đủ sức mạnh để khám phá ra ý nghĩa sau mỗi câu nói. Lời nói cứ tắc nghẽn trong cổ họng ông ta.

Còn tôi, đứa bé mộ đạo ngày xưa đã từng theo thần giáo học, thì lại nghĩ: “Phải, con người độ lượng và vĩ đại hơn Thượng đế. Khi Ngài bị Adam và Eve làm thất vọng, Ngài đã xua đuổi họ ra khỏi Thiên đàng. Khi Ngài bất mãn thế hệ của Noah, Ngài gây ra trận Đại Hồng thủy. Khi Sodom mất sự sùng ái của Ngài, thì Ngài phun lửa từ trời xuống và thiêu ông ta vào địa ngục. Nhưng hãy nhìn chúng tôi, đám người mà Ngài đã phụ bạc, Ngài đã mặc kệ cho họ bị hành hạ, bị tàn sát, bị đẩy vào lò hơi ngạt, bị thiêu trong hỏa lò; Ngài nhìn đi! Họ đang làm gì? Họ đang cầu nguyện trước mặt Ngài. Họ đang vinh danh Ngài!”

- Mọi sáng tạo đều chứng tỏ sự vĩ đại của Thượng đế !

Ngày xưa, ngày Tết đối với tôi quan trọng đến mức nào. Tôi biết rằng những tội lỗi của tôi làm buồn lòng Thượng đế, tôi cầu xin Ngài thứ lỗi. Đạo ấy, tôi tuyệt đối tin rằng mỗi hành động tốt, mỗi lời nguyện cầu của tôi đều có thể cứu vớt nhân loại.

Nhưng bây giờ, tôi không còn van xin gì nữa cả. Tôi không còn khả năng để than vãn. Trái lại, tôi thấy tôi thật mạnh mẽ. Chính tôi mới là nguyên cáo, và bị cáo là Thượng đế! Đôi mắt tôi đã mở to, và tôi thật lẻ loi, cô đơn kinh khủng trong một thế giới không có Thượng đế, không có cả người. Không có tình yêu hay lòng thương hại. Tôi không là gì cả, chỉ là tro bụi, nhưng tôi lại cảm thấy tôi mạnh hơn cả đấng Toàn năng đã gắn bó với đời tôi từ bấy lâu nay. Giữa đám đông những người tụ tập để cầu nguyện, tôi thấy tôi như là một quan sát viên thật xa lạ.

Buổi lễ chấm dứt bằng Kinh Mừng. Mỗi người đọc kinh mừng cho cha mẹ, cho con cái và cho chính mình.

Chúng tôi cứ đứng ở sân diêm danh mãi một hồi lâu. Không ai nở rời cái giây phút hư ảo ấy. Nhưng rồi cũng đến giờ đi ngủ. Đám tù nhân chậm rãi trở về trại. Tôi nghe dường như họ chúc nhau: Chúc Mừng Năm Mới!

TÔI CHẠY MAU ĐI KIẾM CHA TÔI, cũng là lúc mà tôi sợ phải chúc Cha một năm mới hạnh phúc, may mắn; một điều mà tôi đã không còn tin nữa.

Cha đứng gần trại, dựa vào tường, lưng gập lại, đôi vai lệch hẳn về một bên như là đang vác món gì nặng lắm. Tôi lại gần, yên lặng cầm tay Cha và hôn lên đó. Tôi thấy một giọt lệ rơi xuống tay tôi. Nước mắt của Cha? hay của tôi? Tôi không nói gì. Cha cũng thế. Trước đó, chưa bao giờ chúng tôi từng hiểu rõ nhau đến thế.

Hồi chuông kéo chúng tôi về thực tại. Chúng tôi phải lên giường. Chúng tôi vừa từ một cõi thật xa xôi trở về. Tôi ngược lên nhìn vào khuôn mặt Cha, cố gắng tìm một nụ cười hay một xúc cảm gì tương tự trên khuôn mặt khô khan và già nua của Cha. Nhưng không thấy gì cả. Không có bóng dáng một biểu lộ nào cả. Chịu thua!

YOM KIPPUR. NGÀY LỄ XIN TỘI. Ngày phải nhịn đói để chuộc tội. Chúng tôi có cần phải nhịn đói không? Câu hỏi này đã được bàn tán một cách sôi nổi trong trại. Nhịn đói cũng có nghĩa là chết chắc, chết sớm hơn! Ở đây, cả năm đã nhịn đói rồi, quanh năm, ngày nào cũng là ngày Yom Kippur. Nhưng có người lại nói là phải nhịn, cần phải chứng tỏ với Thượng đế là ngay trong cái địa ngục kín bung này, chúng ta vẫn có thể vinh danh Người.

Tôi? Tôi không nhịn đói. Trước hết, Cha tôi không đồng ý cho tôi làm như vậy. Hơn nữa, tôi thấy chẳng có lý do gì để nhịn đói. Tôi đã không chấp nhận sự im lặng của Thượng đế nữa. Nghĩ thế, tôi nuốt vôi vàng chén súp, tôi coi hành động đó là một sự thách thức, một sự phản kháng lại Đấng tối cao.

Rồi tôi gặm nốt mẩu bánh mì. Trong thâm tâm, tôi thấy một khoảng trống vắng lạ thường.

LÍNH ĐỨC QUỐC XÃ CHO CHÚNG TÔI “món quà đầu năm” thật đặc biệt.

Đó là: hôm ấy, vừa từ công trường về; bước vào cổng trại, chúng tôi đã cảm thấy có một không khí đặc biệt, khác thường. Họ điêm danh nhanh hơn thường lệ. Súp cũng được phát sớm hơn, nhanh hơn. Chúng tôi lệ làng húp sạch, trong sự bồn khoăn lo lắng.

Tôi không còn ở chung phòng với Cha tôi nữa. Họ chuyển tôi sang một toán đặc công khác, toán xây cất, ở đó, mỗi ngày 12 tiếng, tôi phải khuôn những tảng đá thật nặng.

Người trưởng phòng mới của tôi là một người Do Thái nhỏ con, đôi mắt sắc sảo. Tối hôm ấy, ông ta thông báo cho chúng tôi rằng không ai được rời phòng sau khi ăn tối. Rồi một chữ khủng khiếp được loan truyền nhanh chóng: Selection! Tuyển lựa!

Ở trại tập trung, chúng tôi đều hiểu rõ chữ ấy có nghĩa gì: một lính Đức sẽ khám xét chúng tôi. Khi hắn tìm được một người nào ẻo lả yếu đuối, một “người Hồi giáo”, chúng tôi gọi thế, thì lập tức hắn sẽ ghi số ký danh của người ấy: vô thắng Hỏa Lò!

Sau bữa ăn tối, chúng tôi tụ lại trên giường. Những người tù kỳ cựu bảo chúng tôi:

- Quí vị may mắn lắm mới đến đây muộn thế. Ngày nay, nơi đây đã là thiên đàng so với hai năm về trước. Đạo ấy, Buna đúng là địa ngục. Không có nước, không có mền, súp và bánh mì cũng ít hơn. Buổi tối, chúng tôi ngủ gằn như không có quần áo dưới trời lạnh -30 độ. Mỗi ngày chúng tôi phải đi thu dọn cả trăm xác chết. Công việc lại nặng nhọc. Bây giờ, đây là một thiên đường nhỏ. Lính Đức được lệnh mỗi ngày giết một số tù nhân, mỗi tuần lại tuyển lựa. Một cuộc tuyển lựa tàn nhẫn. Phải, quí vị may mắn....
- Đủ rồi! Im đi! - Tôi van xin hắn, anh hãy chờ ngày mai rồi kể tiếp chuyện của anh, hay một ngày nào khác...

Cả bọn cười phá lên. Đâu phải khi không mà họ được mang danh “kỳ cựu” chứ?

- Chú nhỏ, chú mày sợ hãi? Chúng tôi cũng vậy, chúng tôi cũng đã từng sợ sệt, lúc đó, chúng tôi có lý do sợ sệt.

Những người già im lặng đứng thu mình trong góc, bất động. Có người đang cầu nguyện.

Một tiếng đồng hồ nữa. Chỉ một tiếng nữa thôi chúng tôi sẽ biết rõ bản án: chết hay được ân xá.

Còn Cha tôi? Bây giờ tôi mới nghĩ đến Cha? Làm sao Cha thoát được cuộc tuyển lựa này? Cha đã già đi nhiều...

Ông trưởng phòng người Do Thái của chúng tôi là một người tù kỳ cựu. Ông ta chưa hề được bước chân ra khỏi trại tập trung, từ năm 1933 đến nay. Ông ta đã trải qua tất cả các lò sát sinh, các xưởng chém. Khoảng 9 giờ tối, ông ta tiến vào giữa phòng:

- Nghiêm!

Im lặng một lúc, ông nói tiếp:

- Nghe kỹ những gì tôi sắp nói. - Lần đầu tiên, tôi nghe giọng ông run run: trong chốc lát, sẽ có Tuyển Lựa. Tất cả đều phải cởi bỏ hết quần áo, rồi từng người sẽ phải lần lượt đi qua mặt các bác sỹ Đức Quốc xã. Tôi hy vọng tất cả quý vị đều qua khỏi. Nhưng chính quý vị phải tự cố gắng cho chính mình một tia hy vọng. Trước khi qua phòng kế bên, hãy cố làm vài động tác cho hồng hào lên một chút. Đừng có đi chậm chạp. Chạy! Chạy như ma đuổi! Đừng có nhìn lính Đức. Chạy thẳng!

Ngừng một lúc, ông nói:

- Và quan trọng hơn cả, đừng sợ !

Đó là lời khuyên mà chúng tôi muốn thực hiện.

Tôi cởi quần áo để lên giường. Đêm nay thì chẳng sợ ai ăn cắp cả.

Hai anh em Tibi và Yossi cũng bị đối toán cùng lượt với tôi, chạy lại gần bảo tôi:

- Chúng ta đứng chung với nhau. Như thế sẽ cảm thấy can đảm hơn.

Yossi lẩm nhẩm cái gì trong miệng. Chắc là nó đang cầu nguyện. Chưa bao giờ tôi biết là Yossi lại ngoan đạo, tôi thường nghĩ trái lại. Tibi thì im lặng, mặt tái đi. Tất cả tù nhân trong phòng đều trần truồng đứng giữa những dãy giường. Đó là cách đứng của một tội nhân khi nhận phán quyết cuối cùng.

- Họ tới rồi!....

Ba người sỹ quan bao quanh ông bác sỹ lừng danh lịch sử: Dr. Mengele, ông “Thần Chết”, người đã khám chúng tôi ở trại Birkenau. Ông trưởng phòng, cố mỉm cười hỏi chúng tôi:

- Sẵn sàng?

Vâng, chúng tôi sẵn sàng. Các bác sỹ cũng thế. Bác sỹ Mengele tay cầm bản danh sách: số ký danh của chúng tôi! Ông ta ra hiệu cho trưởng phòng:

- Bắt đầu được rồi!

Cứ làm như là bắt đầu một cuộc chơi vậy.

Những người đầu tiên phải bước qua là những “nhân vật quan trọng” của phòng chúng tôi: trưởng phòng, trưởng toán đặc công, quản đốc, tất cả đều ở trong điều kiện tối hảo, dĩ nhiên!

Kế đến là những tù nhân tầm thường như chúng tôi: bác sỹ Mengele nhìn chúng tôi từ đầu đến chân. Thỉnh thoảng, ông ta lại ghi một số ký danh xuống giấy. Trong đầu tôi chỉ có mỗi một ý nghĩ: làm sao để ông không ghi số của tôi, làm sao để không phải đưa cánh tay trái của tôi ra.

Trước mặt tôi là hai anh em Tibi và Yossi. Họ thoát. Tôi còn đủ bình tĩnh, sáng suốt để nhìn thấy Dr. Mengele không có ghi số của họ xuống. Có người đẩy tôi một cái. Đèn phiên tôi. Tôi chạy một mạch không nhìn lại phía sau. Chạy như ma đuổi! Đầu óc tôi quay cuồng với ý nghĩ: mày gầy quá, mày yếu ớt quá, mày gầy quá, vào Hỏa Lò là vừa...

Cuộc chạy đua như thế là bất tận. Tôi tưởng là tôi đã chạy từ mấy năm trời... mày gầy quá, mày yếu ớt quá... Cuối cùng, tôi tới đích, với tất cả hơi sức còn lại. Tôi thở phào, hỏi Tibi và Yossi:

- Ông có ghi số của tôi không?

- Không! Yossi trả lời. Nó cười cười, nói thêm: dù ông có muốn ghi cũng ghi không được, anh chạy nhanh quá....

Tôi rũ ra cười. Thật sung sướng. Tôi chỉ muốn ôm lấy anh ta mà hôn. Giây phút này, những người khác không quan trọng nữa. Họ không ghi số của tôi!

Những người bị ghi số được đứng sang một bên, bị cả thế giới ruồng bỏ. Đâu đây, có tiếng khóc thầm lặng lẽ.

LÍNH ĐÚC BỎ ĐI RỒI, ông trưởng phòng Do Thái xuất hiện, gương mặt mệt mỏi:

- Mọi việc đều diễn biến tốt đẹp. Yên tâm đi, không có chuyện gì xảy ra cho ai cả, không ai bị gì cả....

Ông cố mỉm cười. Một người Do Thái vừa gầy gò, vừa khô đét run run hỏi ông:

- Nhưng... thưa ông. Họ có ghi sổ của tôi...

Nghe tới đó thì ông trưởng phòng nổi nóng. Cái gì? Có người không tin lời ông à?

- Cái gì nữa đây? Tôi nói dối các người hay sao? Tôi nhắc lại lần nữa với tất cả: sẽ không có gì xảy ra với bất kỳ ai. Không một ai. Các người đại quá, cứ đắm mình vào những thất vọng...

Tiếng chuông kêu vang lên, báo hiệu là toàn trại đã qua cuộc tuyển lựa.

Tôi lấy hết sức lực phóng về phía gian trại số 36. Giữa đường, tôi gặp Cha tôi, cũng đang chạy về phía tôi:

- Sao? Con có thoát không?

- Có ! Cha thì sao?

- Cũng thế!

Chúng tôi cùng thở phào. Cha cho tôi món quà đầu năm: một nửa mẩu bánh mì, Cha đổi được từ một miếng cao su Cha nhặt được ở xưởng máy, có thể dùng để vá đế giày.

Chuông lại reo. Đã đến lúc chia tay, trở về giường. Ở đây, mọi việc được điều động bằng tiếng chuông. Nó ra lệnh cho tôi, và tôi thì hành như cái máy. Tôi ghét lắm sao! Nếu được mơ một thế giới đẹp đẽ hơn, thì tôi tưởng tượng ra một thế gian không còn tiếng chuông nữa!

Vài ngày trôi qua. Chúng tôi không còn nghĩ đến cuộc tuyển lựa vừa qua. Mọi người trở lại công việc bình thường, lại khiêng những tảng đá nặng chình chịch, chất lên toa xe lửa. Thay đổi duy nhất là những phần ăn đã ít nay lại càng mỏng manh hơn.

Hôm ấy, như mọi ngày, chúng tôi choàng dậy lúc trời chưa sáng rõ, nhận phần cà phê đen và mẩu bánh mì rồi ra công trường như thường lệ; thì ông trưởng phòng chạy tới:

- Một phút yên lặng. Tôi có danh sách những số ký danh đây. Tôi sẽ đọc, vị nào có số được đọc thì sẽ ở lại trại, không đi làm hôm nay.

Bằng giọng nhẹ nhàng, ông đọc khoảng chừng chục số ký danh. Chúng tôi hiểu ngay, đó là những số được ghi lại từ hôm Tuyển Lựa. Bác sỹ Mengele không có quên!

Đọc xong, ông trưởng phòng quay về phòng ông.

Hàng chục tù nhân vây quanh, níu áo ông:

- Cứu chúng tôi! Ông đã hứa mà... Chúng tôi muốn ra công trường, chúng tôi còn đủ sức làm việc. Chúng tôi là những nhân công tốt... chúng tôi có thể... chúng tôi muốn...

Ông cố gắng xoa dịu, trấn an sự sợ hãi của đám tù, giải thích với họ rằng ở lại trại không có nghĩa là sẽ có chuyện gì ghê gớm cả:

- Như tôi đây, ngày nào tôi chả ở lại trại?

Cái câu an ủi ấy coi bộ không có hiệu lực. Chính ông ta cũng thấy thế, nên không nói thêm câu nào, trốn biệt vào phòng.

Chuông vừa reo:

- Xếp hàng.

Bây giờ, chẳng cần biết là công việc nặng nhọc hay không. Quan trọng là phải rời xa nơi này, xa cái lò sát sinh, xa cái địa ngục trần gian này.

Tôi thoáng nhìn thấy Cha chạy về phía tôi. Bỗng nhiên, tôi hoảng sợ:

- Chuyện gì vậy Cha?

Cha thở dốc, không mở miệng được:

- Cha cũng thế... cha cũng thế... họ bảo Cha ở lại trại.

Thì ra họ đã ghi số ký danh của Cha mà Cha không biết. Tôi kinh hãi:

- Vậy chúng ta phải làm sao?

Nhưng chính Cha lại trấn an tôi:

- Chưa có gì chắc chắn đâu con. Hãy còn hy vọng thoát. Họ sẽ làm thêm một cuộc tuyển lựa nữa, cuộc tuyển lựa quyết định...

Tôi không nói thêm.

Cha có cảm tưởng không còn đủ thì giờ. Cha nói vội vàng, biết bao điều Cha muốn nói với tôi mà lời nói chợt rối loạn lên, tắc nghẽn trong cổ họng. Cha biết rằng Cha sẽ phải chia tay với tôi trong giây lát. Cha sẽ phải ở lại một mình, một mình....

- Cầm lấy, - Cha nói: cầm lấy con dao này, Cha không cần đến nó nữa. Nó có thể giúp ích cho con. Cầm cả cái muỗng này nữa. Con đừng bán đi nhé. Nhanh lên, những gì Cha cho con, cầm nhanh lên...

Gia tài! Tôi nghẹn ngào:

- Đừng nói như thế, Cha! - Suýt nữa thì tôi bật khóc: con không muốn Cha nói những lời như vậy. Cha giữ lại con dao với cái muỗng đi, Cha cũng

cần nó như con cần vậy. Chúng ta lại gặp nhau tối nay, sau giờ làm việc.
Đôi mắt mệt mỏi, tràn đầy tuyệt vọng của Cha nhìn tôi:

- Cha ra lệnh cho con... cầm lấy, làm theo lời Cha đi con giai. Chúng ta không còn thì giờ. Làm theo những gì Cha nói.

Trưởng toán ra lệnh khởi hành.

Cả toán đặc công tiến về công trại. Trái, phải! Trái, phải! Tôi cắn chặt môi, ngoái lại nhìn Cha đứng gần gian trại, dựa lưng vào tường. Rồi Cha chạy nhào về phía chúng tôi, cố đuổi theo chúng tôi. Có thể là Cha quên dặn dò tôi điều gì... Nhưng đoàn người chúng tôi đi nhanh quá. Trái, phải, trái phải.... đầu tôi cứ ngoái lại nhìn cho đến lúc không còn thấy Cha nữa.

Ra đến công trại, họ đếm đầu người chúng tôi trong tiếng nhạc quân hành inh ỏi. Rồi chúng tôi rời trại.

CẢ NGÀY HÔM ẤY, tôi cứ lê bước như người bị mộng du. Thịnh thoảng, Tibi và Yossi lại thân thiện gọi tôi để an ủi, vỗ về. Anh trưởng toán thương hại cũng cho tôi làm việc nhẹ nhàng hơn mọi hôm, làm tim tôi đau nhói. Họ đối xử với tôi tử tế làm sao! Như đối xử với một đứa trẻ mồ côi cha. Cha đang ở đâu? Đến giờ phút này mà Cha vẫn đang giúp tôi, đang phù hộ cho tôi?

Tôi cũng không biết là tôi có nên mong cho ngày hôm ấy qua nhanh hay không. Tôi sợ đêm nay về trại, tôi chỉ còn lại một mình, cô đơn. Ước gì được chết ngay tại đây thì hay biết mấy!

Cuối cùng, cũng đến giờ về trại. Tôi mong sao họ ra lệnh cho chúng tôi chạy. Tiếng nhạc quân hành. Chiếc cổng. Căn trại. Tôi chạy nhào về gian trại số 36.

Có phải là hãy còn phép màu nhiệm trên thế gian này? Cha còn sống! Cha đã thoát kỳ tuyển lựa sáng nay. Cha đã chứng minh rằng Cha hãy còn hữu dụng...

Tôi trả lại cho Cha con dao và cái muỗng.

ANH BẠN AKIBA DRUMER ĐÃ vĩnh viễn xa rời chúng tôi: nạn nhân của cuộc Tuyển Lựa. Trong những giây phút cuối, anh ta còn dạo chơi thơ thẩn với chúng tôi, đôi mắt thần thờ, kể với mọi người là anh yếu đuối đến thế nào:

- Tôi không qua khỏi đâu, hết thật rồi....

Không làm sao cho anh ta lên tinh thần được. Anh ta không nghe chúng tôi nữa mà cứ lải nhải lập đi lập lại rằng hết rồi, rằng anh ta không còn sức lực và lòng tin để chịu đựng hơn được. Đôi mắt anh ta bỗng nhiên thất thần, chỉ còn là hai cái hố đau thương, hai cái giếng sâu đầy kinh hãi. Còn đâu tiếng hát trầm ấm vang vang trong ba rắc ngày nào để nâng đỡ tinh thần mọi người.

Anh ta không phải là người duy nhất mất lòng tin trong cuộc tuyển lựa. Tôi có quen một giáo sĩ đến từ một thị trấn nhỏ ở Ba Lan, một ông già lưng còng, đôi môi lúc nào cũng run rẩy, lúc nào cũng khấn khứa, trong trại, nơi công trường, khi xếp hàng. Ông đọc thuộc lòng cả trang kinh Thánh, rồi tự lý luận, tự hỏi, tự trả lời những câu hỏi bất tận. Một hôm, ông bảo tôi:

- Hết rồi. Thượng đế không còn ở với chúng ta nữa.

Rồi làm như ông ta hồi hận đã thốt lên những lời nói lạnh lùng, khô khan ấy, ông nói thêm, giọng nói đứt quãng:

- Tôi biết, không ai có quyền nói như thế. Tôi biết rõ chứ. Con người quá bé nhỏ, quá yếu đuối để hiểu những con đường đi huyền diệu của Thượng đế. Nhưng một người như tôi có thể làm được gì chứ? Tôi không phải là thánh nhân. Tôi chỉ là một sinh vật với da bọc xương. Tôi chịu đựng cái địa ngục này trong tâm hồn và trong thể xác. Tôi cũng có mắt, tôi nhìn thấy mọi việc xảy ra tại đây. Lòng khoan dung của Thượng đế ở đâu chứ? Thượng đế nữa, Ngài ở đâu? Làm sao tôi tin được, làm sao mọi người tin được vào Thượng đế nhân ái trên thế gian này?

Tội nghiệp anh bạn Akiba Drumer, chỉ cần nếu anh ta còn tiếp tục tin nơi Thượng đế, chỉ cần anh ta tin rằng sự đau khổ này chỉ là một thử thách của đấng Tối cao, thì anh ta đã vượt qua được cuộc tuyển lựa. Tiếc thay! Ngay từ lúc lòng tin của anh bắt đầu bị rạn nứt, anh mất hẳn ý chí phấn đấu và hoàn toàn tuyệt vọng. Cho nên vào lúc có Tuyển lựa, anh tự đưa đầu vào đao. Anh ta chỉ xin chúng tôi mỗi một điều:

- Ba hôm nữa thôi, tôi sẽ không còn nữa... hãy đọc kinh Tử cho tôi.

Chúng tôi hứa: ba hôm nữa, tất cả chúng tôi sẽ nhớ, sẽ nghĩ đến anh khi nhìn ngọn khói vươn lên từ hỏa lò. Chúng tôi tụ tập chừng mười người tù lại và làm một buổi lễ đặc biệt, tất cả cùng nhau đọc kinh Tử.

Sau đó, anh chào chúng tôi và đi thẳng về hướng bệnh xá, bước đi quả quyết, không quay đầu nhìn lại. Một chiếc xe cứu thương chờ sẵn để đưa anh về trại Birkenau.

Tiếp đến là những ngày kinh hoàng. Chúng tôi nhận được nhiều hành hạ hơn là thực phẩm. Công việc cứ đổ ập lên đầu không ngớt. Và ba hôm sau ngày Akiba Drumer rời trại, chúng tôi quên hẳn việc đọc kinh Tz cho anh.

MÙA ĐÔNG ĐẾN. Ngày ngắn hơn và ban đêm thì không thể nào chịu đựng được. Hùng sáng, ngọn gió băng lạnh cứ quất vào chúng tôi như những ngọn roi. Họ cho chúng tôi quần áo mùa đông: sơ mi sọc dày hơn một chút. Các người tù kỳ cựu được dịp cười khẩy vào mặt chúng tôi:

- Bây giờ các người thật sự nếm mùi trại tập trung nhé !

Chúng tôi vẫn phải đi làm như thường lệ, cơ thể giá lạnh. Những tảng đá lạnh đên nổi chàm tay vào, chúng tôi có cảm tưởng như tay mình dính chặt vào đó. Nhưng rồi cũng quen thôi.

Đêm Giáng sinh và Tết dương lịch, chúng tôi được nghỉ việc. Chúng tôi cũng được phát cho phần súp bột lỏng hơn một tí.

VÀO GIỮA THÁNG GIÊNG, chân bên phải của tôi tự nhiên sưng phồng lên vì lạnh, không thể nào chạm đất. Tôi phải vào bệnh xá khám. Ông bác sỹ, một người Do Thái to cao, cũng là một tù nhân như chúng tôi, đã khẳng định:

- Phải mổ thôi! Nếu đợi thêm, các ngón chân, và có thể là cả cái chân sẽ bị cưa.

Tôi chỉ cần có thể. Tôi không còn lựa chọn nào khác. Bác sỹ đã quyết định mổ và không có gì để bàn cãi hết. Tôi lại còn thấy vui mừng khi thấy chính ông là người đã quyết định như thế.

Tôi được đặt lên giường có trải khăn trắng. Từ lâu, tôi đã quên mất là người ta ngủ trên giường có khăn trắng như thế.

Thật ra, nằm trong bệnh xá không có gì là tệ: chúng tôi được bánh mì tươi hơn, súp cũng đặc hơn. Không còn tiếng chuông, không có điểm danh, không phải khiêng đá! Thỉnh thoảng tôi lại còn lên gửi được một mẫu bánh mì tươi cho Cha tôi.

Nằm gần tôi là một người Do Thái đến từ Hungary bị bệnh kiệt lý, chỉ còn da bọc xương, đôi mắt mất thần. Tôi chỉ nghe tiếng nói của ông ta, dấu

hiệu duy nhất chứng tỏ ông ta còn sống. Không hiểu ông ta lấy hơi sức ở đâu để mà nói?

- Khoan mừng vội, cậu nhỏ. Ở đây cũng có tuyến lựa, mà lại còn thường xuyên hơn bên ngoài là đằng khác. Người Đức không cần người bệnh Do Thái. Người Đức không cần đến tôi. Kỳ tới, khi có thuyền chuyển, thì cậu sẽ có một “người bệnh lảng giềng” khác nằm cạnh cậu. Cho nên, hãy nghe tôi: rời khỏi nơi đây trước kỳ Tuyến lựa kế tiếp.

Những lời nói như từ đất chui lên, từ một người không còn hình hài gì cả, làm tôi khiếp đảm. Đúng vậy, bệnh xá quá nhỏ hẹp, và nếu có người bệnh mới, phải nhường chỗ cho họ thôi.

Hay có thể là cái ông bệnh nhân “không chân dung” cạnh tôi sợ rằng ông là người đầu tiên sẽ bị đuổi ra, nên muốn tống khứ tôi đi để có giường trống, để ông có hy vọng ở lại thêm? Có thể ông ta chỉ muốn hù tôi thôi. Thế nhưng, nhờ ông nói thật thì sao? Tôi quyết định chờ tình hình coi xem sao.

BÁC SỸ VÀO PHÒNG, báo cho tôi biết là chân tôi sẽ được mổ ngày hôm sau. Ông nói thêm:

- Đừng sợ, mọi việc sẽ tốt đẹp.

Hôm sau, vào khoảng 10 giờ sáng, tôi được đưa vào phòng mổ. “Bác sỹ của tôi” đã có mặt ở đó. Tôi yên tâm hẳn lên. Tôi có cảm tưởng rằng với sự hiện diện của ông thì sẽ không có gì tệ hại xảy đến cho tôi. Mỗi lời nói của ông là một niềm an ủi, và mỗi ánh mắt của ông mang lại một tia hy vọng cho tôi:

- Sẽ đau một tí thôi, - Ông nói, nhưng sẽ qua mau lắm. Nghiến răng lại nhé...

Cuộc giải phẫu kéo dài chừng 1 tiếng đồng hồ. Tôi không được đánh thuốc mê ngủ. Mắt tôi không rời “bác sỹ của tôi”, và tôi chìm vào giấc ngủ lúc nào không biết.

Khi tôi choàng mắt dậy, tôi chỉ thấy một khoảng trắng lớn, là tấm khăn trải giường của tôi, và khuôn mặt của ông bác sỹ:

- Mọi việc đều tốt. Cậu thật can đảm, con trai. Bây giờ, cậu phải ở lại đây thêm 2 tuần nữa để nghỉ ngơi, sau đó sẽ hết chuyện. Ráng ăn, giữ cơ thể và trí óc thanh thoi...

Tôi chỉ biết theo dõi đôi môi mấp máy của ông. Tôi hiểu rõ ràng những lời ông nói với tôi, những lời nói dỗ dành ấy đã khiến tôi được xoa dịu biết

bao.

Bỗng nhiên, trán tôi toát mồ hôi lạnh: tôi không cảm nhận được cái chân của tôi nữa! Họ có cưa chân của tôi không?

- Bác sỹ! Bác sỹ! Tôi lắp bắp gọi.

- Chuyện gì, con trai?

Tôi không có can đảm hỏi ông.

- Bác sỹ, con khát...

Ông đem nước cho tôi, mỉm cười và sẵn sàng bước ra ngoài để coi các bệnh nhân khác.

- Bác sỹ!

- Chuyện gì ?

- Con có còn sử dụng cái chân của con được nữa không?

Ông không cười nữa. Tôi thật sợ hãi. Rồi ông hỏi:

- Nghe đây, con trai. Con có tin ta không?

- Thưa có, bác sỹ, con tin ông nhiều lắm.

- Vậy thì nghe rõ đây: trong hai tuần nữa con sẽ lành hẳn và sẽ đi lại được như tất cả mọi người. Lòng bàn chân của con làm mủ, và ta chỉ mổ cái túi đó ra, chân con không có bị cưa. Rồi con coi, chỉ hai tuần thôi, con lại có thể đi dạo quanh như tất cả mọi người khác.

Tôi chỉ cần chờ hai tuần thôi.

NHUNNG, CHỈ HAI HÔM SAU NGÀY tôi bị mổ thì có tin đồn lan truyền khắp trại là chiến tuyến càng ngày càng tiến lại gần. Họ nói rằng Hồng quân Liên xô đang tràn vào Buna, chỉ còn là chuyện từng giờ.

Chúng tôi đã quá quen thuộc với những tin đồn như thế rồi. Đây không phải là lần đầu tiên mà chúng tôi nghe những lời tiên tri láo khoét ấy: nào là Hòa bình Thế giới, nào là Hồng Thập Tự đàm phán giải phóng chúng tôi, hay những chuyện phịa khác... Và thường thường, chúng tôi tin lắm. Nó như là mũi moọc phin chích vào làm xoa dịu nỗi đau.

Chỉ riêng lần này, những lời tiên đoán coi bộ có căn cứ hơn. Những đêm trước, chúng tôi đã nghe tiếng đại bác từ xa.

Người bệnh giường bên, ông “không chân dung” cất tiếng:

- Đừng tự gây ảo tưởng nữa. Hitler đã nói rõ ràng là ông ta sẽ tiêu diệt hết người Do Thái trước khi đồng hồ gõ tiếng thứ mười hai.

Tôi nổi nóng:

- Tại sao phải bận tâm lời nói của ông ta chứ? Bộ chúng ta phải coi Hitler như là một nhà tiên tri hay sao?

Ông ta nhìn tôi, đôi mắt lạnh lùng. Cuối cùng, ông nói bằng giọng mệt mỏi:

- Tôi tin lời nói của Hitler hơn bất cứ ai khác. Ông ta là người duy nhất dám nói dám làm, ông ta sẽ làm tất cả những gì ông đã nói, với người Do Thái.

VÀO LÚC BỐN GIỜ CHIỀU HÔM ẤY, như thường lệ, chuông kêu vang lên gọi tất cả các trưởng phòng lên họp.

Khi họ trở về, tan nát! Họ không mở miệng được nữa, mà chỉ thốt lên được mỗi chữ: “rút lui”, cả trại sẽ rút hết và chúng tôi sẽ được gửi vào hậu phương, ở đâu? Đường như đâu đó ở sâu trong địa phận Đức quốc. Đến một trại khác; họ đâu có thiếu trại tập trung !

- Bao giờ?

- Đêm mai.

- Có thể Hồng quân Liên Xô sẽ đến trước khi đó...

- Có thể.

Nhưng chúng tôi thừa biết là không thể nào!

CẢ TRẠI RẦM RỘ LÊN NHƯ CÁI TỔ ONG. Người ta chạy, gọi nhau ới ới. Trong tất cả các gian phòng, tù nhân sửa soạn cho những ngày sắp tới. Tôi quên cả cái chân đang bệnh của tôi. Một bác sỹ bước vào tuyên bố:

- Ngày mai, ngay khi trời tối, cả trại sẽ lên đường. Từng căn, từng căn sẽ rời trại. Người bệnh có thể ở lại bệnh xá. Người bệnh không cần phải rút lui.

Cái tin đó làm chúng tôi nao núng. Có thật là quân Đức sẽ để lại cả vài trăm tù nhân trong bệnh xá để chờ đoàn quân giải phóng? Có thật họ để người Do Thái được nghe đồng hồ điểm tiếng thứ mười hai? Dĩ nhiên là không rồi.

Ông bệnh nhân “không chân dung” bảo:

- Tất cả người bệnh sẽ bị kết liễu tại đây. Vào đợt tấn công cuối cùng, tất cả sẽ bị ném vào hỏa lò.

- Đương nhiên, cả trại sẽ bị giạt mình. - Người khác nói: ngay sau khi rút lui, tất cả sẽ nổ tung.

Tôi, tôi không nghĩ đến cái chết mà chỉ nghĩ đến việc làm sao không phải chia cách với Cha. Chúng tôi đã từng chịu đựng, từng nâng đỡ nhau trải qua quá nhiều đau khổ, bây giờ không phải là lúc phải chia ly.

Nghĩ thế, tôi chạy ù ra ngoài tìm Cha. Tuyết phủ thật dày, nơi các gian trại, cửa sổ đều phủ đầy sương giá. Chiếc giầy cầm trong tay, vì chân bên phải vừa mổ của tôi không thể nào xỏ vào giầy, tôi chạy mà không cảm thấy đau hay lạnh gì cả.

- Cha, chúng ta phải làm sao?

Cha tôi không trả lời.

- Chúng ta phải làm sao?

Cha vẫn trầm ngâm. Sự lựa chọn trong tay chúng tôi. Đây là lần duy nhất, chúng tôi được tự quyết định số phận của mình. Ở lại, cả hai, trong bệnh xá, tôi có thể xin “bác sỹ của tôi” cho Cha được ở lại như một bệnh nhân hay y tá. Hay là đi theo những người khác?

Tôi quyết định sẽ theo Cha bất cứ nơi nào Cha đi.

- Vậy, chúng ta phải làm sao, Cha?

Cha vẫn im lặng.

- Hãy để họ chuyển chúng ta đi với những người khác đi Cha. Tôi nói.

Cha không trả lời mà chỉ nhìn vào cái chân bị thương của tôi:

- Con có nghĩ rằng con đi bộ được không?

- Con nghĩ được Cha ạ.

- Hy vọng rằng chúng ta không hối hận, Eliezer.

(Sau chiến tranh, tôi được biết những người bệnh quyết định ở lại trong bệnh xá đã được Hồng quân Liên Xô giải thoát, hai ngày sau khi cả trại rút lui. Thật đơn giản!)

TÔI KHÔNG TRỞ VỀ BỆNH XÁ mà về thẳng căn trại của tôi. vết thương dưới chân tôi lại bị nứt ra và chảy máu, nhuộm đỏ cả làn tuyết trắng.

Vị trưởng phòng phát cho chúng tôi hai phần bánh mì và bơ để lên đường. Quần áo và sơ mi trong nhà kho, ai muốn lấy bao nhiêu thì lấy.

Bên ngoài trời đang lạnh lắm. Chúng tôi lên giường. Đêm cuối cùng ở Buna. Lại một lần nữa, đêm cuối cùng: đêm cuối cùng ở nhà; đêm cuối

cùng ở khu biệt cư; đêm cuối cùng trong toa xe lửa và bây giờ, đêm cuối cùng ở Buna. Chúng tôi còn bao nhiêu “đêm cuối cùng” như thế nữa trong cuộc đời?

Tôi không tài nào ngủ được. Qua những khung cửa kính đóng băng, từng tia sáng đỏ rực lên. Tiếng đại bác phá tan sự yên tĩnh của màn đêm. Quân đội Nga đã gần lắm! Giữa họ và chúng tôi chỉ cách một đêm, một đêm cuối cùng. Tiếng xầm xì từ giường nọ sang giường kia: may ra, Hồng quân Liên Xô sẽ tiến vào đây trước khi cả trại rút lui. Hy vọng!

Có tiếng người nói:

- Cô ngủ đi. Lấy sức để mai lên đường...

Câu nói làm tôi nhớ đến lời khuyên của Mẹ trước ngày rời khu biệt cư.

Nhưng tôi vẫn không ngủ được. Tôi cảm thấy cái chân của tôi nóng ran lên.

BUỔI SÁNG HÔM SAU, cả trại thay đổi hẳn bộ mặt. Mạnh ai nấy khoác lên người đủ loại quần áo, trông cứ như dạ hội hóa trang. Ai cũng cố khoác lên người thật nhiều quần áo, cái nọ chồng lên cái kia cho khỏi lạnh. Tội nghiệp cái đám hề, to chiều ngang hơn chiều cao, trông chết nhiều hơn sống. Tội nghiệp những sinh vật mặt mũi ma quái thò ra từ đám quần áo tù. Tội nghiệp đám xiếc!

Tôi cố tìm một chiếc giày thật rộng, nhưng vô hiệu. Tôi phải xé một chiếc mền và quấn vào cái chân bị thương. Rồi tôi lên ra ngoài trại hy vọng tìm thêm được vài mẩu bánh mì hay vài củ khoai tây. Vài người đồn rằng chúng tôi sẽ được đưa đến Tiệp Khắc. Không: đến Gros-Rosen. Không: đến Gleiwitz. Không: đến....

Đến hai giờ chiều, tuyết vẫn đổ đầy đặc. Thời gian trôi qua thật nhanh. Hoàng hôn buông xuống, cảnh vật chìm trong màu xám ảm đạm.

Bỗng dưng, vị trưởng phòng chợt nhớ ra là chưa lau dọn phòng. Ông ra lệnh cho bốn người tù vào lau sàn... Một tiếng trước khi rời trại! Tại sao? Làm cho ai?

- Cho quân đội giải phóng, - ông nghiêng răng nói, để họ biết rằng nơi đây đã có người sống chứ không phải heo!

Chúng tôi cũng là người ư? Gian trại được lau từ đầu chí cuối, từ trên xuống dưới.

SÁU GIỜ CHIỀU THÌ CHUÔNG REO VANG. Hồi chuông báo tử! Đám tang! Đoàn người bắt đầu tiên bước.

- Xếp hàng! Lẹ!

Chỉ thoáng một cái, chúng tôi đã vào hàng, theo từng gian trại. Màn đêm vừa buông xuống, tất cả đều vào đó, như họ tính toán.

Đèn rọi bật lên. Cả trăm lính Đức xuất hiện giữa màn đêm, kèm theo cầu vệt. Tuyết vẫn không ngừng rơi.

Cổng trại mở ra. Bên ngoài, bóng đêm lại còn dày đặc hơn nữa.

Những gian đầu tiên bắt đầu bước. Chúng tôi vẫn đợi. Chúng tôi còn phải đợi cả năm chục gian xếp hàng trước chúng tôi. Trời lạnh quá. Trong túi tôi có hai mẩu bánh mì. Tôi muốn ăn làm sao! Nhưng tôi biết là không được phép. Không phải lúc này.

Gần đến gian trại chúng tôi rồi: gian 53... gian 55...

- Gian 57, thẳng tiến! Bước! Tuyết cứ rơi mãi không ngừng.

Chương VI

NGÓN GIÓ LẠNH BUỐT CỨ THÔI vù vù nhưng chúng tôi vẫn không hề ngừng bước. Lính Đức luôn miệng thúc giục chúng tôi:

- Đi nhanh hơn! Cái bọn vô dụng, đồ chó này!

Tại sao không? Đi nhanh hơn, chúng tôi lại cảm thấy ấm hơn. Mạch máu lưu thông dễ dàng hơn. Chúng tôi có cảm tưởng sống lại...

- Nhanh hơn nữa! Đồ chó!

Chúng tôi không còn đi bộ nữa mà là chạy như những người máy. Lính Đức cầm roi và vũ khí cũng chạy luôn. Chúng tôi có cảm tưởng là đang chạy trốn trước mặt họ.

Đêm tối đen như mực. Thỉnh thoảng, một tia chớp lại lóe lên trong màn đêm. Họ ra lệnh bắn bỏ những ai không chạy được theo nhịp độ của đoàn. Ngón tay sẵn sàng đặt trên cò súng, họ không chừa một ai. Bất cứ người nào ngừng chân lại một giây, là tiếng súng lạnh lùng kết liễu ngay cái tên “đồ chó”.

Tôi cứ đặt chân nọ trước chân kia như một cái máy, và cố lê lét cái bộ xương cách trí vẫn còn quá nặng trong lúc này. Ước gì tôi bỏ được nó! Dù đã cố gắng không nghĩ ngợi nữa, nhưng tôi vẫn cảm thấy như tôi là hai mảnh: Tôi và Thê xác của tôi. Tôi ghét cái thể xác vô dụng đó. Tôi không ngừng tự nhủ: “Đừng nghĩ nữa, không được dừng lại, chạy!”

Gần tôi, có người ngã quỵ xuống đồng tuyết bắn thiêu bên đường. Súng nổ!

Chạy bên cạnh tôi là Zalman, một anh bạn nhỏ người Ba Lan, làm việc ở xưởng làm đồ điện trong trại Buna. Ai cũng trêu chọc anh ta chỉ vì anh không ngừng miệng cầu nguyện, đọc kinh; nếu không thì lại trầm ngâm suy nghĩ về giáo lý. Đối với anh, đó là một cách để lánh xa thực tại, lánh xa cái cảm giác roi vọt...

Đang chạy thì bỗng nhiên, anh ta thấy bao tử bị quặn lại. Anh kêu lên với tôi:

- Tôi đau bụng quá !

Anh nói không thể đi tiếp nữa, anh muốn ngừng lại một lúc. Tôi nài nỉ anh:

- Đợi một chút Zalman. Lát nữa đây, tất cả đều phải ngừng chân chứ chúng

ta đâu có thể chạy thể này đến tận cùng thế giới được.

Nhưng chỉ chạy được một quãng nữa thì anh tự đưa tay cởi nút quần và kêu lên:

- Tôi không thể nào chạy được nữa. Bao tử của tôi nóng ran, sắp nổ tung rồi.
- Cố lên Zalman, chút nữa thôi..
- Tôi không xong rồi..., - anh ta rên rỉ.

Anh ta kéo quần xuống và ngã nhào xuống đất. Đó là hình ảnh cuối cùng của anh mà tôi ghi nhận được. Tôi không nghĩ rằng anh bị một tên lính Đức nào bắn bỏ, vì chẳng ai để ý cả. Nhưng chắc chắn là anh chết dưới chân của hàng ngàn người từ sau tiến lên.

Tôi quên anh bạn thật lạ. Tôi bắt đầu nghĩ đến chính bản thân tôi. Vì cái chân bị mổ mà cứ mỗi bước đi tôi lại run lên. “Vài thước nữa thôi, - tôi nghĩ, chỉ vài thước nữa thôi và tất cả sẽ qua hết. Tôi sẽ ngã nhào xuống. Một ánh lửa đỏ, một nhát súng...”

Chạy! Chạy! Tôi cảm đầu chạy, theo đoàn người đang chạy. Cái chân vừa mổ của tôi sưng phồng, nhức nhối theo mỗi bước chân. Ý nghĩ tìm cái chết, buông xuôi hết đã bắt đầu ám ảnh tôi. Không còn tồn tại nữa, không bị đau đớn hành hạ nữa, không đói, không khát, không lạnh nữa. Chỉ cần bỏ hàng ngũ, lăn xuống bên vệ đường, không ai hay biết, và nham mắt cho những bước chân sau dòn dập đè lên cho đến chết. Là hết! Thật dễ dàng, thế nhưng sao tôi không làm được? Sự hiện diện của Cha tôi đã là lý do duy nhất khiến tôi chùng lại. Cha đang chạy bên cạnh tôi, với tất cả hơi sức cuối cùng. Tôi là nguồn hy vọng, là điểm tựa cuối cùng của Người. Tôi không có quyền ích kỷ đi tìm cái chết để giải thoát trong lúc này. Mất tôi, Cha sẽ ra sao? Tôi là nơi nương tựa duy nhất của Cha.

Những tư tưởng ấy cứ liên tục chạy trong đầu tôi trong lúc tôi chạy, khiến tôi không còn cảm thấy cái chân đau cóng, thậm chí không còn nhận thức được là tôi đang chạy, và lê cái thân này mà chạy giữa hàng ngàn hàng vạn người khác.

Khi tôi sức tỉnh trở về thực tại, tôi cố chạy chậm hơn một chút nhưng vô phương. Làn sóng người kia đang ào ào tiến tới như ngọn thủy triều, sẽ cán tôi chết như con kiến.

Từ lúc ấy, tôi cứ chạy như người mộng du. Đôi lúc, tôi nhắm mắt lại và vừa chạy vừa ngủ. Có lúc, người đi sau húc tôi một cái thật mạnh làm tôi tỉnh giấc. Người đàn ông đang sau la lên:

- Mày có chạy nhanh lên không? Nếu không muốn tiến tới, để chúng ta qua mặt mày đi...

Nhưng tôi chỉ cần nhắm mắt lại một giây lát để nhìn cả thế giới đang chạy qua tôi, để mơ một cuộc đời khác.

Con đường dài như bất tận. Cứ để cho đám đông đẩy đi. Cứ để cho định mệnh mù lòa lôi cuốn đi. Những người lính Đức khi mệt thì được người khác thay thế. Nhưng chúng tôi thì chẳng có ai thay thế cả. Dù đang chạy vẫn lạnh thấu xương, cổ họng khô ran, đói lả, mệt đứt hơi, chúng tôi vẫn phải chạy.

Chúng tôi là chủ thiên nhiên, là chủ thế giới. Chúng tôi quên hết, chết chóc, mệt mỏi, những nhu cầu căn bản; chúng tôi mạnh hơn sự lạnh lẽo và đói khát, mạnh hơn súng ống, mạnh hơn cả ý chí mong chết; chúng tôi bị lên án bị kết tội, lang thang vô định, không còn gì cả ngoài con số ký danh. Chúng tôi là những người duy nhất trên trái đất này.

CUỐI CÙNG, SAO HÔM ĐÃ LẤP LÁNH trên nền trời xam xám. Ánh sáng yếu ớt đã le lói cuối chân trời. Chúng tôi mệt lả, không còn sức lực, không còn ảo tưởng nữa.

Người trưởng đoàn tuyên bố rằng chúng tôi đã chạy được bảy mươi cây số kể từ lúc khởi hành. Chúng tôi đã quên cái cảm giác mệt mỏi từ khuya rồi. Đôi chân cứ chạy như máy, nó không cần chúng tôi, nó coi như không có chúng tôi.

Chúng tôi đến một làng bị bỏ hoang. Không một bóng người. Không một tiếng chó sủa. cửa sổ mở toang. Có người tách ra khỏi hàng ngũ để thử thời vận, núp vào một tòa nhà bỏ trống nào đó.

Lại chạy thêm một giờ nữa và chúng tôi được lệnh tạm nghỉ.

Chúng tôi nằm lăn ra tuyết. Cha tôi lay tôi dậy:

- Dậy đi con, ở đây không được đâu. Dậy, đằng kia, xa hơn một chút, có cái nhà kho. Đi lại đó...

Tôi không muốn và không còn sức mà đứng dậy nữa. Tuy thế tôi vẫn phải vâng lời Cha. Không phải là một nhà kho mà là một xưởng gạch với cái mái dột nát, cửa kính vỡ tan, và tường nhem nhuốc. Thật khó khăn để vào được bên trong, cả trăm tù nhân xô đẩy nhau ngoài cửa.

Rồi chúng tôi cũng vào được. Bên trong, tuyết cũng phủ đầy. Tôi lăn kên xuống. Mãi đến bây giờ tôi mới cảm thấy mệt như. Tôi cảm thấy tuyết giống như một tấm thảm êm ái và ấm áp. Tôi ngủ thiếp đi, không biết là bao lâu, vài phút hay một giờ? Khi tôi tỉnh dậy, một bàn tay lạnh ngắt vỗ vào má tôi. Tôi cố gắng mở mắt ra: thì ra là Cha tôi.

Trông Cha già xạm hẳn đi sau một đêm! Thân thể Cha quắt queo, co rúm lại, cặp mắt đờ đẫn, đôi môi khô héo. Cha mệt mỏi đến cực độ. Giọng nói của Cha ướt sũng nước mắt và tuyết:

- Eliezer! Đừng có ngủ trên tuyết, nguy hiểm lắm. Có thể sẽ bị ngủ vĩnh viễn đây. Dậy đi, dậy đi con giai!

Thức dậy? Làm sao tôi thức dậy được chứ? Làm sao tôi ra khỏi cái mền tuyết ấm áp này? Tôi nghe tiếng Cha tôi nói, nhưng lại mơ màng không hiểu gì, dường như Cha bảo tôi ôm lấy cả cái nhà kho này vào tay...

- Dậy, con giai, dậy...

Tôi ngồi dậy, nghiêng rằng lại. Cha choàng một tay, diu tôi ra ngoài. Không dễ. Muốn ra ngoài cũng khó y như lúc này muốn đi vào. Dưới chân chúng tôi, la liệt những xác người hấp hối, nằm dầm chồng lên nhau, không ai thèm để ý đến họ.

Ra đến bên ngoài, từng ngọn gió lạnh buốt quất vào mặt tôi. Tôi phải cần môi liên tục để không bị tê cứng lại. Khung cảnh chung quanh tôi trông như một vũ hội của người chết khiến tôi chóng mặt. Tôi đang đi trong một nghĩa địa, giữa những xác chết cứng đờ như những khúc củi khô. Không có lấy một tiếng kêu tuyệt vọng, không một tiếng cần nhả than phiền, không có gì cả trừ một đám người đang hấp hối và sự im lặng hoàn toàn. Không ai nhờ vả ai cả. Người ta chết vì phải chết, thế thôi. Không ai phiền nhiễu ai.

Tôi nhìn thấy chính tôi trong đám xác chết khô cứng đó. Lát nữa đây, tôi sẽ không nhìn thấy họ nữa, mà chính tôi sẽ là một trong những cái xác đó, chỉ còn là vấn đề giờ nào phút nào!

- Cha, trở về nhà kho đi Cha...

Cha tôi không trả lời. Thậm chí, Ông không nhìn những người đang chết la liệt kia.

- Đi, Cha! Ở trong đó đỡ hơn. Chúng ta có thể thay phiên nhau mỗi người nằm xuống một chút. Con sẽ canh chừng cho Cha và Cha sẽ canh chừng con, người nọ không để người kia buồn ngủ. Chúng ta trông chừng nhau.

Cha đồng ý. Sau khi bước qua bao nhiêu là người, bao nhiêu là xác nằm ngổn ngang dưới đất, chúng tôi cũng len vào được bên trong nhà kho,

và nằm lăn xuống đất.

- Đừng sợ, con giai! Ngủ đi, Cha trông chừng con.

- Không, Cha ngủ trước đi. Ngủ đi Cha!

Cha từ chối. Tôi nằm duỗi ra và cố ngủ một lát, nhưng không tài nào chợp mắt. Chỉ có Trời mới biết được tôi sẽ ngủ được một chút hay là ngủ vĩnh viễn. Trong tận cùng sâu thẳm, tôi cảm thấy rằng ngủ cũng đồng nghĩa với chết. Và có một cái gì đó trong tôi đã quyết chống lại cái chết đó.

Chết! Nó đang ở chung quanh tôi, âm thầm, nhẹ nhàng. Nó xâm nhập vào những người say ngủ, len lén đi vào và thiêu hủy họ từ từ.

Cạnh tôi, có người đang đánh thức một người bên cạnh, có thể là anh em hay bạn của hắn. Vô hiệu. Hắn thất vọng nên cũng nằm xuống bên cạnh cái xác ấy và cũng chìm vào giấc ngủ. Ai sẽ đánh thức hắn đây? Tôi đưa tay sờ vào hắn:

- Dậy đi, không ai được ngủ nơi đây...

Hắn mở hé mắt, nói giọng thì thào:

- Không việc gì đến anh, đừng khuyên tôi. Tôi kiệt sức rồi. Để yên tôi một mình.

Cha tôi cũng ngủ gà ngủ gật. Tôi không nhìn thấy đôi mắt của Cha. Cái mũ cát kết che hết mặt Cha.

- Dậy đi Cha! Tôi nói thầm vào tai Cha.

Cha giật thót mình ngồi dậy, ngơ ngác, sợ hãi nhìn quanh như đứa trẻ mồ côi. Anh mắt Cha cứ đảo chung quanh như thể là đang kiểm điểm lại thế giới của Cha, đang định thần xem mình đang ở đâu, làm cách nào và tại sao lại ở nơi này? Rồi Cha cười.

Tôi sẽ ghi nhớ mãi nụ cười ấy. Nó như đến từ thế giới nào.

Tuyết vẫn nặng nề rơi trên đám xác chết.

CÁNH CỬA NHÀ KHO XỊCH MỎ. Một ông già xuất hiện, bộ râu phủ đầy tuyết đóng đá, đôi môi thâm tím vì lạnh. Đó là giáo sỹ Eliahou, đứng đầu một cộng đồng nhỏ ở Poland. Ông rất tử tế, ai ai cũng yêu thích, kể cả lính Đức và các trưởng phòng. Trải qua bao thử thách và đau khổ, gương mặt ông vẫn ngời sáng tinh anh. Đó là vị giáo sỹ duy nhất ở Buna mà mọi người vẫn không quên gọi ông là “thầy”. Ông như một giáo đồ ngày

xưa giữa nhân loại để an ủi chúng sinh. Và lạ! Lời an ủi của ông không làm ai phần nộ cả, mà trái lại nó xoa dịu mọi người.

Ông bước vào nhà kho, đôi mắt rực sáng hơn bao giờ hết, nhìn quanh như đang tìm ai.

- Có ai thấy con trai của tôi không?

Ông đã thất lạc con trai trong cuộc hỗn loạn, và đã tìm con trong đám xác chết mà không thấy. Ông cào cả tuyết để tìm xác con nhưng vô vọng. Suốt ba năm trời, hai cha con ở cạnh nhau, cùng chịu đựng, cùng chia xẻ những lần roi, những mẩu bánh mì và cùng nhau đọc kinh cầu nguyện. Ba năm! Từ trại nọ sang trại kia, từ lần Tuyên lự nọ sang đợt Tuyên lự kia. Thế mà bây giờ, khi trận chiến dường như sắp đến hồi kết thúc, thì định mệnh lại tách rời họ ra! Ông lại gần tôi, thì thầm:

- Chuyện xảy ra trên đường đi. Chúng tôi lạc nhau trên đường. Tôi đi chậm lại đằng sau đoàn người vì hết hơi để chạy rồi. Con trai tôi không để ý. Tôi chỉ biết có thế. Nó biến đâu mất? Làm sao tôi tìm được nó đây? May ra, có thể cậu nhìn thấy nó?

- Thầy Eliahou, con không có nhìn thấy anh ấy.

Thế là ông lại bỏ ra khỏi phòng, giống như lúc ông đến, như một cái bóng mà gió cuốn đi. Khi ông bước ra khỏi ngưỡng cửa rồi thì tôi chợt nhớ lại là con trai ông đã chạy bên cạnh tôi. Thế mà lúc này tôi quên khuấy mất và không nói với ông!

Rồi tôi lại nhớ thêm điều nữa: con trai ông có nhìn thấy ông đi lùi lại phía sau đoàn người. Nhưng anh ta vẫn tiếp tục tiến về phía trước, cố tình đào sâu thêm khoảng cách giữa hai cha con.

Một ý nghĩ khủng khiếp chạy qua đầu tôi: anh ta muốn gạt bỏ Cha của anh cho rảnh nợ! Anh thừa biết Cha anh đã quá yếu. Anh tin rằng cuộc chiến gần tàn, và nghĩ rằng sự chia ly này sẽ làm anh dứt bỏ được gánh nặng và thêm cơ hội sinh tồn cho chính anh.

May mắn là tôi quên bằng chuyện này nên không kể cho ông nghe. Bây giờ tôi thật sung sướng khi thấy giáo sỹ Eliahou vẫn ngày thơ tiếp tục tìm kiếm đứa con trai yêu quý của ông.

Trong lòng tôi thầm khấn nguyện, xin Thượng đế, mặc dù tôi không còn tin Thượng đế nữa:

- Lạy Trời! Lạy đấng tối cao của nhân loại, xin cho con sức mạnh để đừng bao giờ con làm những điều mà con trai của giáo sỹ Eliahou đã làm với ông.

CÓ TIẾNG LA HÉT BÊN NGOÀI SÂN. Bóng đêm đã đổ xuống. Lính Đức lại hò hét, ra lệnh cho chúng tôi xếp hàng.

Một lần nữa chúng tôi lại tiếp tục cuộc “Tử Hành” (Death Marches). Những người đã chết ở lại trong sân, dưới làn tuyết lạnh, như những người lính thua trận, không một ai mai táng. Không ai đọc kinh Tử cho họ. Con cái bỏ lại thì hài cha mình không một giọt lệ !

Trên đường, tuyết cứ rơi, cứ rơi, không ngừng. Chúng tôi càng lúc càng đi chậm lại. Kể cả lính canh xem chừng cũng mệt mỏi lắm. Cái chân bị thương của tôi không còn thấy đau nữa, chắc đã hoàn toàn bị tê cứng vì lạnh rồi. Tôi có cảm tưởng đã mất đi cái chân ấy, nó rời khỏi tôi như cái bánh xe rơi ra khỏi chiếc xe. Có sao đâu. Tôi phải chấp nhận sự thật: tôi phải sống với một cái chân còn lại. Điều quan trọng là không bắn khoản nghĩ đến nó nữa, nhất là vào lúc này. Để mai mốt tính sau.

Cả đoàn chúng tôi trông chẳng còn kỷ luật nữa. Ai muốn đi ra sao thì đi. Súng cũng chẳng buồn nổ. Lính gác cũng mệt mỏi hết rồi. Nhưng Tử thần đã không cần đến lính Đức giúp nữa vì cái giá lạnh ngoài trời đã làm bốn phần một cách tuyệt hảo. Cứ mỗi bước lại có người không chịu đựng được nữa và ngã quỵ xuống.

Thình thoảng, lính Đức chạy mô tô dọc theo đoàn tù, hô:

- Ráng lên! Gần tới rồi.
- Can đảm lên! Chỉ còn vài giờ nữa thôi!
- Chúng ta tới Gleiwitz rồi.

Những lời khích lệ ấy, mặc dù từ miệng của những kẻ sát nhân, nhưng cũng giúp chúng tôi lên tinh thần. Không ai muốn bỏ cuộc trong lúc này, ngay lúc cuối cùng này, lúc chúng tôi sắp tới đích. Chúng tôi dõi mắt về phía chân trời tìm kiếm cái hàng rào dây kẽm của trại Gleiwitz. Ước muốn duy nhất của chúng tôi là tới đó càng sớm càng tốt.

Đêm đã xuống rồi. Tuyết cũng ngừng rơi. Chúng tôi đã đi suốt mấy tiếng trước khi đến trại. Và chúng tôi chỉ nhìn thấy trại khi đến ngay trước cổng.

Lính Đức nhanh chóng lừa chúng tôi vào trong ba rắc. Mọi người xô đẩy, chen lấn nhau làm như đây là nơi trú ẩn cuối cùng, cánh cửa của sự sống. Họ bước lên cả những người nằm la liệt, giẫm lên mặt những người bị thương. Không ai kêu la, chỉ có tiếng rên rỉ. Chúng tôi: Cha tôi và tôi, cũng

bị xô xuống đất bởi cái dòng người cuộn cuộn ấy. Dưới chân chúng tôi, có tiếng người rên một cách tuyệt vọng:

- Các ông đè bẹp tôi rồi.... làm ơn!
Cái giọng này nghe quen quen.

- Các ông đè bẹp tôi rồi.... làm ơn, làm ơn!
Cũng tiếng than thở ấy, cũng cái giọng nói yếu ớt ấy, tôi đã nghe ở đâu rồi? Giọng nói ấy nhắc nhở tôi một ngày xa xưa. Nhưng lúc nào? ở đâu? Bao nhiêu năm rồi? Không! Nhất định là ở trong trại tập trung thôi.

- Làm ơn!
Tôi biết là tôi đã đè lên anh ta, đã làm anh ta nghẹt thở. Tôi muốn đứng lên và cố gắng nhích ra để anh ta thở một chút. Nhưng khổ nỗi, chính tôi cũng bị một người khác đè lên, tôi cũng đang nghẹt thở! Tôi dùng móng tay cào cào vào những gương mặt không quen thuộc. Tôi cấn chung quanh để tìm một chút không khí. Thế mà không có ai la lối gì cả.

Bất chợt tôi nhớ ra rồi. Juliek! Cái anh chàng đến từ Varsovie, chơi vĩ cầm trong toán quân nhạc ở trại Buna...

- Juliek, có phải anh không?
- Eliezer... anh bạn bị 25 roi... phải, tôi nhớ.
Anh ta chợt im lặng một hồi lâu.

- Juliek! Anh có nghe tôi nói không?
- Có ! Anh ta trả lời yếu ớt: anh muốn gì?
Thì ra anh ta chưa chết.

- Anh thấy thế nào? Tôi hỏi, không phải để nghe câu trả lời của anh, mà để nghe anh nói, để biết rằng anh còn sống.

- Được, Eliezer... được... ngọt ngào quá... mệt quá. Đôi chân tôi sưng vù. Được nghỉ ngơi cũng tốt... nhưng cái đàn violon của tôi....

Tôi nghĩ rằng anh ta mất lý trí rồi. Giờ này hỏi cái đàn vĩ cầm? ở đây? Làm gì chứ?

- Cái gì? Cây đàn violon của anh?
Juliek thở hổn hển:

- Tôi... tôi sợ... họ làm gãy cây đàn của tôi... Tôi đã đem nó bên mình khi rời trại.

Tôi không thể trả lời anh ta được nữa. Có ai đó đang nằm dài trên người tôi, che cả mặt tôi lại. Tôi không thở được bằng mũi, cũng không thể thở bằng miệng. Mồ hôi vã ra trên trán và trong lưng. Thế là hết rồi, đến

đường cùng rồi. Một cái chết yên lặng, chết ngạt. Không có cách chi kêu la, không có cách chi kêu cứu.

Tôi cố đẩy cái “kẻ giết người” kia ra, tất cả bản năng sinh tồn của tôi dồn vào mấy đầu móng tay. Tôi cào, tôi cầu để đôi lấy chút không khí. Nhưng tôi đã cào xé vào cái xác mục nát không biết trả lời. Tôi không thể nào đẩy cái khối ấy đang đè nặng lên ngực tôi. Biết đâu là tôi đang đánh vật với một người đã chết không biết chừng?

Tôi không bao giờ có câu trả lời. Tất cả mà tôi có thể nói là tôi đã thắng, đã tự đào cho mình một lỗ hở trong bức tường chết chóc ấy, một lỗ hở để hít một chút không khí.

NGAY LÚC TÔI CÓ THỂ MỞ MIỆNG ĐƯỢC, tôi gọi:

- Cha! Cha có đây không?

Tôi biết là Cha không thể ở xa tôi.

- Có! Cha đang cố ngủ một chút.

Tiếng Cha trả lời từ xa, nghe như từ thế giới nào đến.

Cha đang cố ngủ? Cha đúng hay sai? Ai có thể ngủ ở đây? Ai dám lo lắng nơi đây, dù chỉ một phút? khi mà Thần Chết cứ lảng vảng để đánh gục chúng tôi bất cứ lúc nào.

Tôi nghĩ như thế thì thoáng nghe tiếng đàn vĩ cầm. Tiếng vĩ cầm trong căn trại tẩm tối khi mà người chết chồng chất lên những người còn sống. Ai mà điên khùng đàn vĩ cầm nơi đây, ngay trên nắm mồ của chính mình? Hay cũng chỉ là một ảo giác thôi?

Còn có thể là ai, ngoài Juliek? Tôi chưa bao giờ nghe một âm thanh nào có thể trong sáng tuyệt vời đến thế. Trong một bầu không khí yên lặng như thế! Làm sao anh ta có thể lách ra được đám người nằm chồng lên anh ta, trong đó có tôi, mà tôi không hề cảm nhận thấy?

Trong bóng đêm dày đặc, tôi chỉ còn nghe tiếng vĩ cầm, như thể là Juliek đang dùng cả tâm hồn anh để làm phím gảy; như thể là anh ta đang trải cả dòng đời trên những dây tơ: những giấc mơ đã mất, những quá khứ thể lương, những tương lai tắt lụi. Anh đang đàn những tiếng đàn mà anh không bao giờ còn cơ hội đàn lại nữa.

Tôi không bao giờ quên được tiếng đàn đêm ấy của Julie. Làm sao tôi quên được cái buổi hòa tấu tuyệt vời ấy giữa một đám cử tọa đang hấp hối bên cạnh những thân người? Đến ngày nay, mỗi lần nghe lại cái đoạn nhạc ấy của Beethoven, tôi nhắm mắt lại, trong vũng tôi, lại hiện lên khuôn mặt nhợt nhạt và buồn thảm của anh bạn nhỏ, đang dạo phím vĩ cầm trong giờ hấp hối, trước một cử tọa cũng đang hấp hối.

Tôi không biết anh đàn trong bao lâu. Mệt, tôi lả đi. Khi tôi tỉnh giấc, Julie nằm cong queo, ngoẹo đầu trên cây đàn violon đã gãy. Anh đã chết! Đêm qua.

Chúng tôi ở trong trại Gleiwitz ba ngày. Ba ngày không có thức ăn và nước uống. Không ai được ra khỏi ba rắc, ngoài cửa lúc nào cũng có lính Đức canh gác.

Vừa đói vừa lạnh, và có lẽ tôi bản ghê lắm, cứ nhìn những người khác thì đủ thấy. Mẩu bánh mì đem từ Buna đã ăn từ đời nào, và không biết đến bao giờ họ lại cho chúng tôi khẩu phần mới?

Chiến tuyến cứ đuổi theo chúng tôi. Một lần nữa, chúng tôi lại nghe tiếng đại bác, thật gần. Nhưng chúng tôi không còn hơi sức cũng như không đủ can đảm để nghĩ rằng lần này quân Đức quốc xã sẽ không còn đủ thì giờ để rút lui, và quân đội Nga sẽ tràn vào trước khi chúng tôi lại được lệnh di tản.

Nghe đồn rằng chúng tôi sẽ bị đày sang Đức.

Đến ngày thứ ba, trời vừa hừng sáng, chúng tôi được lùa ra khỏi ba rắc. Mỗi người quần lên vai vài tấm mền trông như những tấm khăn choàng mặc khi cầu lễ. Chúng tôi được đưa đến một cánh cửa dùng để chia căn trại ra làm đôi. Một toán lính Đức đã đứng chờ Săn ở đấy. Có tiếng xầm xì trong hàng ngũ của chúng tôi: Tuyển Lựa.

Sỹ quan Đức làm cuộc tuyển lựa: những người yếu ớt sang bên trái. Những người còn đi được tốt thì sang bên phải.

Cha tôi bị đưa sang trái. Tôi chạy bén gót theo Cha. Một sỹ quan Đức hét lên sau lưng tôi:

- Trở lại đây!

Tôi cứ nhích dần và lún vào đám đông. Đám lính Đức cuống lên lo đi tìm tôi tạo nên tình trạng hỗn loạn khiến một số người ở phía tay trái đã

thừa cơ hội lên sang bên phải, trong số đó có hai cha con tôi. Lại vài tiếng súng, vài người ngã gục.

Chúng tôi được đưa ra khỏi trại. Sau nửa giờ đi bộ, chúng tôi tới giữa một cánh đồng có nhiều đường rầy xe lửa bắt ngang. Đó là chỗ mà chúng tôi sẽ phải đợi xe lửa tới.

Tuyết lại rơi thật nhiều. Chúng tôi được lệnh không được ngồi cũng như không được di chuyển.

Tuyết phủ đầy trên những tấm mền chúng tôi khoác trên vai. Họ cho chúng tôi phần bánh mì thường lệ. Chúng tôi vồ lấy ăn ngấu nghiến. Vài người có ý kiến ăn tuyết cho đỡ khát. Thế là những người khác bắt chước ngay. Vì không ai có quyền cúi xuống cho nên mỗi người rút ra cái muỗng và múc tuyết đọng trên lưng của người bên cạnh. Một miếng bánh mì, một muỗng tuyết. Sĩ quan và lính Đức nhìn cảnh tượng ấy cũng phì cười.

Bao nhiêu giờ trôi qua. Chúng tôi mệt mỏi dõi mắt về phía chân trời chờ đoàn tàu giải phóng, mãi đến thật muộn tối hôm ấy, tàu hỏa mới tới. Đó là một đoàn xe lửa dài ngoằng, với những toa xe không có mái dèng để chở thú vật. Lính Đức đẩy chúng tôi lên toa, mỗi toa cả trăm người, chúng tôi gầy gò quá! Khi mọi người lên xe hết rồi, con tàu từ từ chuyển bánh.

Chương VII

TRONG TOA XE CHẬT HẸP, người nọ ép vào người kia, gắng chống chọi với cái lạnh ngoài trời, đầu trống rỗng nặng nề, những kỷ niệm đau thương cứ quay cuồng trong óc, tâm hồn thờ thần tê tái. Ở đây hay nơi khác? Chết hôm nay hay ngày mai? Có gì khác đâu chứ? Đêm càng lúc càng dài, dài như bất tận.

Khi tia nắng màu xám nhạt xuất hiện phía chân trời, tôi mới để ý cảnh tượng trong toa xe: đầu người nọ dựa lên vai người kia, chen chúc nhau, người nọ ép người kia, trông chẳng khác gì một hàng bia mộ phủ đầy bụi bặm dưới tia nắng sớm buổi ban mai. Tôi cố gắng nhìn xem ai đã chết và ai còn sống? Nhưng không thể nào phân biệt được! Ánh mắt tôi dừng lại thật lâu trên khuôn mặt của một người, mắt đang mở trao tráo, nhìn vào khoảng không. Khuôn mặt nhợt nhạt của ông ta phủ một lớp sương và tuyết.

Cha tôi đứng co rúm gần chỗ tôi đứng, gói mình trong tấm chăn, trên vai đầy tuyết. Cha chết rồi thì phải? Tôi gọi, không thấy Cha trả lời. Nếu tôi còn sức thì có lẽ tôi đã la to lên. Không thấy Cha nhúc nhích gì cả.

Bỗng nhiên, trong đầu tôi tràn ngập ý nghĩ: không còn lý do gì giữ tôi lại thế gian này nữa. Không còn gì để tranh đấu, để chống chọi nữa.

Xe lửa đột ngột ngừng lại ngay giữa cánh đồng trống không, khiến vài người đang ngủ say chột bưng mắt dậy, ngơ ngác nhìn chung quanh.

Bên ngoài, lính Đức rào qua rào lại hô to:

- Ném những người chết ra ngoài! Ném hết những xác chết.

Những người còn sống hài lòng lắm. Như thế sẽ rộng rãi dễ thở hơn một chút. Vài người tự nguyện bắt đầu. Họ sờ vào những người đứng chết trên tại chỗ.

- Đây, có một người. Ném hẳn ra!

Họ cởi quần áo người chết ra, và những người sống chia nhau vò lấy, rồi hai người cầm đầu và chân của xác chết ném ra ngoài toa xe như liệng một bao bột vẩy.

Chung quanh, họ gọi nhau ới ới:

- Tới đây, một người nữa! Người bên cạnh tôi, có một ông không nhúc nhích gì nữa!

Tôi chỉ giật mình tỉnh mộng khi hai người đàn ông tiến lại gần Cha tôi. Tôi nhào về phía Cha. Người ông lạnh ngắt. Tôi đập vào vai Cha, lắc tay Cha, kêu:

- Cha! Cha! Dậy đi Cha, họ sắp ném Cha ra ngoài...

Cha vẫn bất động. Hai người “phu đào mả nguyện” đẩy tôi ra:

- Để ông một mình. Mà không thấy ông chết rồi hay sao?

- Không! - Tôi gào lên: Không! Cha tôi chưa chết.

Tôi lay Cha tôi mạnh hơn, mạnh hơn. Cuối cùng, Cha mở hé đôi mắt không hồn. Hơi thở Cha thật là yếu ớt.

- Thấy chưa! Tôi hét lên.

Hai người kia lảng ra xa.

Chừng hai mươi xác chết bị ném ra ngoài đồng. Rồi con tàu lại tiếp tục cuộc hành trình, để lại đằng sau hàng trăm thi hài trần trụi không một nắm mồ, trên cánh đồng ngập tuyết của Poland.

CHÚNG TÔI KHÔNG ĐƯỢC PHÁT THỰC PHẨM. Ăn tuyết thay bánh mì. Ban ngày giống như ban đêm. Đêm đến, để lại trong tâm hồn chúng tôi những căn bã của bóng tối bao trùm.

Con tàu cứ chậm chậm di chuyển, thường xuyên ngừng lại vài giờ rồi lại khởi hành. Tuyết vẫn rơi không ngừng. Chúng tôi cứ nằm trên sàn cả ngày lẫn đêm, người nọ chồm chất lên người kia, mà không ai còn sức để cần nhần một tiếng. Chúng tôi chẳng còn gì ngoài một thân thể giá lạnh. Mắt nhắm lại, chỉ còn mơ đến trạm ngừng kế tiếp để ném bớt người chết xuống đường.

Cuộc hành trình kéo dài mười ngày đêm như thế. Thỉnh thoảng đoàn tàu đi ngang qua những thị trấn nhỏ của Đức quốc, thường là vào lúc sáng sớm, khi nhân công Đức bắt đầu trên đường đi làm. Họ ngừng chân lại nhìn chúng tôi không chút ngạc nhiên.

Một hôm, đoàn xe hỏa chở bọn tù chúng tôi dừng bánh lại. Một người thợ qua đường, rút trong túi vải ra một mẩu bánh mì, ném vào trong toa cho chúng tôi. Thế là cả một cuộc chiến bùng nổ, cả đám người đói khát xô vào đâm giết lẫn nhau để dành cho được chút mẩu vụn bánh mì, trước đôi mắt thích thú của anh thợ người Đức nhân đạo kia.

Nhiều năm sau, tôi chứng kiến lại cảnh tượng này tại Aden. Những hành khách du lịch trên chuyên tàu của tôi đùa nghịch, ném những đồng tiền xuống nước cho đám trẻ ngây thơ phóng xuống giành giật. Một cô gái đẹp người Paris thích thú trò chơi này lắm. Tôi chợt để ý hai đứa bé con đánh nhau chỉ chết để giật đồng tiền vừa ném xuống. Tôi năn nỉ cô gái :

- Có làm ơn! Xin đừng ném tiền xuống nước nữa...

- Tại sao không? - Cô gái ngạc nhiên hỏi: Tôi muốn làm việc từ thiện mà..

Trong toa, khi miếng bánh mì được ném lên, thì một trận chiến tranh xảy ra. Người nọ lặn xả vào người kia, cào cấu, cắn xé nhau, như những con thú dữ dành mồi, ánh căm thù rực lên trong những đôi mắt căm thù. Một sức sống mãnh liệt bùng lên, mài nhọn răng và móng tay của họ.

Một nhóm nhân công đi ngang bu lại dọc theo toa tàu. Chắc chắn họ chưa bao giờ nhìn thấy một cái xe lửa nào mà chở lắm người đến thế! Bánh mì cứ thế được ném vào toa. Và những kẻ bàng quang kia cứ thế mà ngắm cảnh tượng đám người tro xương trên tàu sẵn sàng giết nhau để dành lấy miếng vụn bánh mì.

Một mẩu bánh rơi vào toa của chúng tôi. Tôi quyết định đứng yên. Tôi biết, tôi không đủ mạnh để giành giật với đám người hung tợn chung quanh. Gần chỗ tôi, một ông già đang bò bằng cả chân lẫn tay, lách ra khỏi đám đông đang vật lộn nhau. Một tay ông ta dể vào tim. Thoạt đầu, tôi tưởng ông vừa bị một cú đá vào ngực. Nhưng tôi hiểu ra ngay: ông ta dẫu được một mẩu bánh mì trong lớp áo. Nhanh như chớp, ông lấy mẩu bánh ra bỏ vào miệng. Đôi mắt sáng rực lên, nụ cười nhăn nheo khiến bộ mặt tái mét của ông rực sáng, nhưng rồi tắt ngúm ngay lập tức. Một cái bóng nằm ngay dưới chân ông, đã nhào lên người ông. Ông choáng váng kêu lên:

- Méir, con giai! Méir, con không nhận ra Cha à? Cha của con đây. Con làm Cha đau quá. Con muốn giết Cha sao? Cha có bánh mì... có phần con nữa đây...

Ông ta ngã quy xuống, tay vẫn nắm chặt lấy mẩu bánh mì nhỏ, muốn đưa lên miệng. Nhưng cái bóng kia nhào lên người ông. Ông già thì thào vài tiếng gì, rồi rên rỉ trước khi chết. Chẳng ai lý đến.

Người con lục lọi trong người ông, lấy mẩu bánh và bắt đầu ăn. Nhưng nào có ăn được! Hai người khác đã nhìn thấy và nhào đến. Những người khác thấy thế cũng nhập trận. Khi họ rút lui, tôi thấy gần chỗ tôi, hai xác chết: người Cha và người con nằm chết cạnh nhau.

Lúc ấy tôi được mười lăm tuổi.

TRONG TOA CỦA CHÚNG TÔI CÓ một người bạn của Cha: ông Meir Katz, lúc trước làm vườn trong trại Buna, thỉnh thoảng vẫn mang cho chúng tôi vài rau cải tươi. Nhờ có chút rau cỏ, ông ít thiếu dinh dưỡng hơn chúng tôi, nên chịu đựng khá hơn. Xem ra, ông khỏe nhất trong đám chúng tôi nên được làm trưởng toa.

Đến đêm thứ ba của cuộc hành trình, tôi giật nảy mình vì đau khi có hai bàn tay ai đang bóp cổ tôi. Tôi chỉ kịp kêu lên:

- Cha!

Thế là hết. Tôi bị nghẹn thở. May mắn, Cha tỉnh giấc và níu lấy kẻ đang tấn công tôi. Nhưng Cha quá yếu nên đã phải cầu cứu đến ông Katz:

- Lại đây, lại đây mau! Có người bóp cổ con trai tôi!

Vài phút sau, tôi được giải thoát. Tôi không bao giờ tìm ra nguyên do tại sao kẻ kia lại có ý định bóp cổ hãm hại tôi.

Thế mà, chỉ vài hôm sau, chính ông Katz, người trưởng toa đã cứu tôi lại nói với Cha:

- Chlomo, tôi cảm thấy yếu đi nhiều. Bao nhiêu sức lực tiêu tan hết rồi. Tôi sắp tiêu rồi...

Cha tôi cố an ủi ông:

- Katz, đừng buông xuôi. Phải cố gắng chịu đựng. Không được mất lòng tin nơi chính anh...

Nhưng ông ta chỉ rên rỉ thay cho tiếng trả lời:

- Tôi không xong rồi, Shlomo! Không chịu được nữa...

Cha tôi quàng tay vào người ông; và cái ông Meir Katz, người khỏe nhất, người vững chãi nhất trong đám tù chúng tôi, bắt đầu khóc và kể lể: con trai ông đã bị tách rời xa ông từ đợt Tuyển lựa đầu tiên. Nhưng mãi đến bây giờ, đến lúc mà ông hoàn toàn suy sụp, ông mới khóc cho nó được. Thật hết rồi. Ông đã đến cuối đường rồi.

Đến ngày cuối của cuộc hành trình, gió bắt đầu rít lên khủng khiếp, trong khi tuyết vẫn tiếp tục rơi. Chúng tôi cảm thấy phút cuối gần kề, thực sự là phút cuối. Chúng tôi không thể nào cầm cự được nữa trong trận bão này, trong ngọn gió giá lạnh này.

Vài người đứng dậy và hô:

- Không thể ngồi đó chờ chết công! Hãy đứng lên hết, làm vài cử động!

Cả đám đứng bật dậy. Mọi người quần mền cho chặt hơn, chiếc mền đã thấm ướt vì tuyết. Rồi chúng tôi cứ đi qua đi lại trong toa tàu.

Thình lình, một tiếng kêu khiếp đảm vang lên trong toa. Tiếng kêu của một con thú bị thương. Có ai vừa mới chết!

Những người khác, sắp chết, bắt chước tiếng kêu thất thanh ấy. Những tiếng kêu như từ dưới mồ vọng lên. Chẳng bao lâu, tất cả mọi người đều kêu lên. Rên rỉ. Than oán! Những tiếng kêu ai oán hòa vào tiếng gió và tuyết lạnh bên ngoài.

Tiếng khóc than lan truyền sang các toa tàu khác. Như một cơn bệnh dễ lây, và cả bao trăm ngàn người đồng loạt khóc than ai oán; không biết oán trách ai, không biết tại sao mà khóc! Tiếng kêu hấp hối của cả đoàn xe đang đến hồi đẩy chết. Từng người, từng người một, sẽ kết thúc nơi đây. Tất cả mọi chịu đựng đã vượt quá giới hạn của mọi người. Không ai còn sức nữa. Đêm vẫn dài bất tận.

Ông Katz rên rỉ:

- Sao họ không bắn bỏ hết chúng ta cho rồi?

ĐÊM ẤY, CHÚNG TÔI ĐẾN NƠI đến chốn.

Lúc ấy, đã muộn lắm rồi. Lính gác đến ra lệnh cho chúng tôi ra khỏi toa. Những người chết bị bỏ lại trong toa. Chỉ những ai còn đứng vững được trên đôi chân thì được bước xuống.

Ông Meir Katz ở lại trong toa! Ngày cuối cùng là ngày chết chóc nhiều nhất. Trong toa của tôi, cả trăm người bị bỏ lại. Chỉ có mười hai người được rời khỏi toa, trong đó có Cha tôi và tôi.

Chúng tôi đến trại Buchenwald.

Chương VIII

NGAY TẠI CÔNG TRẠI, lính Đức đã chờ chúng tôi tại đó. Họ đếm, và hướng dẫn chúng tôi thẳng vào sân điểm danh. Lệnh được ban ra từ chiếc loa phóng thanh:

- Xếp hàng năm! Mỗi nhóm một trăm người. Tiến năm bước về phía trước!
Tôi nắm chặt tay Cha tôi. Vẫn một nỗi lo sợ xa xưa và quen thuộc: làm sao không bị lạc mất Cha.

Thật gần chúng tôi là cái ống khói khổng lồ của Hỏa lò. Nó không còn gây ấn tượng sợ hãi cho chúng tôi nữa, mà chỉ làm cho chúng tôi chú ý thôi.

Họ cho biết chúng tôi sẽ phải đi tắm theo thông lệ mỗi khi nhập trại mới, rồi sẽ được hướng dẫn đến các gian trại. Ý nghĩ được tắm vòi nước nóng làm tôi mê mẩn. Cha không nói một tiếng nào. Cha thở một nhọc bên cạnh tôi.

Tôi gọi:

- Cha! Chỉ một chút nữa thôi. Mau lắm, chúng ta sẽ được nằm xuống. Cha có thể nghỉ.

Cha không trả lời. Tôi cũng mệt nhoài nên cũng không thắc mắc gì về sự im lặng của Cha tôi. Tôi chỉ muốn tắm nước nóng lẹ lẹ và được nằm lăn trên giường.

Nhưng thật không dễ dàng để vào được vòi nước nóng. Bao nhiêu trăm, ngàn người bu quanh nơi ấy. Lính gác cũng không làm sao giữ trật tự được, nên họ cứ quất bên trái, rồi lại bên phải không có kết quả gì. Những tù nhân yếu hơn, không đủ sức chen lấn, ngay cả không đủ sức đứng chờ, thì ngồi bệt trên tuyết. Cha tôi cũng dợm làm theo, Cha rên rỉ:

- Cha không đủ sức nữa... hết hơi rồi... Cha sẽ chết nơi đây...

Cha kéo tôi ra đông tuyết, trong đó nhô ra những hình người, những chiếc mền tơi tả.

- Để Cha lại đây, - Cha tôi năn nỉ: Cha không thể đi nữa, hãy thương hại Cha. .. Cha sẽ đợi ở đây cho đến khi chúng ta có thể vào tắm... con quay trở lại tìm Cha.

Tôi tức chết đi được. Đã qua bao nhiêu gian khổ, chịu đựng đủ cực hình, bây giờ tôi có thể để Cha ở đây chết một mình được à? Tôi có thể đi tắm nước nóng một mình và nằm xoài trên giường? Tôi gào lên:

- Cha! Cha, đứng dậy ngay. Cha sẽ tự giết Cha ở đây...

Tôi kéo tay Cha dậy. Ông vẫn tiếp tục rên:

- Đừng la lối, con giai! Tội nghiệp thân già của Cha. Cho Cha nghỉ ở đây một lát. Cha xin con, Cha mệt quá... hết hơi hết sức rồi....

Cha trở nên yếu đuối, sợ sệt, lo âu như một đứa trẻ thơ.

- Cha! Cha không thể ở lại đây.

Tôi chỉ cho Cha bao nhiêu thân người chung quanh ông, họ cũng như Cha, cũng đã muốn nghỉ tại nơi này.

- Cha thấy, con giai! Cha thấy họ chứ. Hãy để yên cho họ ngủ. Đã từ lâu họ không được nhắm mắt như thế. Họ kiệt sức rồi... kiệt sức rồi....

Giọng Cha thật dịu dàng.

Tôi gào lên trong gió:

- Họ chết rồi! Họ không bao giờ tỉnh dậy nữa. Không bao giờ! Cha có hiểu không?

Chúng tôi cứ cãi cọ như thế một hồi. Tôi hiểu rằng không phải là tôi đang lý sự với Cha mà là đang lý sự với Tử Thần, với cái Chết mà Cha đã lựa chọn.

Hồi còi xé lên trong không trung. Báo động! Đèn đóm trong toàn trại được tắt hoàn toàn. Lính canh lửa chúng tôi vào các gian trại. Nháy mắt, đã không còn ai ở ngoài sân. Chúng tôi chỉ biết là mình sung sướng lắm, không còn phải đứng ngoài sân để chịu cơn gió lạnh băng.

Chúng tôi nằm lăn xuống sàn. Giường ở đây có nhiều tầng. Ở cửa ra vào, cái nôi sụp không có người thương thức. Ngủ! Đó mới là điều quan trọng nhất.

KHI TÔI TỈNH DẬY, trời đã sáng. Đó là lúc mà tôi nhớ ra là tôi còn có một người Cha. Trong lúc báo động, tôi đã theo đoàn người mà quên bằng Cha tôi. Tôi biết là Cha đã kiệt sức, đã gần gũi với cái chết lắm rồi, thế mà tôi vẫn bỏ rơi Cha!

Tôi vội vã đi tìm Cha. Cùng lúc đó, những ý tưởng hỗn tạp chạy trong đầu tôi: “Giả sử như tôi không tìm thấy Cha? Nếu tôi gạt bỏ được cái gánh nặng đó, tôi có thể dùng chút hơi sức cuối cùng để tranh đấu cho sự sống còn của chính tôi, chỉ lo cho chính tôi thôi...” Nhưng ngay sau đó, tôi lại thấy thật xấu hổ, xấu hổ với chính bản thân tôi, mãi mãi.

Tôi đi hàng bao nhiêu tiếng đồng hồ mà vẫn không tìm thấy Cha, và tôi đã đến nơi người ta đang phát cà phê đen. Mọi người đang xếp hàng, cái cộ chí chõe.

Một giọng nói rầu rĩ, van xin từ phía sau lưng tôi:

- Eliezer, con trai... mang cho Cha... chút cà phê...

Tôi chạy nhào về phía Cha:

- Cha! Con kiếm Cha này giờ rồi... Tôi qua Cha ở đâu? Cha có ngủ được không? Cha thấy thế nào?

Người Cha đang lên cơn sốt, nóng như lửa. Như một con thú hoang, tôi vệt lồi đi vào nồi cà phê và lấy được một ly. Tôi uống một ngụm, tất cả còn lại cho Cha.

Tôi không bao giờ quên được ánh mắt cảm ơn của Cha khi nuốt vội ly cà phê ấy. Là lòng biết ơn của một con thú. Chỉ với vài giọt cà phê ấy, có lẽ tôi đã mang lại cho Cha bao sự thỏa mãn, hơn cả một thời thơ ấu của tôi...

Cha nằm xoài trên ván, tái nhợt, đôi môi khô khan và nhợt nhạt, run rẩy. Tôi không được ở với Cha lâu hơn. Họ đuổi chúng tôi ra ngoài để làm vệ sinh trại. Chỉ những người bệnh mới được ở lại bên trong.

Chúng tôi ở ngoài trời năm tiếng đồng hồ. Họ phát súp cho chúng tôi. Ngay khi họ cho phép về trại, tôi phóng ngay vào gặp Cha:

- Cha được ăn chưa?

- Chưa.

- Tại sao?

- Họ không cho gì để ăn cả. Họ nói những người bệnh sẽ chết sớm thôi, không nên phí phạm thức ăn. Cha không thể tiếp tục nữa rồi...

Tôi cho Cha phần súp còn lại của tôi, nhưng tim tôi thất lại, vì tôi cảm thấy việc tôi nhường súp cho Cha trái với ý muốn của lòng tôi. Tôi cũng không khá gì hơn đứa con trai của giáo sỹ Eliahou. Tôi cũng không vượt qua được sự thử thách này.

CÀNG NGÀY, CHA TÔI LẠI càng yếu hơn. Ánh mắt mờ đi, khuôn mặt tái mét như tàu lá chết. Ngày thứ ba kể từ hôm chúng tôi đến trại Buchenwald, mọi người phải vào vò tắm, kể cả người bệnh, được phép tắm sau cùng.

Khi tắm xong, chúng tôi phải đợi thật lâu ngoài trời để người ta làm vệ sinh các trại.

Từ xa, tôi nhìn thấy Cha nên chạy lại phía Cha. Cha tôi tiến đến bên tôi như chiếc bóng, và vượt qua tôi mà không ngừng lại, cũng không nhìn tôi. Tôi gọi, Cha cũng không quay lại. Tôi chạy theo Cha, gọi:

- Cha! Cha chạy đi đâu vậy?

Cha nhìn tôi một lát, ánh mắt xa xăm, rục lên, khuôn mặt Cha trông như một người khác. Chỉ một lát, rồi Cha lại tiếp tục chạy.

Bị bệnh kiết lỵ, Cha được đặt nằm trên chiếc giường ván cùng với năm người tù khác cũng bị bệnh. Tôi ngồi bên cạnh, trông chừng Cha. Tôi không dám tin rằng Cha còn có thể thoát khỏi tay Tử Thần. Tuy nhiên, tôi vẫn làm mọi cách để đem nguồn hy vọng cho Cha.

Đột nhiên, Cha ngồi dậy, kề đôi môi sốt bỏng vào tai tôi thì thầm:

- Eliezer, Cha phải cho con biết chỗ mà Cha đã chôn vàng bạc và tiền... ở dưới hầm... con biết rồi?...

Rồi Cha bắt đầu nói, càng lúc càng nhanh, như e rằng không còn đủ thì giờ để nói hết tất cả với tôi. Tôi cố nói với Cha rằng Cha sẽ không sao đâu, rằng chúng tôi sẽ cùng nhau trở về nhà, nhưng Cha không muốn nghe tôi nói nữa. Thật ra là Cha không còn nghe được tôi nói nữa. Cha đã kiệt sức rồi. Nước bọt lẫn với máu tràn ra miệng. Cha nhắm mắt lại thở hổn hển.

Tôi đã đổi một phần bánh mì với một tù nhân để được chuyển sang nằm cạnh Cha tôi. Buổi chiều, khi bác sỹ tới, tôi chạy lại nói với ông rằng Cha tôi trở bệnh nặng lắm.

- Mang ông ta tới đây.

Tôi giải thích là Cha tôi không thể nào đứng dậy được, nhưng ông bác sỹ lơ đi không nghe. Vì thế, tôi phải hết sức cố gắng và khó khăn lắm mới mang Cha tôi đến cho ông khám. Ông ta nhìn Cha rồi hỏi sằng giọng:

- Ông muốn gì?

Tôi trả lời thay cho Cha:

- Thưa bác sỹ, Cha tôi bị bệnh... bệnh kiết lỵ..

- Không việc gì đến tôi. Tôi là bác sỹ giải phẫu. Cút đi! Lấy chỗ cho người khác!

Sự phản kháng của tôi chẳng có ích dụng gì cả.

- Cha không chịu đựng được nữa, con giai! Mang Cha trở lại giường đi.

Tôi đem Cha về chỗ và đỡ cho Cha nằm xuống.

Cha run lên.

- Cha cố ngủ một chút, cố ngủ đi Cha....

Hơi thở của Cha khò khè, nặng nề. Cha nhắm mắt lại. Nhưng tôi tin chắc là Cha nhìn thấy tất cả, nhìn thấy sự thật của tất cả mọi chuyện.

Một người bác sỹ khác bước vào. Cha tôi từ chối không chịu ngồi dậy, Cha biết rằng chỉ vô dụng thôi.

Thật ra, ông bác sỹ này tới chỉ để kết liễu người bệnh mà thôi. Tôi nghe ông ta la lối người bệnh rằng họ chỉ lười biếng, chỉ muốn nằm trên giường. Tôi chỉ muốn nhào tới bóp cổ ông ta cho chết thôi, nhưng tôi lại không đủ can đảm, cũng không có hơi sức nữa. Tôi chỉ nghĩ đến cơn hấp hối của Cha tôi. Tay tôi đau điếng vì tôi đã nắm quá chặt. Bóp cổ ông bác sỹ và mấy ông khác nữa. Thiêu hết cả vũ trụ này. Những kẻ sát nhân đã hại chết Cha tôi! Nhưng tiếng kêu la của tôi bị nghẹn trong cổ họng.

Lúc lãnh bánh mì xong trở về, tôi thấy Cha khóc như một đứa trẻ:

- Con giai! Họ đánh Cha!

- Ai? Tôi nghĩ là Cha tôi bị mê sảng.

- Là nó... cái tên người Pháp, và tên người Poland.... chúng nó đánh Cha.

Lại thêm một vết đâm vào tim, thêm một sự căm thù. Một lý do nữa để chán sống.

- Eliezer, Eliezer, nói họ đừng đánh Cha... Cha có làm gì đâu, tại sao đánh Cha?

Tôi điên lên sỉ nhục những đứa nằm cạnh Cha. Họ nhạo báng tôi. Tôi hứa cho họ bánh mì và súp. Họ cười tôi. Rồi họ nổi giận, nói rằng họ không chịu đựng được Cha tôi nữa. Họ không thể cứ phải tha ông ra ngoài để tiêu tiện.

Hôm sau thì Cha lại căn nhắc là họ lấy đi phần bánh mì của Cha.

- Lúc Cha ngủ à?

- Không, Cha không có ngủ. Họ nhào lên người Cha và giật lấy mẫu bánh mì. Rồi họ lại đánh Cha nữa. Cha không chịu được nữa. Cho Cha chút nước...

Tôi biết rằng bệnh của Cha không thể uống nước. Nhưng Cha năn nỉ mãi, tôi đành phải nhượng bộ thôi. Nước đối với bệnh này là một liều độc dược tai hại nhất. Nhưng tôi còn có thể làm gì khác cho Cha được chứ? Có nước hay không có nước thì sớm hay muộn cũng kết liễu thôi...

- Con, chỉ có con là còn tội nghiệp Cha...

Tội nghiệp Cha! Tội tội nghiệp Cha? Đứa con trai duy nhất của Cha!

Một tuần lễ trôi qua như thế. Người trưởng phòng hỏi tôi:

- Đây là Cha cậu à?

- Vâng, là Cha tôi.

- Ông ta ốm nặng quá.

- Bác sỹ không chịu làm gì cho Cha tôi cả.

Ông trưởng phòng nhìn vào mắt tôi nói:

- Bác sỹ không thể làm gì cho Cha cậu. Cậu cũng thế, không làm được gì thêm.

Ông ta để bàn tay to lớn, lông lá lên vai tôi và nói thêm:

- Nghe đây, cậu nhỏ. Đừng quên rằng cậu đang ở trong trại tập trung, ở đây, mỗi người chỉ tự nghĩ đến bản thân mình thôi, không nghĩ đến ai khác, kể cả Cha cậu. ở đây không có ai là Cha, là anh em hay bạn bè gì hết. Mỗi người chúng ta sống một mình và chết một mình. Tôi cho cậu lời khuyên: đừng có nhường bánh mì và súp cho Cha già của cậu nữa. Cậu không làm gì cho ông được nữa, mà lại hại chính cậu. Trái lại, cậu phải lấy phần của ông mới đúng...

Tôi nghe ông nói mà không ngắt lời. Ông nói đúng, trong thâm tâm tôi thấy ông nói đúng: “Eliezer, đã quá muộn màng để cứu vớt người Cha già yếu của mày rồi, - tôi tự nhủ, mày có thể được hai phần súp, hai phần bánh mì...”

Ý tưởng ấy dù chỉ thoáng qua đầu tôi trong giây lát nhưng tôi cảm thấy thật tội lỗi. Tôi vội chạy đi kiếm chút súp và đem đến cho Cha. Nhưng Cha không còn muốn ăn nữa, Cha chỉ đòi nước.

- Đừng uống nước, Cha ăn súp đi.

- Cha đang chết khát. Tại sao cả con cũng hung dữ với Cha, con giai? Nước, nước....

Tôi đem nước đến cho Cha, rồi ra khỏi phòng để đi đến sân tập hợp điểm danh. Nhưng tôi mau lẹ quay về phòng và leo lên nằm trên tầng giường trên. Người bệnh được quyền ở lại phòng. Tôi đã cáo bệnh. Tôi không muốn rời xa Cha tôi lúc này.

Chung quanh tôi, tất cả đều yên lặng ngoại trừ tiếng rên rỉ của người bệnh. Ngoài cửa, lính Đức đang hò hét ra lệnh. Một người sỹ quan Đức đi qua dãy giường. Cha tôi năn nỉ:

- Con giai, nước... Cha chết khát mất.... trong bụng Cha như thiêu đốt...

- Im lặng! Viên sỹ quan hét lên.

- Eliezer, - Cha tôi vẫn tiếp tục rên, nước, cho Cha nước...

Viên sỹ quan lại gần, ra lệnh cho Cha tôi im. Nhưng Cha không nghe được nữa mà vẫn tiếp tục gọi tên tôi. Hấn nổi cău, giáng cho Cha một cú dùi cui vào đầu.

Tôi nằm im thín thít. Tôi sợ, thân thể tôi sợ cú dùi cui, lần này sẽ là trên đầu tôi.

Cha tôi vẫn còn rên một lần nữa, tôi nghe:

- Eliezer...

Tôi thấy Cha hãy còn thở hồn hển. Tôi nằm im không nhúc nhích.

Sau giờ điểm danh, khi tôi bước xuống giường, tôi thấy đôi môi của Cha run rẩy, thì thầm cái gì. Hơn một giờ đồng hồ, tôi cứ nghiêng về phía Cha, để ngắm nhìn Cha, để khắc sâu khuôn mặt vầy máu và cái đầu bị sút của Cha vào tâm khảm.

Đến giờ phải đi ngủ. Tôi trèo lên giường của tôi, ngay bên trên giường của Cha tôi, lúc ấy vẫn còn sống. Hôm ấy là ngày 28 tháng 1, năm 1945.

SÁNG SỚM NGÀY 29 THÁNG GIÊNG, tôi choàng tỉnh dậy. Nơi cha tôi nằm, người ta đã đẩy vào đó một người bệnh khác. Có lẽ trước bình minh, họ đã đem Cha đi, ném vào hỏa lò, có thể là Cha vẫn còn thở...

Không một ai cầu nguyện cho Cha trước giờ chết, cũng không một ngọn nến tưởng niệm. Tiếng nói cuối cùng của Cha là: “Eliezer”, tên tôi. Nhưng, tôi đã không thể trả lời.

Tôi không khóc, tôi thật khổ sở đã không thể khóc. Nhưng tôi không còn nước mắt nữa. Mà trong tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, tôi lại tìm thấy một lời gì đó, dường như là: “*cuối cùng: GIẢI THOÁT*”...

Chương IX

TÔI Ở LẠI TRẠI BUCHENWALD cho đến ngày 11 tháng 4, năm 1945. Tôi sẽ không nói đến cuộc sống của tôi trong thời gian đó. Đối với tôi đã không còn quan trọng nữa. Kể từ ngày Cha tôi mất đi, đã không còn gì quan trọng đối với tôi nữa.

Tôi được chuyển sang gian trại chứa trẻ con, nơi đó đã có đến sáu trăm đứa trẻ.

Chiến tuyến càng lúc càng xích lại gần chúng tôi hơn.

Đó là những ngày ăn không ngồi rồi của tôi. Chỉ một ước muốn duy nhất: ăn! Tôi không còn nghĩ đến Cha tôi hay Mẹ tôi nữa.

Thỉnh thoảng, tôi cũng nằm mơ. Nhưng chỉ mơ thấy súp, mơ được thêm một phần súp.

VÀO NGÀY 5 THÁNG 4, bánh xe lịch sử xoay vần.

Buổi chiều hôm ấy, vào lúc khá muộn, chúng tôi đứng trong trại chờ lính Đức đếm đầu người, nhưng ông ta đến muộn. Trong lịch sử trại tập trung Buchenwald, chuyện đến muộn này chưa từng xảy ra. Chắc là có gì bất thường xảy đến?

Hai tiếng sau, tiếng loa phóng thanh truyền lệnh của trại trưởng: tất cả người Do Thái phải tập hợp ở sân điểm danh.

Đã đến hồi kết! Hitler đã giữ đúng lời hứa: sẽ tiêu diệt chúng tôi trước khi chuông đồng hồ điểm giờ thứ 24.

Trẻ con trong phòng chúng tôi không còn lựa chọn nào khác, đành tuân lệnh, xếp hàng ra sân. Gustav, người trưởng phòng của chúng tôi ra lệnh bằng cây roi. Nhưng dọc đường, chúng tôi gặp những người tù khác và họ rĩ tai:

- Máy em nhỏ, về phòng lẻ lẻ. Bọn Đức quốc xã dự tính bắn bỏ hết chúng bay. Tất cả về phòng và đừng nhúc nhích.

Chúng tôi lại lục đục chạy về. Trên đường, chúng tôi được tin cho biết là Tổ chức Phản kháng bí mật của trại đã quyết định không bỏ rơi dân Do Thái, và sẽ ngăn chặn việc Đức quốc xã thủ tiêu chúng tôi.

Vì lúc ấy trời đã tối và tình hình quá hỗn loạn, hằng hà sa số người Do Thái đã được thông qua và trà trộn vào đám người không phải là Do Thái, cho nên vị trưởng trại quyết định điểm danh toàn bộ vào ngày hôm sau. Tất cả mọi người phải có mặt.

Giờ điểm danh đã tới. Vị trưởng trại tuyên bố rằng trại tập trung Buchenwald sẽ được giải tán. Mười gian trại sẽ lần lượt rút lui mỗi ngày. Kể từ giờ phút này, không phát bánh mì, không phát súp nữa, và cuộc giải tán bắt đầu. Mỗi ngày, vài ngàn tù nhân sẽ rời công trại và không quay trở lại nữa.

NGÀY 10 THÁNG 4, trong trại vẫn còn khoảng vài chục ngàn người tù, trong đó có vài trăm trẻ con. Họ quyết định chiều hôm ấy cho chúng tôi rút lui đồng loạt. Sau đó, họ sẽ cho nổ tung trại.

Do đó, tất cả chúng tôi được tập trung tại sân điểm danh rộng thênh thang, xếp hàng năm, chờ giờ mở công. Bất chợt, tiếng còi hụ lại rít lên. Báo động! Quân đội Đồng minh đã tiến tới không xa chúng tôi. Chúng tôi phải về phòng. Trời đã quá muộn để rút lui chiều hôm ấy, nên họ lại dời đến hôm sau.

Cái đói dày vò chúng tôi cùng cực. Đã gần sáu ngày chúng tôi không có gì vào bụng, ngoại trừ vài cọng cỏ hay vài miếng vỏ khoai tây tìm được trên sàn bếp.

Lúc mười giờ sáng, lính Đức đi tuần khắp trại, và dồn hết chúng tôi ra sân tập hợp điểm danh.

Đó là lúc Mặt trận Phản kháng bí mật ra tay hành động. Những người trang bị súng ống không biết từ đâu xuất hiện khắp nơi. Súng ống, lựu đạn nổ tung trời. Đám con nít chúng tôi rút vào nằm nép xuống sàn trong trại.

Cuộc chiến không kéo dài. Đến trưa thì tình hình lắng dịu xuống. Quân Đức Quốc xã thảm bại rút lui và Mặt trận đã hoàn toàn làm chủ tình hình trong trại.

Khoảng 6 giờ chiều, chiếc xe tăng đầu tiên của Mỹ đã đậu trước cổng trại Buchenwald!

Hành động đầu tiên của đám người “tự do” chúng tôi là lăn xả vào lãnh thực phẩm. Chúng tôi chỉ nghĩ có thể. Không nghĩ đến thù hận, hay nghĩ đến Cha mẹ. Chỉ nghĩ đến bánh mì!

Ngay cả khi hết đói rồi, cũng không ai nghĩ đến việc báo thù hay phục quốc.

Ngày hôm sau, vài chàng trai trẻ chạy vào Weimar, mang về ít khoai tây và quần áo. Nhưng không có dấu hiệu trả thù nào.

Ba hôm sau ngày Giải phóng Buchenwald, tôi bệnh nặng; bị trúng độc một cái gì đó. Họ chuyển tôi đến bệnh viện và suốt hai tuần lễ tôi cứ thế mà vật lộn giữa sự sống và Chết.

Một ngày kia tôi thấy khá hơn và đã có thể ngồi dậy được. Tôi quyết định nhìn tôi trong tấm gương gắn trên bức tường đối diện, xem ra sao. Từ khi rời khu biệt cư nơi quê nhà, tôi chưa hề nhìn lại tôi.

Thì kìa! Ghê chưa? Trong tấm gương, xác chết của một con ma nào đó đang nhìn tôi chăm chăm. Ánh mắt nó cứ thao láo không rời đôi mắt tôi....

Diễn văn của Elie Wiesel trong dịp nhận giải Nobel Hòa Bình tại Oslo ngày 10-12-1986

Kính thưa Hoàng thượng, thưa quý Hoàng tử, Công chúa, thưa quý ngài, thưa Chủ tịch Aarvik, thưa các thành viên của ủy ban giải Nobel, thưa quý vị :

Tôi xin dâng những lời tạ ơn. Lời đầu dành cho đấng Sáng tạo chung của chúng ta. Đây là việc mà phong tục cổ của Do Thái buộc chúng tôi phải làm. Trong những dịp đặc biệt, người ta có bốn phen đọc lên lời cầu nguyện sau đây: “*Barukh atah Adonai... shehekhyanu vekiymanu vehigianu lazman hazeh*” “Phúc thay cho Người ... vì đã ban cho chúng tôi đời sống, vì đã nuôi dưỡng chúng tôi, vì đã cho phép chúng tôi đạt được ngày hôm nay.”

... “Kế tiếp, tôi xin cảm ơn Chủ tịch Aarvik, về ý nghĩa sâu xa của lời nói và hành động hào phóng của ngài. Xin cảm ơn ngài đã bắc được những chiếc cầu nối các con người và các thế hệ. Trên hết, xin cảm ơn ngài về việc đã giúp cho nhân loại đặt hòa bình thành khát vọng cấp bách và tôn quý nhất.

Thưa chủ tịch Aarvik, những lời của ngài đã làm tôi xúc động, xúc động sâu xa. Và tôi xin nghiêng mình thật sâu để đón nhận danh dự này – danh dự cao quý nhất – mà ngài đã chọn ban cho tôi. Tôi biết rằng sự chọn lựa của ngài nâng cao con người tôi.

Tôi có được quyền đại diện cho những đám quần chúng đã mất? Tôi có quyền thay mặt họ để nhận vinh dự lớn lao này hay không? Thừa không. Không ai được quyền nói thay cho người đã khuất, không ai được phép giải thích những giấc mơ và ước vọng bị cắt xé của họ. Vâng, tôi cảm nhận được sự hiện diện của họ. Tôi luôn luôn cảm nhận được – nhất là trong lúc này, hơn bao giờ hết. Sự hiện diện của cha mẹ tôi, sự có mặt của đứa em gái nhỏ của tôi. Sự có mặt của các thầy cô, các bạn bè, các đồng đội của tôi...

Vinh dự này thuộc về tất cả những người sống sót và con cháu họ, và qua chúng ta, của người Do Thái, mà tôi đã luôn gắn kết với định mệnh của họ.

Tôi nhớ: việc xảy ra hôm qua, hay thiên thu về trước. Một cậu bé Do Thái khám phá ra Vương quốc của Bóng đêm. Tôi nhớ sự hoảng hốt, nhớ nỗi đau đớn của cậu bé. Tất cả đều diễn ra quá nhanh. Khu biệt cư. Cuộc trục xuất. Toa xe chở súc vật bị che kín. Bàn thờ rực lửa mà trên đó lịch sử của chúng tôi và tương lai của nhân loại được đặt lên để sát tế.

Tôi nhớ rằng cậu bé đã hỏi cha: “Chuyện này có thể có thật không? Bây giờ là thế kỷ 20, không phải thời Trung Cổ. Ai cho phép những tội ác như thế xảy ra? Làm sao có thể có chuyện cả thế giới lặng câm? Và nay cậu bé đó đang quay sang tôi. Cậu hỏi: “Cho tôi biết. Ông đã làm gì với tương lai của tôi, ông đã làm gì với cuộc đời của ông?” Tôi bảo cậu tôi đã cố gắng. Rằng tôi đã cố để giữ cho ký ức được sống, rằng tôi đã cố để chiến đấu với những kẻ sẽ quên. Bởi vì nếu chúng ta quên đi, chúng ta sẽ có tội, chúng ta là tòng phạm.

Và rồi tôi giải thích cho cậu ấy biết chúng ta đã ngây thơ biết chừng nào, rằng thế giới đã biết và đã giữ im lặng. Và đó là lý do tại sao tôi đã thề sẽ không bao giờ câm lặng ở bất cứ phút nào, bất cứ nơi nào có những con người chịu đựng nỗi khổ ải và nhục nhằn. Chúng ta phải chọn một phe. Sự trung lập giúp cho kẻ đàn áp, không bao giờ giúp cho nạn nhân. Sự im lặng khuyến khích kẻ tra tấn, không khích lệ kẻ bị tra tấn. Có những lúc chúng ta phải can thiệp. Khi mạng sống con người gặp nguy hiểm, khi phẩm giá con người bị đe dọa thì các biên giới quốc gia và các sự nhạy cảm trở thành thừa thãi. Ở nơi nào mà những người nam và nữ bị bức hại vì chủng tộc, tôn giáo hay quan điểm chính trị của họ, thì nơi đó – vào lúc đó – phải trở thành trung tâm của vũ trụ.

Đương nhiên, vì tôi là một người Do Thái bám rễ thật sâu trong ký ức và truyền thống của dân tộc tôi, tôi đáp ứng trước hết cho những sự sợ hãi của người Do Thái, nhu cầu của người Do Thái, các cơn khủng hoảng của

người Do Thái. Vì tôi thuộc về thế hệ bị chấn thương, thế hệ đã trải nghiệm sự bỏ mặc và sự cô đơn của dân tộc tôi. Nếu tôi không coi những ưu tiên của người Do Thái ở Israel, người Do Thái ở Xô viết, người Do Thái ở các vùng đất Ả rập là những ưu tiên của tôi thì quả là không tự nhiên ... Nhưng những ưu tiên khác cũng rất quan trọng đối với tôi. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, theo tôi, là cũng đáng ghê tởm như chủ nghĩa bài Do Thái. Đối với tôi, việc cô lập Andrei Sakharov thì cũng ô nhục như việc giam cầm Joseph Begun và việc lưu đày Ida Nudel. Việc khước từ quyền bất đồng chính kiến của Công đoàn Đoàn kết và thủ lĩnh của công đoàn, ông Lech Walesa, cũng ô nhục như thế. Và cả những lần bắt đi bắt lại Nelson Mandela nữa.

Có quá nhiều sự bất công và thông khổ đang gào thét kêu gọi sự chú ý của chúng ta: nạn nhân của đói, của kỳ thị chủng tộc và của đàn áp chính trị – thí dụ như ở Chile, hay ở Ethiopia – các nhà văn nhà thơ, những tù nhân ở quá nhiều đất nước dưới sự cai trị của cả phe tả lẫn phe hữu.

Nhân quyền bị vi phạm ở mọi đại lục. Số người bị đàn áp đông hơn là số người tự do. Tại sao người ta lại có thể đứng dung với cảnh ngộ của họ? Nỗi khổ ải của con người ở bất cứ nơi nào ảnh hưởng đến mọi người ở mọi nơi... Điều này cũng đúng cả với những người Palestine, tôi cảm nhận được cảnh ngộ của họ nhưng tôi lấy làm tiếc cho các biện pháp đấu tranh của họ khi các biện pháp này dẫn đến bạo lực. Bạo lực không phải là câu trả lời. Khủng bố là một trong những câu trả lời nguy hiểm nhất. Họ thất vọng, điều đó hiểu được. Phải làm một cái gì đó. Các người tị nạn và nỗi khổ của họ. Trẻ em và nỗi sợ hãi của chúng. Những người bị bắt rề và sự tuyệt vọng của họ. Phải làm một điều gì đó cho hoàn cảnh của họ. Cả hai dân tộc Do Thái và Palestine đã mất quá nhiều.

Con trai và con gái của họ đã đổ quá nhiều máu. Chuyện này phải chấm dứt, và tất cả mọi cố gắng để chấm dứt nó phải được khuyến khích. Israel sẽ phải hợp tác, tôi chắc chắn điều đó. Tôi tin Israel, bởi vì tôi có niềm tin vào dân tộc Do Thái. Hãy để cho Israel có một cơ hội, hãy để cho hận thù và nguy hiểm được quét đi khỏi chân trời của họ, và hòa bình sẽ có ở trong và chung quanh Thánh Địa. Xin hiểu cho sự ràng buộc sâu đậm và toàn diện của tôi với Israel: nếu quý vị có thể nhớ điều mà tôi nhớ, quý vị sẽ hiểu. Israel là quốc gia duy nhất trên thế giới mà sự hiện hữu của nó bị đe dọa. Chỉ cần thua một cuộc chiến là Israel, và cả chúng ta sẽ kết thúc. Thế nhưng tôi có niềm tin. Tôi tin vào Thượng đế của Abraham, Isaac và Jacob, và cả vào sự sáng tạo của Ngài. Nếu không có sự sáng tạo đó, chúng ta sẽ không làm được gì cả. Và hành động là phương thuốc duy nhất chữa bệnh thờ ơ, mối nguy hiểm quý quyết nhất. Đó chẳng phải là ý nghĩa của di sản

của Alfred Nobel sao? Chẳng phải nỗi hãi sợ chiến tranh của ông là tấm khiên chắn đỡ chiến tranh hay sao?

Có quá nhiều thứ phải làm, có quá nhiều điều có thể làm được. Một người – một Raoul Wallenberg, một Albert Schweitzer, một Martin Luther King Jr. – một con người công chính có thể tạo ra sự khác biệt – sự khác biệt giữa sống và chết. Ngày nào một người bất đồng chính kiến còn ở trong tù thì sự tự do của chúng ta vẫn chưa là tự do đích thực. Ngày nào còn một đứa trẻ còn bị đói thì cuộc đời của chúng ta còn ngập đầy những đau khổ và hổ thẹn. Điều mà tất cả những nạn nhân này cần, trên mọi thứ, là biết rằng họ không lẻ loi, rằng chúng ta không quên họ, rằng khi tiếng nói của họ bị bóp nghẹt, chúng ta sẽ cho họ mượn tiếng nói của chúng ta, rằng trong khi tự do của họ lệ thuộc vào tự do của chúng ta thì phẩm chất của tự do của chúng ta tùy thuộc vào tự do của họ.

Đây là điều mà tôi nói với cậu bé Do Thái, đứa bé đã thắc mắc không hiểu tôi đã làm gì với tương lai của nó. Tôi nhân danh cậu bé này để nói với quý vị và tôi bày tỏ với quý vị niềm cảm kích sâu xa nhất của tôi, một người đã ngoi lên từ Vương quốc của Bóng Đêm. Chúng ta đều biết mỗi khoảnh khắc đều là một khoảnh khắc của ân sủng, mỗi một giờ là một món quà hiên dang mà nếu không chia sẻ chúng sẽ có nghĩa là phản bội chúng.

Cuộc đời của chúng ta đã không còn chỉ là của chúng ta; mà thuộc về tất cả những người đang thiết tha cần đến chúng ta.

Xin cảm ơn Chủ tịch Aarvik. Cảm ơn các thành viên của ủy ban giải Nobel. Cảm ơn dân tộc Na uy về việc đã công bố trong phút giây này rằng sự sống còn của chúng ta có ý nghĩa đôi với nhân loại.

Nguyên bản LA NUIT do
Nhà xuất bản
Les Éditions de Minuit (Paris) phát hành năm 1958
©1958-2007 by Les Éditions de Minuit
7, rue Bernard-Palissy
75006 Paris, France

Nhà xuất bản Tư Lưc (Hoa Kỳ) xuất bản
TL International Inc.
15735 Chemical Ln Huntington Beach
CA 92649, USA

Nhà xuất bản Les Éditions de Minuit
giữ bản quyền

1,000 ấn bản đầu tiên được in tại
Mayking Ent. Co Ltd
P.O. Box 8-306
Taipei, Taiwan ROC

Giá bán: 15 \$US

Notes

[←1]

^[1] Talmud, luật Do thái cổ.

[←2]

^[2] Hasid: một chi nhánh Do thái giáo.

[←3]

[3] Một tổ chức bán quân sự dưới quyền điều động của SS Quốc xã có nhiệm vụ triệt tiêu người Do thái.

[←4]

[4] Từ trong tiếng Hebrew, *Shekhinah* (*sekina*), một biến hình của Yahweh, đáng sáng thể của người Do thái, khi xuất hiện trước con người.

[←5]

^[5] Cuộc chiếm đóng nước Pháp bởi Đức quốc xã trong Thế chiến II.

[←6]

^[6] Cách mạng Pháp.

[←7]

^[7] Ngày Đức gửi tối hậu thư cho Bỉ, đòi quyền đưa quân băng qua nước này.

[←8]

^[8] Tập hợp các giới luật Do thái giáo.

[←9]

^[9] Một nhánh trong Do thái giáo.

[←10]

^[10] Holocaust, tiếng Hy Lạp có nghĩa là “sự phá hủy cuộc sống bằng lửa”, được dùng để chỉ cuộc tàn diệt chủng tộc Do thái của Đức Quốc xã trong Thế Chiến II.

[←11]

[11] Tên khác của đất Do thái và Jerusalem.